

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2016



VỮNG BƯỚC TƯƠNG LAI

Nước – khởi nguồn của vạn vật – từ những nhánh nhỏ, những mạch nước ngầm tuy nhỏ bé mà không ngừng len lỏi ra sông rộng để một ngày có thể hòa vào biển lớn. Khởi đầu của SMC, cũng như mạch nước ngầm kia, qua 28 năm hình thành và phát triển, dưới sự lãnh đạo tài ba của những thuyền trưởng tài năng, con thuyền SMC đã được lèo lái vượt qua bao sóng to gió lớn để đạt được những thành quả của ngày hôm nay, và sẽ tiếp tục phát triển ngày càng lớn mạnh và bền vững hơn.

Báo cáo thường niên CTCP SMC năm 2016, với chủ đề “Vững bước tương lai” được thể hiện như một câu chuyện kể với mong muốn các cổ đông cầm trên tay quyển báo cáo này có thêm màu sắc thú vị, không chỉ là những con số đơn điệu, và cũng là cách để ghi nhớ sự đóng góp và khả năng của ban lãnh đạo và toàn thể CBCNV SMC nhằm củng cố thêm lòng tin của quý cổ đông dành cho Công ty.

CÁC TỪ VIẾT TẮT

SMC	: Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại SMC	PTGD	: Phó Tổng Giám Đốc
CTCP	: Công ty cổ phần	TMCP	: Thương mại cổ phần
TNHH	: Trách nhiệm hữu hạn	VPĐD	: Văn phòng đại diện
MTV	: Một thành viên	BKS	: Ban kiểm soát
LNST	: Lợi nhuận sau thuế	BRVT	: Bà Rịa Vũng Tàu
KCN	: Khu công nghiệp	HCM	: Hồ Chí Minh
ĐHĐCĐ	: Đại hội đồng cổ đông	CP	: Cổ phiếu
SXKD	: Sản xuất kinh doanh	KTT	: Kế toán trưởng
HĐQT	: Hội đồng quản trị	TV	: Thành viên
TGD	: Tổng Giám Đốc	TH/KH	: Thực hiện/Kế hoạch
CTHĐQT	: Chủ tịch hội đồng quản trị	CBCNV	: Cán bộ công nhân viên
QTKD	: Quản trị kinh doanh	KQKD	: Kết quả kinh doanh
BCTC	: Báo cáo tài chính	SGDCK	: Sở Giao dịch chứng khoán
VLXD	: Vật liệu xây dựng	CBTT	: Công bố thông tin

MỤC LỤC

THÔNG điệp CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	04
TẦM NHÌN – SỨ MỆNH – GIÁ TRỊ CỐT LÕI	06
THÔNG TIN CHUNG VỀ DOANH NGHIỆP	07
1. Thông tin chung.....	10
2. Sản phẩm và dịch vụ	12
3. Mạng lưới hoạt động	14
4. Lịch sử phát triển và dấu ấn 2016	16
5. Sơ đồ tổ chức kinh doanh	18
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	20
1. Giới thiệu Hội Đồng Quản Trị	22
2. Báo cáo của Hội Đồng Quản Trị	24
Nhận định chung về tình hình thị trường và đánh giá kết quả hoạt động kinh doanh năm 2016.	24
Đánh giá của HĐQT về hoạt động của ban TGD	24
Báo cáo tình hình thực hiện nghị quyết ĐHCĐ năm 2016	25
Báo cáo các hoạt động của HĐQT trong năm 2016	26
Kế hoạch và định hướng của HĐQT năm 2017.....	27
BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	28
1. Giới thiệu Ban Tổng Giám Đốc.....	30
2. Báo cáo của Ban Tổng Giám Đốc.....	32
Nhận định chung về các yếu tố ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh 2016	32
Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh 2016 so với năm trước và so với kế hoạch....	34
Tình hình tài chính trọng yếu năm 2016.....	35
Cơ cấu tổ chức và công tác điều hành trong năm 2016	39
Kế hoạch và mục tiêu phát triển năm 2017.....	41
BAN KIỂM SOÁT	44
1. Giới thiệu Ban Kiểm Soát	46
2. Báo cáo của Ban Kiểm Soát	48
QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP	50
1. Quản trị rủi ro	52
2. Tổ chức và nhân sự.....	54
3. Quan hệ cổ đông và nhà đầu tư.....	56
4. Hoạt động xã hội, cộng đồng và bảo vệ môi trường	61
5. Phát triển bền vững.....	62
CÔNG TY CON – CÔNG TY LIÊN DOANH LIÊN KẾT	66
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT KIỂM TOÁN	76



“ Từ kinh nghiệm sâu sắc của thiệt hại năm 2015, SMC đã nghiêm túc đánh giá và phân tích các nguyên nhân cụ thể, đề ra các giải pháp thiết thực, phù hợp để có hướng khắc phục khó khăn, bên cạnh đó, củng cố và xây dựng vững chắc lòng tin từ trong nội bộ đến các đối tác bên ngoài để không làm ảnh hưởng đến thương hiệu và uy tín của SMC. Dù trong bất kỳ hoàn cảnh khó khăn nào cũng phải hết sức bình tĩnh, thấu hiểu nguyên nhân và tác động, tìm ra giải pháp phù hợp và chính xác để từng bước vượt qua. ”

“Biển lặng sẽ chẳng tạo nên những thủy thủ tài ba”

– Tục ngữ châu Phi –

Kính thưa quý cổ đông và nhà đầu tư,

Tại ĐHCĐ thường niên năm 2016, với sự tin tưởng và kỳ vọng mạnh mẽ, SMC đã trình trước Đại hội về kế hoạch kinh doanh và đặc biệt là khả năng chi trả cổ tức cho cổ đông sau khi khắc phục xong thiệt hại của năm trước. Với kết quả thực tế đạt được là 362,3 tỷ đồng LNST cho năm 2016, SMC đã hoàn tất việc chi trả 10% cổ tức bằng tiền mặt (tương đương 1.000 đồng/cp), tạo nên sự an tâm, tin tưởng cho các nhà đầu tư sau sự cố năm 2015. Năm 2016, HĐQT SMC cũng đã thông qua chủ trương khen thưởng cho CBCNV kinh doanh nếu vượt mức lợi nhuận được giao, điều này cũng đã được thực hiện vào cuối năm, tạo thêm sự phấn khởi, kết nối và gắn bó trong nội bộ doanh nghiệp.

Thành quả SMC đạt được không chỉ gói gọn ở những con số, mà còn là cả một quá trình với sản lượng tiêu thụ không ngừng gia tăng qua các năm. Đặc biệt qua đánh giá chặng đường 10 năm giai đoạn 2006 – 2016, SMC đã không ngừng phát triển mảng sản xuất và gia công chế biến; tổng cộng 5 nhà máy đã ra đời với tổng vốn đầu tư là 750 tỷ đồng, trong đó mới nhất là nhà máy sản xuất ống thép các loại chính thức hoạt động từ năm 2016, bước đầu có hiệu quả khá tốt. Từ các nhà máy này, SMC đã tạo dựng nên mối quan hệ ngày càng thuận lợi với các nhà sản xuất thép hàng đầu ở Châu Á như Nippon Steel (Nhật), China Steel (Đài Loan), Hyundai Steel (Hàn Quốc), và nhà máy Formosa – Hà Tĩnh; từ đó tạo ra sự chuyển dịch dần từ hoạt động thuần thương mại phân phối thép xây dựng sang gia công chế biến và tiêu thụ các loại thép dẹt với mức lợi nhuận biên cao và lượng khách hàng ổn định hơn. Năm 2016, tỷ lệ tiêu thụ thép dẹt của SMC đã đạt mức 42%, và đang hướng đến mục tiêu 50% trong thời gian tới. Có thể nói, những điều trên được nhắc lại nhằm nhấn mạnh mục tiêu và đường đi của SMC là chính xác và có định hướng lâu dài.

Bước sang năm mới 2017, tự nhìn nhận lại mình, SMC đã vượt qua khó khăn và thừa hưởng nhiều thuận lợi được tích lũy và chuẩn bị từ năm trước, nhưng đồng thời cũng sẽ có rất nhiều thách thức từ bên trong lẫn bên ngoài mà chúng ta không thể chủ quan được. Kinh tế thế giới dự báo vẫn còn nhiều thách thức, chưa biết đích xác tác động và ảnh hưởng của Mỹ, Anh và Châu Âu. Trong nước, kinh tế Việt Nam vẫn còn loay hoay giải quyết về công nợ, nợ xấu, và việc chậm chuyển biến của bộ máy quản lý nhà nước làm cho rủi ro về an toàn vốn và biến động tỷ giá, lãi suất ngày càng nặng nề.

Với SMC, chúng tôi tự tin đề ra phương châm “Vững bước tiến lên” cho năm 2017, với kỳ vọng tiếp đà của năm trước, Công ty sẽ tiếp tục phát triển và đi lên hơn nữa. Sau khi đã vượt qua được thử thách quá lớn của năm 2015 thì khó có thách thức nào cản được bước tiến của SMC, dù bước tiến của mình đôi lúc có thận trọng cao độ đã góp phần kiềm hãm sự nhảy vọt, nhưng sẽ luôn đảm bảo cho sự phát triển ổn định và vững chắc của mình.

Trân trọng

Chủ Tịch Hội Đồng Quản Trị
CTCP ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI SMC



NGUYỄN NGỌC ANH

TẦM NHÌN

Là Doanh nghiệp Thép **UY TÍN VÀ CHUYÊN NGHIỆP**
Nói đến Thép, nghĩ đến SMC – Nói đến SMC, nghĩ đến Thép

SMC cam kết thực hiện đúng vai trò uy tín và chuyên nghiệp trong lĩnh vực phân phối, hoạt động gia công và sản xuất kinh doanh thép, thường xuyên hoàn thiện và đổi mới để chất lượng và dịch vụ không ngừng nâng cao, đáp ứng nhu cầu đa dạng của khách hàng và thị trường.

SỬ MỆNH

SMC khát khao được cống hiến năng lực và trí tuệ của mình vì sự tin cậy và lợi ích của khách hàng, vì tương lai ổn định và bền vững cho ngành Thép Việt Nam.

TRIẾT LÝ KINH DOANH

Biết người biết ta
Tiên phong trong mọi hoạt động
Hài hòa lợi ích

GIÁ TRỊ CỐT LÕI

Chuyên nghiệp trong mọi hoạt động
Tối đa hóa lợi ích khách hàng
Đoàn kết, phấn đấu vì mục tiêu chung
Đề cao giá trị chữ Tâm trong mọi hoạt động.
Uy tín
Chuyên nghiệp
Tinh thần học hỏi.







BẮT NHỊP THỊ TRƯỜNG

"Cơ hội luôn đến vào lúc bạn không ngờ nhất"
— Nguyệt danh —

1. THÔNG TIN CHUNG VỀ DOANH NGHIỆP

Tên tiếng Việt	: Công ty Cổ phần Đầu Tư Thương Mại SMC
Tên tiếng Anh	: SMC Investment Trading Joint Stock Company
Tên giao dịch	: Steel Materials Company
Tên viết tắt	: SMC
Trụ sở chính	: 396 Ung Văn Khiêm, Phường 25, Quận Bình Thạnh, TPHCM
Điện thoại	: (84 - 08) 38 99 22 99
Fax	: (84 - 08) 38 98 09 09
Website	: www.smc.vn
Vốn điều lệ	: 295.183.610.000 đồng
Mã chứng khoán	: SMC
Mệnh giá	: 10.000 đồng
Cổ phiếu niêm yết	: 29.518.361 cổ phiếu tại Sở Giao dịch Chứng khoán TPHCM (HSX)
Ngành nghề kinh doanh	: <ul style="list-style-type: none">☞ Sản xuất kinh doanh xuất nhập khẩu các loại sắt thép, hàng kim khí, vật liệu xây dựng, hàng trang trí nội thất và thiết bị xây lắp các loại, thiết bị cơ khí, khung kho, nhà xưởng bằng cấu kiện nhôm thép inox.☞ Xây dựng, lắp đặt các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, sửa chữa nhà ở và trang trí nội ngoại thất theo quy định pháp luật☞ Lập dự án đầu tư xây dựng, tư vấn, thiết kế và kinh doanh nhà ở theo quy định pháp luật☞ Kinh doanh các mặt hàng điện máy kim khí, bách hóa, hàng tiêu dùng, hàng thực phẩm☞ Dịch vụ giao nhận, kho vận hàng hóa nội địa và hàng xuất nhập khẩu☞ Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê



2. SẢN PHẨM VÀ DỊCH VỤ



Thép tròn trơn



Thép gân



Thép cán nóng



Thép cán nguội



Lưới thép hàn SMC-Toami



Gia công thép tấm, lá



Ống thép



Thép cuộn

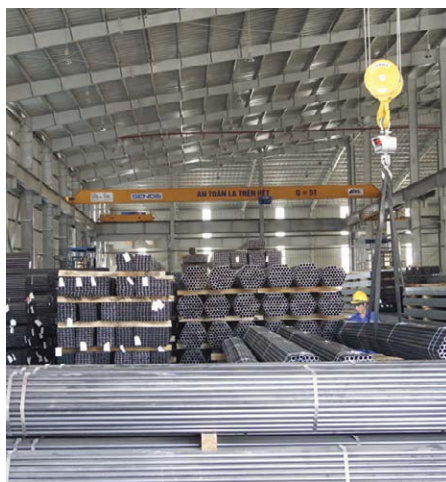


Xà gò



Cho thuê kho bãi

- ☞ Thép xây dựng bao gồm thép cuộn, thép tròn trơn, thép gân
- ☞ Thép tấm lá bao gồm thép cán nóng, thép cán nguội, thép lá mạ
- ☞ Ống thép
- ☞ Thép hình (H, I, U)
- ☞ Thép la, xà gồ
- ☞ Lưới thép hàn
- ☞ Thép cường độ cao
- ☞ Thép không theo quy chuẩn



Thép ống



Hệ thống Coil Center

- ☞ Hệ thống Coil Center với các nhà máy đặt tại BRVT, HCM và Hà Nội được trang bị thiết bị máy móc hiện đại nhập khẩu từ Đài Loan theo công nghệ của Đức, phương pháp quản lý khoa học theo tiêu chuẩn ISO 9001:2000, chuyên cung cấp dịch vụ gia công xà băng, cắt tấm các loại thép lá cán nguội, thép tấm cán nóng, thép lá mạ điện, thép lá mạ màu, thép không gỉ với độ chính xác và chất lượng cao
- ☞ Nhà máy sản xuất thép ống Việt Nhật SENDO có công suất từ 80.000 đến 100.000 tấn ống thép các loại/năm, bao gồm ống tròn, ống vuông, ống hộp, theo hai dòng sản phẩm ống đen và ống thép mạ kẽm.
- ☞ Nhà máy sản xuất lưới thép hàn Việt Nhật TOAMI chuyên sản xuất lưới thép hàn với công nghệ và chất lượng cao.

3. MẠNG LƯỚI HOẠT ĐỘNG



CÔNG TY THÀNH VIÊN



CÔNG TY LIÊN DOANH

Trụ sở chính:

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI SMC

396 Ung Văn Khiêm, Phường 25, Quận Bình Thạnh, TP.HCM

Điện thoại: (84-8) 3899 6067 – Fax : (84-8) 3898 0909

Website: [http:// www.smc.com.vn](http://www.smc.com.vn)

Công ty Thành Viên

CÔNG TY TNHH THÉP SMC

Đường 1B – Khu công nghiệp Phú Mỹ I,

Tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu

Điện thoại: (064) 3922 866

Fax: (064) 3922 469

CÔNG TY TNHH MTV KINH DOANH THÉP SMC

124 Ung Văn Khiêm, Phường 25

Quận Bình Thạnh, TP.HCM

Điện thoại: (08) 3899 6067

Fax: (064) 3512 6018

CÔNG TY CỔ PHẦN SMC HÀ NỘI

Lô số 47, KCN Quang Minh,

Huyện Mê Linh, Hà Nội

Điện thoại: (04) 3525 1522

Fax: (04) 3525 1526

CÔNG TY TNHH MTV SMC HIỆP PHƯỚC

Lô C5A, KCN Hiệp Phước, Huyện Nhà Bè, TP.HCM

CÔNG TY TNHH MTV CƠ KHÍ THÉP SMC

Đường 1B – Khu công nghiệp Phú Mỹ I,

Tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu

Điện thoại: (064) 3922 933

Fax : (064) 3922 499

CÔNG TY TNHH MTV SMC BÌNH DƯƠNG

Đường số 5, KCN Đồng An, Phường Bình Hòa,

Thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương

Điện thoại: (0650) 3769 526

Fax: (0650) 3783 839

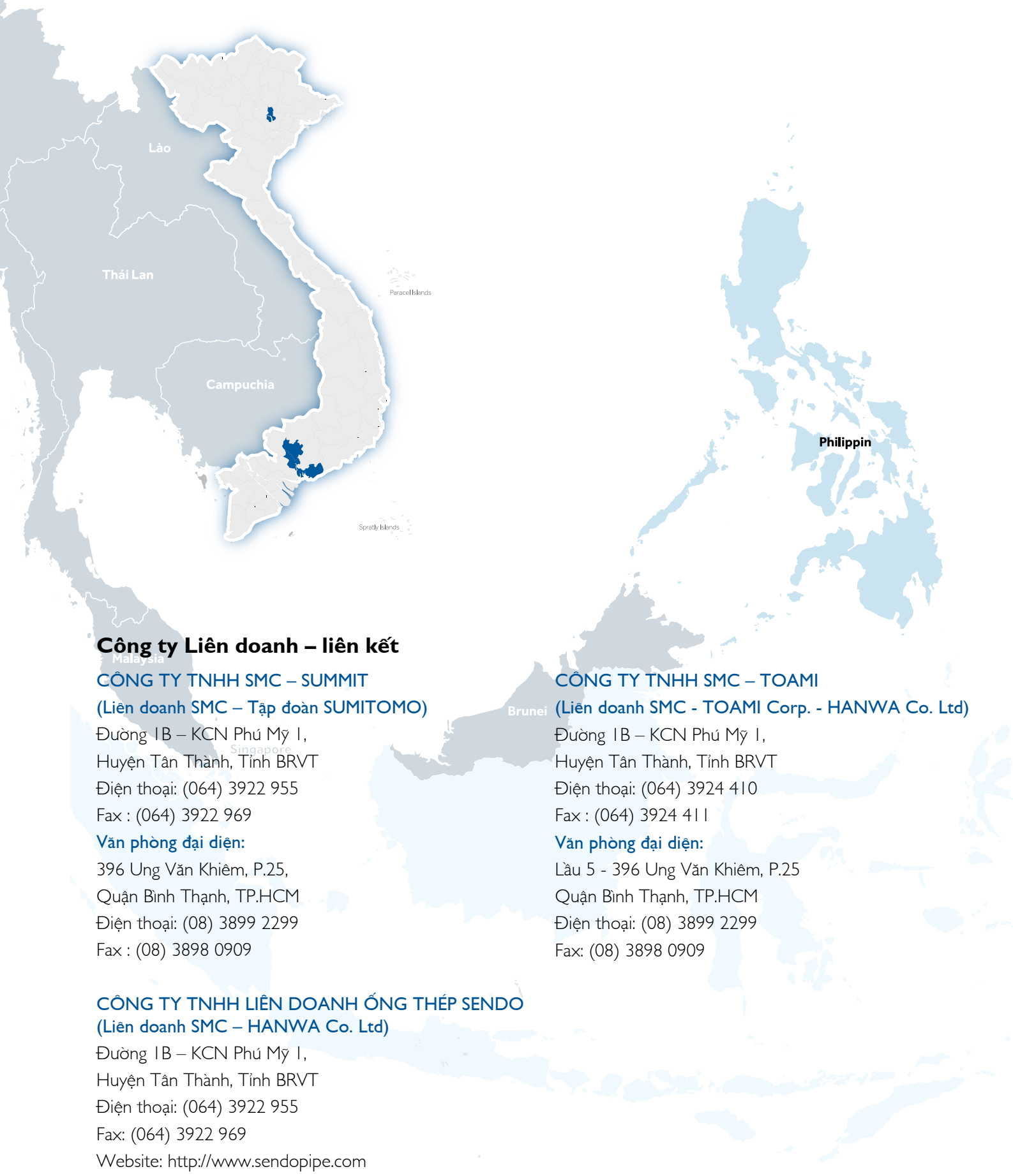
CÔNG TY TNHH MTV SMC TÂN TẠO

Lô 33, đường Trung Tâm, KCN Tân Tạo,

Phường Tân Tạo A, Quận Bình Tân, TP.HCM

Điện thoại: (08) 3754 7454

Fax: (08) 3754 5666



Công ty Liên doanh – liên kết

CÔNG TY TNHH SMC – SUMMIT (Liên doanh SMC – Tập đoàn SUMITOMO)

Đường IB – KCN Phú Mỹ I,
Huyện Tân Thành, Tỉnh BRVT
Điện thoại: (064) 3922 955
Fax : (064) 3922 969

Văn phòng đại diện:

396 Ung Văn Khiêm, P.25,
Quận Bình Thạnh, TP.HCM
Điện thoại: (08) 3899 2299
Fax : (08) 3898 0909

CÔNG TY TNHH SMC – TOAMI (Liên doanh SMC - TOAMI Corp. - HANWA Co. Ltd)

Đường IB – KCN Phú Mỹ I,
Huyện Tân Thành, Tỉnh BRVT
Điện thoại: (064) 3924 410
Fax : (064) 3924 411

Văn phòng đại diện:

Lầu 5 - 396 Ung Văn Khiêm, P.25
Quận Bình Thạnh, TP.HCM
Điện thoại: (08) 3899 2299
Fax: (08) 3898 0909

CÔNG TY TNHH LIÊN DOANH ỐNG THÉP SENDO (Liên doanh SMC – HANWA Co. Ltd)

Đường IB – KCN Phú Mỹ I,
Huyện Tân Thành, Tỉnh BRVT
Điện thoại: (064) 3922 955
Fax: (064) 3922 969
Website: <http://www.sendopipe.com>

4. LỊCH SỬ PHÁT TRIỂN VÀ DẤU ẤN 2016



➤ 1988

Thành lập Cửa hàng VLXD số 15 thuộc trung tâm Bán buôn bán lẻ VLXD Miền Nam

➤ 1996

Chuyển đổi thành Xí nghiệp sản xuất kinh doanh Vật liệu Xây dựng Số 1

➤ 1998

Thương hiệu SMC chính thức ra đời, SMC viết tắt cho "Steel Materials Company"

➤ 2002

Đón nhận Huân chương Lao động hạng 3 và Logo SMC chính thức ra đời.



➤ 2008

Thành lập Công ty TNHH MTV SMC Bình Dương và công ty TNHH MTV Cơ Khí Thép SMC

➤ 2009

Thành lập Công ty TNHH MTV SMC Hiệp Phước và Công ty TNHH MTV Kinh doanh Thép






➤ 2010

Hoàn thành mục tiêu chiến lược 05 năm giai đoạn 2006 – 2010 với tổng sản lượng tiêu thụ đạt 558 ngàn tấn.

➤ 2011

Thành lập Công ty Cổ phần SMC Hà Nội

2016

-  10/2016: Ký kết hợp tác chiến lược dài hạn SMC - Hyundai Steel về tiêu thụ và phân phối HRC
-  10/2016: Khánh thành nhà máy sản xuất lưới thép hàn SMC TOAMI
-  1.042.672 tấn thép tiêu thụ
-  9.441 tỷ Doanh thu thuần
-  362,3 tỷ Lợi nhuận sau thuế

➤ 2003

Thương hiệu SMC đã được đăng ký chứng nhận nhãn hiệu hàng hóa

➤ 2004

Cổ phần hóa và chính thức chuyển đổi thành Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại SMC

➤ 2006

Niên yết tại Sở giao dịch chứng khoán Tp.HCM với mã chứng khoán: SMC

➤ 2007

Đón nhận Huân chương lao động hạng 2 và Thành lập Công ty TNHH Thép SMC tại BRVT



➤ 2012

Thành lập liên doanh SMC - Summit giữa SMC và Tập đoàn Summitomo Nhật Bản

➤ 2013

Đón nhận Huân chương lao động hạng I và Thành lập Công ty TNHH MTV SMC Tân Tạo

➤ 2014

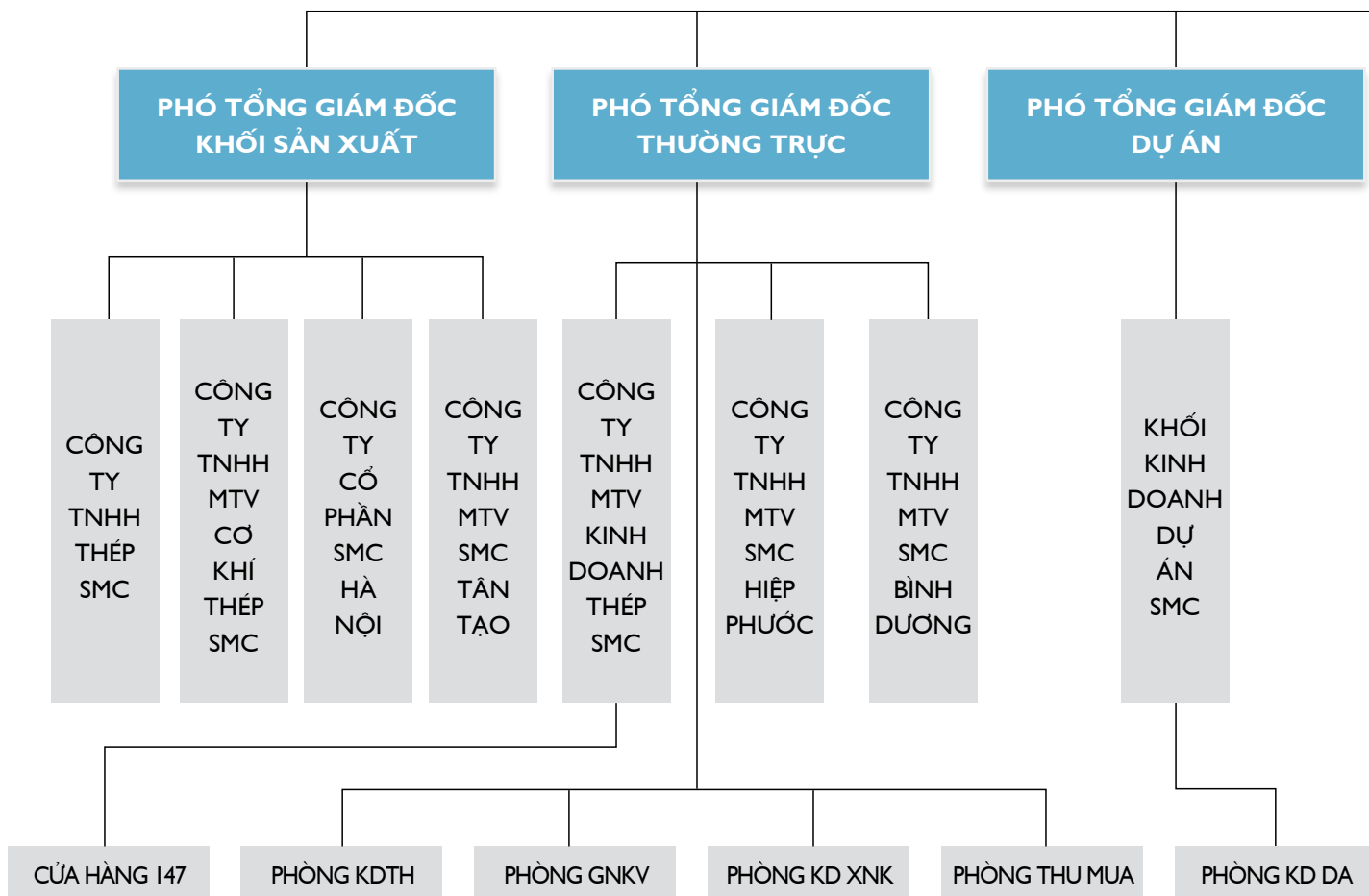
Hoàn thành mục tiêu chiến lược 05 năm (2011 - 2015) trước 1 năm với sản lượng tiêu thụ đạt 867.000 tấn thép các loại

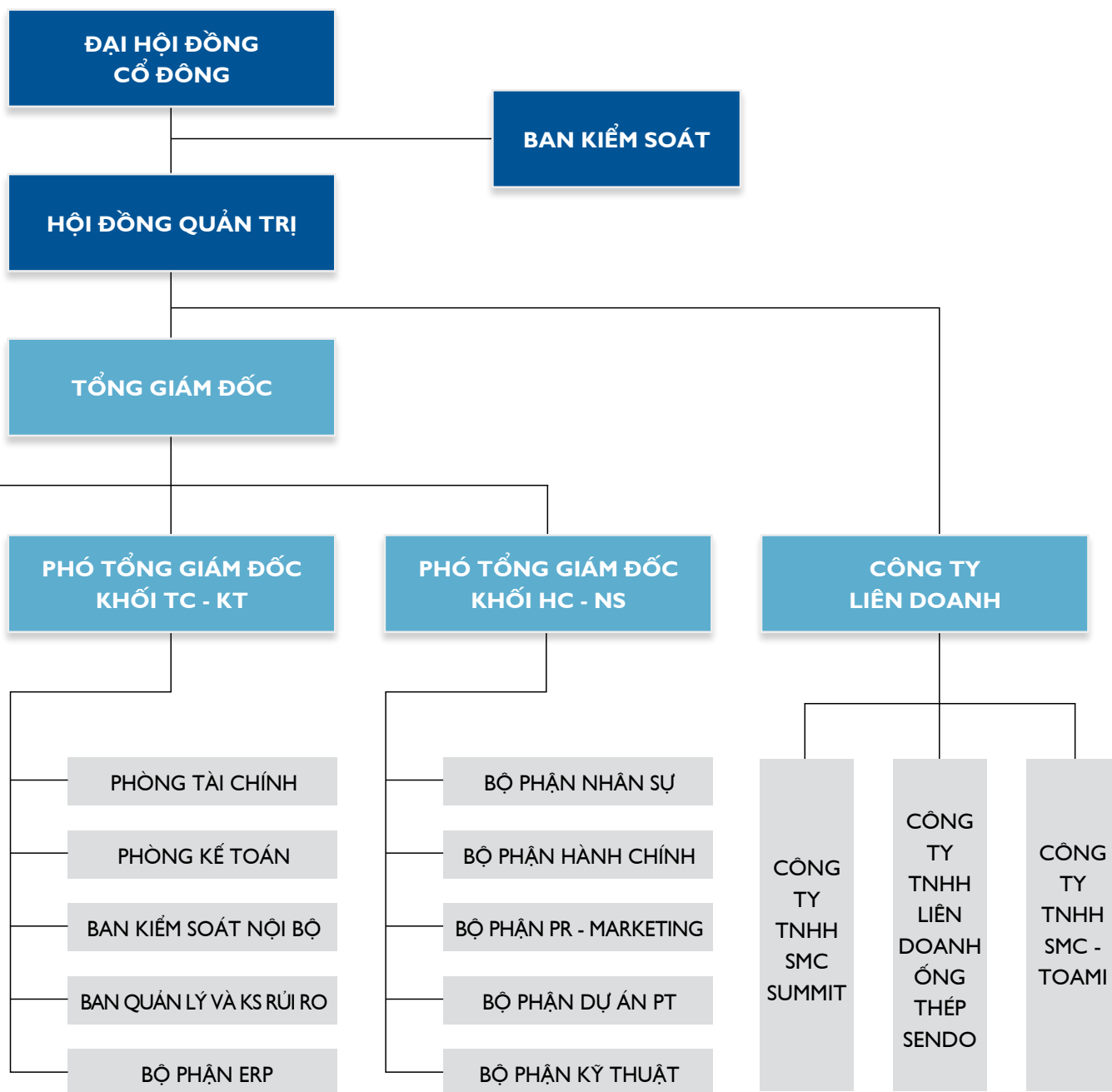
➤ 2015

Thành lập Công ty TNHH SMC Toami - liên doanh giữa SMC - Tập đoàn Toami - Tập đoàn Hanwa Nhật Bản.

Thành lập Công ty TNHH liên doanh Ông Thép SENDO giữa SMC và Tập đoàn Hanwa Nhật Bản

5. SƠ ĐỒ TỔ CHỨC KINH DOANH



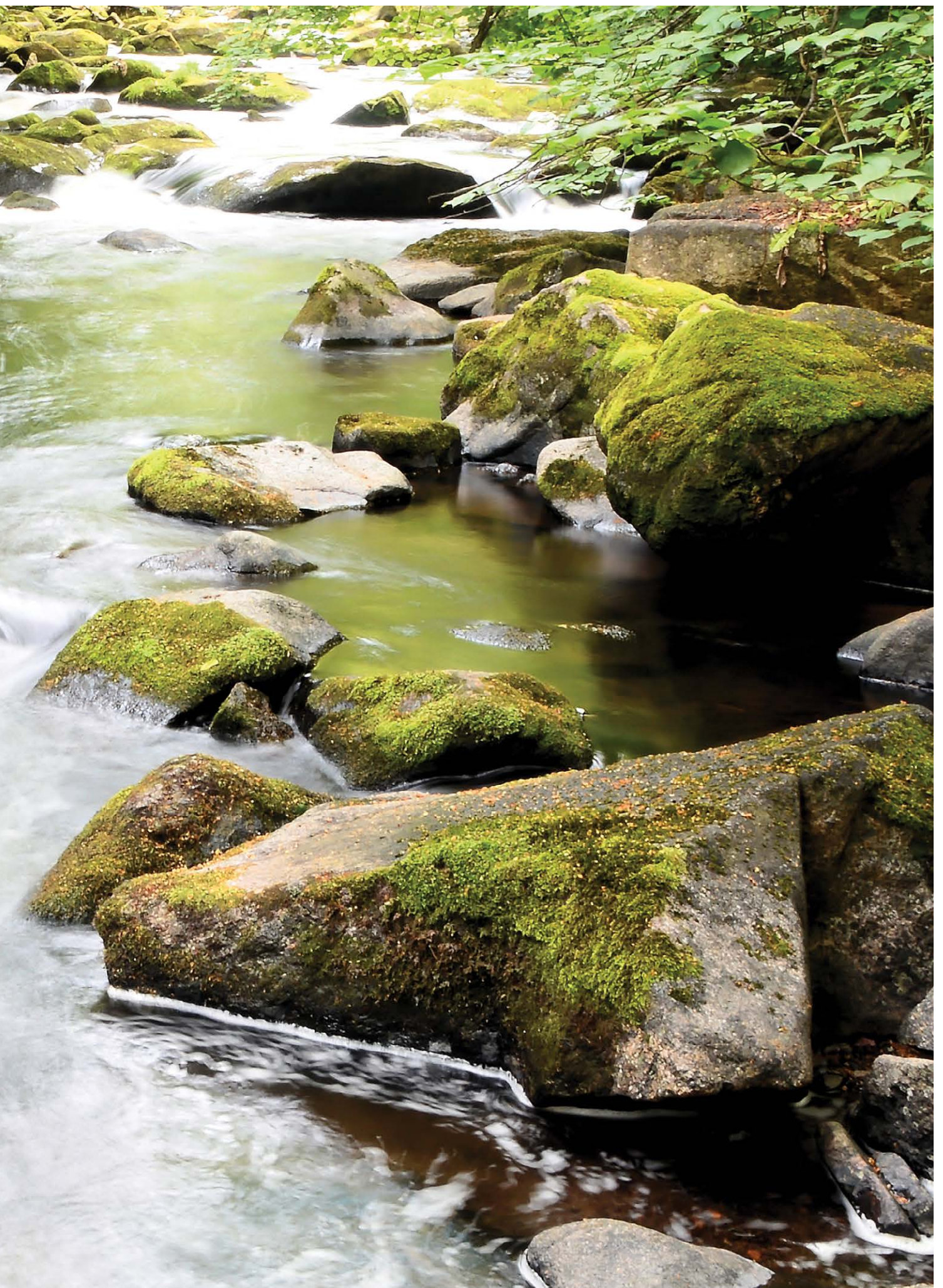




TẬN DỤNG THỜI CƠ

“Cơ hội đến với tất cả mọi người, nhưng ít người có thể nắm bắt được cơ hội”

– Edward Bulwer Lytton –



1. GIỚI THIỆU HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Ông
NGUYỄN NGỌC ANH
Sinh năm: 1957

Trình độ chuyên môn:
Cử nhân chuyên ngành Tài chính

- * Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại SMC
- * Thành viên HĐQT Công ty CP Thép Thống Nhất



Bà
NGUYỄN THỊ NGỌC LOAN
Sinh năm: 1961

Trình độ chuyên môn:
Cao đẳng chuyên ngành QTKD

- * Phó Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại SMC



Ông
VŨ HOÀNG VŨ

Sinh năm: 1978

Trình độ chuyên môn:
Cử nhân Kinh tế - chuyên ngành
QTKD

- * Thành viên Hội Đồng Quản Trị Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại SMC
- * Tổng Giám đốc Công ty Liên doanh Ông thép SENDO



Ông
MA ĐỨC TÚ

Sinh năm: 1958

Trình độ chuyên môn:
Cử nhân ngân hàng - chuyên
ngành Tài chính Tín dụng

- * Thành viên Hội Đồng Quản Trị Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại SMC
- * Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị Công ty CP Xuất Nhập khẩu Thủ Đức
- * Thành viên Hội Đồng Quản Trị Công ty CP Đầu tư Địa ốc 9



Ông
TAIRA YOSHIYUKI

Sinh năm: 1967

- Trình độ chuyên môn:
Cử nhân kinh tế - chuyên ngành
Tài chính Tín dụng
- * Thành viên Hội Đồng Quản Trị Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại SMC
 - * Tổng Giám đốc Công ty TNHH Hanwa Việt Nam

2. BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

362 tỷ
Lợi nhuận sau thuế

NHẬN ĐỊNH CHUNG VỀ TÌNH HÌNH THỊ TRƯỜNG VÀ ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH NĂM 2016

Trước dư chấn của năm 2015, SMC chủ trương thận trọng và không đặt kỳ vọng cao vào KQKD năm 2016, do tình hình còn nhiều chuyển biến phức tạp và khó lường. Thực tế, tình hình kinh tế chính trị trong và ngoài nước đã xảy ra nhiều biến động và mang yếu tố bất ngờ. Trong nước, tăng trưởng GDP năm 2016 chỉ đạt 6,21%, thấp hơn kế hoạch đã đề ra và thấp hơn mức tăng trưởng của năm trước đó. Sự kiện nhà máy Formosa Hà Tĩnh cũng làm dấy lên gay gắt mối tương quan giữa việc phát triển kinh tế và bảo vệ môi trường. Kỳ vọng gia nhập vào TPP của Việt Nam nhằm tạo điều kiện để Việt Nam hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường, đẩy mạnh xuất khẩu, và cơ cấu lại thị trường xuất nhập khẩu, đi vào ngõ cụt. Trong khi đó, tình hình thế giới với các sự kiện như Brexit hay việc đắc cử tổng thống mới của Mỹ cũng gây ảnh hưởng ít nhiều.

Tuy vậy, nhiều cơ hội và thuận lợi cũng đã liên tục tiếp diễn đối với ngành thép nói riêng tạo ra thời cơ kinh doanh rất tốt cho các doanh nghiệp trong ngành, xuất phát từ các nhân tố chính như (1) Trung Quốc tái cơ cấu quyết liệt ngành than, thép trong nước, (2) giá thép thế giới hồi phục tích cực từ giữa tháng 3 sau khi đã chạm đáy, (3) các biện pháp phòng vệ thương mại của chính phủ trong nước, và (4) thị trường bất động sản và xây dựng trong nước tiếp tục sôi động. Tổng kết năm 2016, tổng sản lượng tiêu thụ thép xây dựng của toàn ngành đạt hơn 8,42 triệu tấn, tăng 20,6% so với cùng kỳ, tổng sản lượng tiêu thụ ống thép đạt hơn 1,94 triệu tấn, tăng 23,1% so với năm trước đó, và tổng sản lượng tiêu thụ tôn mạ đạt hơn 2,93 triệu tấn, tăng 31,4% so với năm 2015.

Nhờ nắm bắt và tận dụng tốt các yếu tố thuận lợi của ngành và thị trường, kết quả kinh doanh đem lại cho SMC trong năm 2016 dù không có đột biến về sản lượng tiêu thụ và doanh thu nhưng hiệu quả lợi nhuận cuối cùng rất tốt. Từ mức lỗ lớn gần 200 tỷ đồng cuối năm 2015, chỉ trong 6 tháng đầu năm 2016, SMC đã chính thức khắc phục hoàn toàn các tổn thất của năm trước, và tiếp tục hoạt động kinh doanh hiệu quả tạo ra dòng tiền và lợi nhuận tích cực trong 6 tháng cuối năm, đem lại mức LNST lũy kế cho cả năm 2016 là gần 362,3 tỷ đồng.

ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN TGD

Năm 2016 ban TGD đã hoàn thành rất tốt mục tiêu SXKD, tuy chưa đạt được mục tiêu về doanh thu, nhưng hoàn thành tốt mục tiêu sản lượng, với lượng tiêu thụ năm sau tiếp tục cao hơn năm trước, duy trì ở mức trên 1 triệu tấn thép/năm, và đặc biệt là hoàn thành xuất sắc về kết quả lợi nhuận kinh doanh. Công tác điều hành và chỉ đạo của ban TGD luôn chặt chẽ, bám sát và nắm bắt cập nhật tình hình thị trường, liên tục giám sát hoạt động của toàn hệ thống, đưa ra các giải pháp kịp thời và phù hợp trước các biến động của thị trường. Đặc biệt, ban TGD luôn thận trọng trong quyết định mua hàng, giữ lượng tồn kho ở mức hợp lý, dù có lúc xảy ra tình trạng thiếu hụt hàng hóa, nhưng không đáng kể, giúp doanh nghiệp luôn ở thế chủ động với hoạt động kinh doanh được duy trì ổn định và thuận lợi. Với kết quả SXKD tích cực trong năm qua, HĐQT đánh giá cao nỗ lực và công tác điều hành của ban TGD, đã góp phần rất lớn trong công tác duy trì và phát triển niềm tin và thương hiệu SMC trên thị trường trong và ngoài nước.

1.500 VNĐ/CP

Cổ tức bằng tiền mặt

BÁO CÁO TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT ĐHĐCĐ NĂM 2016

Chỉ tiêu	Đơn vị	Kế hoạch 2016	Thực hiện 2016	% Kế hoạch
Tổng sản lượng thép tiêu thụ	Tấn	1.000.000	1.042.672	104,3%
- Thép xây dựng	Tấn	565.000	576.186	102,0%
- Thép tấm lá	Tấn	330.000	372.418	112,9%
- Thép khác	Tấn	105.000	94.068	89,6%
Tổng doanh thu	Tỷ đồng	10.100	9.447	93,5%
Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	60,0	362,3	603,8%
Tỷ lệ chi trả cổ tức	Đồng/cp	0,0%	15,0%	n/a
Lựa chọn công ty kiểm toán	HĐQT lựa chọn Công ty Kiểm toán DFK Việt Nam thực hiện kiểm toán BCTC năm 2016			

Việc phát hành riêng lẻ cho cổ đông chiến lược dự kiến sẽ được hoàn thành trong năm 2016, tuy nhiên do các yếu tố khách quan đã không được thực hiện theo đúng thời gian dự định mà kéo dài sang năm 2017. Theo chủ trương đã được thông qua tại ĐHĐCĐ SMC năm 2016, SMC sẽ phát hành riêng lẻ 15% cổ phần cho tập đoàn Hanwa Nhật Bản, với giá không thấp hơn giá trị sổ sách trên mỗi cổ phiếu. Đợt phát hành cổ phiếu tăng vốn này sẽ giúp SMC bổ sung một nguồn vốn đáng kể để tiếp tục gia tăng năng lực gia công chế biến thép, đầu tư sâu và rộng vào hệ thống nhà máy Coil Center, cũng như phát triển các liên doanh với các đối tác nước ngoài. Tính tới thời điểm 30/6/2016, giá trị sổ sách trên mỗi cổ phiếu của SMC là xấp xỉ 22.000 đồng/cổ phiếu. Tuy nhiên, SMC đã tổ chức xin ý kiến cổ đông bằng văn bản và đã được thông qua về việc ưu đãi giảm giá phát hành riêng lẻ cho Hanwa xuống còn 18.000 đồng/cổ phiếu, dựa trên hai nguyên nhân chính sau:

- (1) Hanwa là đối tác chiến lược, đã hợp tác kinh doanh lâu năm với SMC, tạo được uy tín và hiệu quả kinh doanh giữa hai bên, sẽ tiếp tục có những đóng góp và gắn bó quan trọng cho định hướng phát triển bền vững và lâu dài của Công ty.
- (2) Giá giao dịch cổ phiếu SMC trên sàn tại thời điểm đàm phán giá phát hành riêng lẻ dao động trong mức 17.000 - 18.000 đồng/cổ phiếu.

BÁO CÁO CÁC HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT TRONG NĂM

HĐQT đã thực hiện chức năng định hướng, giám sát hoạt động Ban Điều hành trong việc triển khai các Nghị quyết của ĐHĐCĐ và HĐQT trong năm 2016.

Trong năm tài chính, HĐQT đã tổ chức 14 phiên họp thường kỳ lẫn phiên họp bất thường với sự tham gia của Ban Kiểm soát và Ban điều hành để hoạch định chiến lược và đưa ra các quyết định, các chỉ đạo chính xác, kịp thời mang lại hiệu quả kinh tế, hiệu quả đầu tư cao và sự phát triển bền vững cho Công ty. Ngoài các phiên họp trên, HĐQT đã tổ chức nhiều phiên họp dưới hình thức lấy ý kiến các TV.HĐQT bằng văn bản để chỉ đạo giải quyết các vấn đề có liên quan đến đầu tư xây dựng cơ bản, phát triển nguồn lực, hoạt động đầu tư, điều chỉnh cơ cấu tổ chức quản trị, giám sát chặt chẽ hoạt động của ban điều hành trong việc thực thi các nghị quyết, quyết định của ĐHĐCĐ và HĐQT; ban hành các văn bản và quy định nội bộ. Các nghị quyết, quyết định của HĐQT dựa trên sự nhất trí, đồng thuận của các TV.HĐQT và trên cơ sở lợi ích của các cổ đông vì sự phát triển bền vững của Công ty.

2. BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

THÀNH VIÊN VÀ CƠ CẤU HĐQT TRONG NĂM

Từ ngày 23/4/2016, bà Vũ Thị Thanh Hồng – thành viên HĐQT độc lập – chính thức không còn tham gia và không còn là TVHĐQT Công ty.

STT	Họ và Tên	Vị trí	Số cổ phần sở hữu	Tỷ lệ	Chức vụ đang giữ tại công ty khác
1	Nguyễn Ngọc Anh	Chủ tịch HĐQT	5.533.463	18,75	TV HĐQT CTCP Thép Thống Nhất
2	Nguyễn Ngọc Loan	Phó CT HĐQT	2.679.099	9,08	
3	Võ Hoàng Vũ	TV. HĐQT	105.667	0,36	
4	Taira Yoshiyuki	TV. HĐQT	0.0	0,0	Tổng Giám đốc Công ty TNHH Hanwa Việt Nam
5	Ma Đức Tú	TV. HĐQT độc lập	2.400	0,01	Chủ tịch HĐQT CTCP XNK Thủ Đức / Thành viên HĐQT CTCP Địa ốc 9

CÁC CUỘC HỌP HĐQT TRỌNG YẾU TRONG NĂM

Định kỳ hàng quý HĐQT họp cùng với BKS, ban TGD và một số cán bộ chủ chốt của Công ty để đánh giá việc thực hiện các chủ trương của HĐQT và kết quả kinh doanh của quý; thảo luận và thống nhất những chủ trương, giải pháp điều hành, kế hoạch kinh doanh quý tiếp theo. Ngoài ra, HĐQT cũng tổ chức nhiều cuộc họp bất thường nhằm xem xét, thông qua kịp thời các chủ trương quan trọng liên quan đến công tác điều hành của ban TGD.

Ngày họp	Thành viên tham gia	Nội dung chính của các cuộc họp
02.01.2016	5/5 Thành viên	- Thống nhất ý kiến đồng ý bảo lãnh cho Công ty TNHH SMC Summit vay vốn tại ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh TPHCM để thực hiện phương án kinh doanh năm 2016
04.01.2016	5/5 Thành viên	- Thống nhất ý kiến vay vốn tại ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng (VP Bank) để thực hiện phương án kinh doanh năm 2016
19.01.2016	5/5 Thành viên	- Tổng kết hoạt động SXKD năm 2015 và kế hoạch năm 2016 của SMC
26.01.2016		- Thống nhất ý kiến vay vốn tại ngân hàng Vietinbank – Chi nhánh Đông Sài Gòn của công ty con là SMC Tân Tạo và SMC Kinh Doanh để thực hiện phương án kinh doanh năm 2016
24.03.2016	5/5 Thành viên	- Đánh giá tình hình hoạt động SXKD quý I/2016. Kế hoạch tổ chức ĐHCĐ 2016. Đề cử danh sách ứng viên TVHĐQT/BKS nhiệm kỳ mới 2016-2020
23.04.2016	5/5 Thành viên	- ĐHCĐ năm 2016 thông qua các nội dung trong đại hội, ủy quyền cho HĐQT nhiệm kỳ mới 2016-2020 thực hiện nghị quyết đại hội

Trong năm 2017 tới HĐQT sẽ tiếp tục nâng cao năng lực quản trị, bám sát tình hình thực tế để dự báo, chỉ đạo và hỗ trợ ban tổng giám đốc và ban điều hành Công ty phát triển hoạt động sản xuất kinh doanh theo đúng định hướng và mục tiêu đã đề ra

Ngày họp	Thành viên tham gia	Nội dung chính của các cuộc họp
12.07.2016	5/5 Thành viên	- Đánh giá tình hình hoạt động SXKD 6 tháng đầu năm 2016 - Phương hướng hoạt động 6 tháng cuối năm 2016 - Triển khai các công việc trong 6 tháng cuối năm.
14.07.2016	5/5 Thành viên	- Thống nhất ý kiến vay vốn tại ngân hàng Vietinbank – Chi nhánh Đông Sài Gòn của công ty con là SMC Bình Dương và SMC Kinh Doanh để thực hiện phương án kinh doanh năm 2016
26.08.2016	5/5 Thành viên	- Thống nhất ý kiến chia trả cổ tức đợt 1 năm 2016 bằng tiền mặt tỷ lệ 5% trên mệnh giá (500 đồng/cổ phiếu)
07.10.2016	5/5 Thành viên	- Thống nhất một số chỉ tiêu chủ yếu cho năm 2017 - Thống nhất về phương án phát hành cổ phiếu riêng lẻ năm 2016 cho cổ đông chiến lược
31.10.2016	5/5 Thành viên	- Thành lập ban kiểm phiếu biểu quyết của cổ đông CTCP Đầu tư Thương mại SMC
16.11.2016	5/5 Thành viên	- Lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản thông qua phương án phát hành cổ phiếu riêng lẻ
22.11.2016	5/5 Thành viên	- Triển khai phương án chào bán cổ phiếu riêng lẻ
09.12.2016	5/5 Thành viên	- Thực hiện chi trả cổ tức đợt 2 năm 2016 bằng tiền mặt tỷ lệ 5% mệnh giá (500 đồng/cổ phiếu)

KẾ HOẠCH VÀ ĐỊNH HƯỚNG CỦA HĐQT NĂM 2017

Trong năm 2017, HĐQT sẽ tiếp tục nâng cao năng lực quản trị, bám sát tình hình thực tế để dự báo, chỉ đạo và hỗ trợ ban TGD và ban điều hành Công ty phát triển hoạt động SXKD theo đúng định hướng và mục tiêu đã đề ra, nâng cao hiệu quả hoạt động, tăng cường đầu tư phát triển và củng cố vị thế, lợi thế cạnh tranh tạo nền tảng cho phát triển bền vững trong những năm tiếp theo.

Tiếp tục tổ chức thường xuyên các phiên họp định kỳ để thảo luận, thông qua các báo cáo, kế hoạch, phương hướng hoạt động và các vấn đề quan trọng chủ chốt khác của Công ty, nhằm chỉ đạo kịp thời và hiệu quả việc triển khai thực hiện các nghị quyết của ĐHĐCĐ, và tổ chức các phiên họp bất thường khác để kịp thời xử lý các vấn đề phát sinh. Tiếp tục kiện toàn bộ máy quản lý của Công ty, nâng cao năng lực quản trị doanh nghiệp, chú trọng công tác đào tạo và phát triển nguồn nhân lực nhằm đáp ứng nhu cầu phát triển của hệ thống.



PHÁT HUY NỘI LỰC

"Bạn phải chấp nhận mọi khó khăn thử thách khi nó đến và điều quan trọng nhất là cách bạn sẵn sàng đối diện và vượt qua thử thách với những gì tốt nhất mình có thể làm"

— Eleanor Roosevelt —



CHỦ ĐỘNG GIẢI PHÁP

1. GIỚI THIỆU BAN TỔNG GIÁM ĐỐC



- Ông**
NGUYỄN NGỌC ANH
1. Tổng giám đốc
Sinh năm: 1957
Trình độ chuyên môn:
Cử nhân Kinh tế – chuyên ngành Tài Chính
-

- Bà**
NGUYỄN THỊ NGỌC LOAN
2. Phó Tổng Giám Đốc - Khối Kinh doanh
Sinh năm: 1961
Trình độ chuyên môn:
Cao đẳng Kinh tế – chuyên ngành QTKD
-

- Ông**
VÕ HOÀNG VŨ
3. Phó Tổng Giám Đốc - Khối Sản xuất
Sinh năm: 1978
Trình độ chuyên môn:
Cử nhân Kinh tế – chuyên ngành QTKD
-

- Ông**
NGUYỄN BÌNH TRỌNG
4. Phó Tổng Giám Đốc - Khối Tài chính - Kế toán
Sinh năm: 1963
Trình độ chuyên môn:
Cử nhân Kinh tế – chuyên ngành Tài Chính Kế Toán
-

- Bà**
NGUYỄN HỒNG CHÂU
5. Phó Tổng Giám Đốc - Khối Dự án
Sinh năm: 1974
Trình độ chuyên môn:
Cử nhân Ngoại Thương
-

- Ông**
NGUYỄN VĂN TIẾN
6. Phó Tổng Giám Đốc - Khối HC-NS
Sinh năm: 1953
Trình độ chuyên môn:
Cử nhân chuyên ngành Xã Hội Học
-

2. BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC



NHẬN ĐỊNH CHUNG VỀ CÁC YẾU TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH

Yếu Tố Khách Quan:

Nếu như sự tuột dốc kinh khủng của giá thép năm 2015 gây khó khăn và nhấn chìm hầu hết các doanh nghiệp trong ngành thì cơ hội trong năm 2016 lại giúp cho toàn bộ các doanh nghiệp sản xuất kinh doanh thép đạt được mức lợi nhuận vượt xa kỳ vọng, trong đó có SMC.

Sau suốt hơn một năm liên tục giảm giá, đến tháng 2/2016, giá thép bắt đầu có tín hiệu ngưng giảm và dần phục hồi. Cộng hưởng chủ trương tái cơ cấu quyết liệt ngành thép và ngành than trong nước tại Trung Quốc khi chính phủ triệt để cắt giảm sản lượng sản xuất và đóng cửa các nhà máy yếu kém và ô nhiễm môi trường, lực lượng kinh doanh và đầu cơ Trung Quốc tích cực dự

trữ hàng, góp phần tạo nên sự bùng nổ của giá thép thế giới từ tháng 3/2016. Cụ thể, giá thép cán nóng nhanh chóng tăng mạnh từ 295 USD/tấn lên mốc quanh 500 USD/tấn vào cuối tháng 4/2016, tương ứng mức tăng gần 70% chỉ trong khoảng thời gian ngắn. Giá càng tăng, lượng cung hàng càng khan hiếm. Xu hướng này nhanh chóng lan tỏa từ Trung Quốc ra các nước Châu Á khác và tạo nên cơn sốt toàn cầu. Hầu hết các nhà máy thép lớn ở Châu Á như Nippon Steel, China Steel, Hyundai Steel, Posco Steel... đều không đủ sức cung ứng cho các đơn hàng, gây ra cơn sốt thép trầm trọng về lượng và giá trong giai đoạn từ tháng 3 đến tháng 5/2016.

Cùng lúc đó, tại Việt Nam, ngày 7/3/2016 Bộ Công Thương đã ban hành quyết định áp thuế tự vệ thương mại tạm thời đối với hai mặt hàng là phôi thép và thép dài nhập khẩu (bao gồm cả wire-rod), với mức áp thuế tương ứng lần lượt là 23,3% và 14,2%, có hiệu lực từ ngày 22/3/2016, áp dụng tối đa trong vòng 200 ngày. Với các

Với lượng hàng tồn kho và hàng trên đường về luôn được duy trì đều đặn và ổn định, nên khi giá thép tăng đột biến, SMC đã có sẵn lượng hàng hóa với giá thấp hấp dẫn để hiện thực hóa lợi nhuận và tích cực tham gia thị trường.

yếu tố trong và ngoài nước đều tạo điều kiện thuận lợi cho xu hướng hồi phục tích cực của ngành, giá cả toàn bộ các mặt hàng thép từ thép xây dựng, thép cán nóng, thép hình, thép mạ, đến thép ống đều tăng nhanh và mạnh trong suốt tháng 3 và tháng 4/2016. Các nhà máy sản xuất thép trong nước đều phải hoạt động hết công suất trong khi lượng hàng tồn kho cạn dần.

Sau giai đoạn áp thuế tạm thời, ngày 18/7/2016, Bộ Công Thương ban hành quyết định chính thức áp thuế tự vệ thương mại đối với phôi thép và thép dài nhập khẩu, với mức thuế không đổi cho phôi thép là 23,3% và tăng thuế đối với thép dài lên 15,4%, có hiệu lực từ ngày 2/8/2016 đến ngày 21/3/2017. Mặt hàng tôn mạ cũng được Bộ Công Thương quyết định áp thuế tạm thời kể từ ngày 1/9/2016 với mức thuế áp dao động từ 4,02% - 38,34%. Nhu cầu tiêu thụ thép trong nước vẫn duy trì ở mức tích cực, mặt hàng thép các loại chính thức được giao dịch ở mặt bằng giá mới, cao hơn nhiều so với mức đầu năm.

Yếu tố chủ quan:

Đối với SMC, kết quả năm 2015 gây ra áp lực không nhỏ cho quá trình khắc phục khó khăn và tổn thất trong hoạt động SXKD của các năm sau đó. Năm 2016, SMC bắt đầu triển khai thực hiện phương pháp tự hạch toán và tự chịu trách nhiệm tại các đơn vị thành viên, từng bước ổn định và nâng cao trách nhiệm của các đơn vị thành viên. Với mục tiêu tập trung cho hiệu quả, an toàn và chất lượng, các đơn vị đã tranh thủ vận dụng cơ hội, tìm kiếm lợi nhuận, và xử lý khá tốt các tình huống xảy ra, đảm bảo đem lại lợi ích chung cho toàn hệ thống. Bên cạnh đó, cả 05 nhà máy gia công chế biến thép và sản xuất ống thép đều phát huy tối đa năng lực của mình và có sự phối hợp chặt chẽ với nhau để đem lại hiệu quả tối ưu cho toàn hệ thống.

Nhóm 05 giải pháp chính trong điều hành “4 giảm – 1 tăng” bao gồm giảm tổng tài sản, giảm nợ vay, giảm tồn kho ở mức hợp lý, giảm chi phí, và gia tăng lợi nhuận luôn được triển khai tích cực. Đồng thời, phương châm thận trọng, vững chắc, và không tham lam luôn là kim chỉ nan trong mọi hoạt động. Với lượng hàng tồn kho và hàng trên đường về luôn được duy trì đều đặn và ổn định, khi giá thép tăng đột biến, SMC đã có sẵn lượng hàng hóa với giá hấp dẫn để hiện thực hóa lợi nhuận và tích cực tham gia thị trường. Tuy nhiên, trong giai đoạn sốt giá và khan hàng nửa đầu năm 2016, SMC cũng có lúc lâm vào cảnh thiếu hụt hàng hóa, nhưng vẫn kiên trì bám sát các giải pháp và chủ trương đã đề ra, đảm bảo ưu tiên hàng đầu về tính an toàn và hợp lý. Trong năm 2016, ngoài các mối quan hệ sẵn có với các nhà sản xuất cung cấp thép và các đối tác lớn lâu năm, SMC đã phát huy tốt quan hệ với Formosa và Hyundai Steel, tạo thêm được nguồn cung hàng với giá cả hợp lý, hỗ trợ tích cực cho hoạt động và hiệu quả SXKD của Công ty.

Như vậy, có thể thấy rõ ràng các yếu tố thiên thời địa lợi hình thành trong năm 2016 là nhân tố chính tạo ra cơ hội hiếm cho hoạt động SXKD của toàn bộ các doanh nghiệp ngành thép. Tuy nhiên, khi cơ hội đến, việc phát hiện và phát huy cơ hội để tạo ra những giá trị lợi nhuận thực tế không phải là điều đơn giản mà bất kỳ doanh nghiệp nào cũng nắm bắt được. Ngành thép là ngành có giá trị lớn, việc giá thép thay đổi 5% hoặc 10% cũng sẽ ảnh hưởng rất lớn đến hoạt động và kết quả kinh doanh của các doanh nghiệp trong ngành. Điều này cũng buộc các doanh nghiệp phải thường xuyên xây dựng và đảm bảo năng lực quản lý cũng như năng lực cạnh tranh cho riêng mình để có thể đương đầu trước những biến động của giá thép.

2. BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

1,04 triệu tấn thép

SMC tiêu thụ

9.441 tỷ đồng

Doanh thu thuần

362,3 tỷ đồng

Lợi nhuận sau thuế

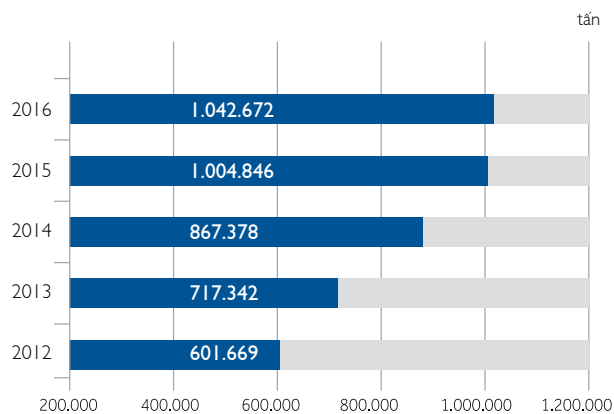
ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH SO VỚI NĂM TRƯỚC VÀ SO VỚI KẾ HOẠCH

Chỉ tiêu	Đơn vị	2015	2016	Tăng/giảm %	KH 2016	% Kế hoạch
Tổng sản lượng thép tiêu thụ	Tấn	1.004.846	1.042.672	3,8%	1.000.000	104,3%
Doanh thu thuần	Tỷ đồng	10.046	9.441	-6,0%	10.100	93,5%
Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	-196,1	362,3	n/a	60,0	603,8%

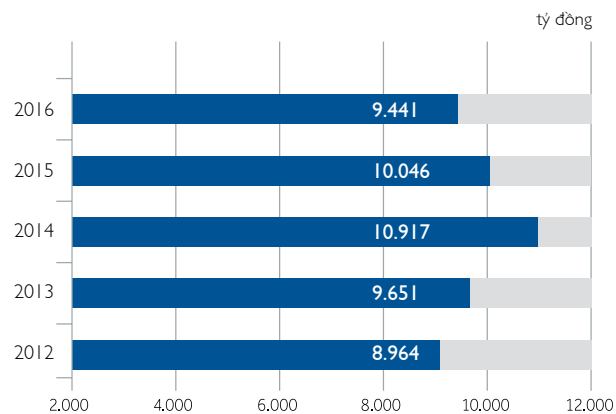
Kết thúc năm 2016, SMC tiêu thụ hơn 1,04 triệu tấn thép các loại, tăng nhẹ 3,8% so với năm trước và hoàn thành 104,3% kế hoạch cả năm. Tuy nhiên với mặt bằng giá bán bình quân năm 2016 thấp hơn năm trước, tổng doanh thu thuần của Công ty trong năm chỉ đạt 9,441 tỷ đồng, giảm 6% so với cùng kỳ và bằng 93,5% kế hoạch. Tuy nhiên, hưởng lợi từ xu hướng hồi phục giá nhanh và mạnh hơn dự kiến, SMC chốt năm 2016 với mức lợi nhuận đột phá là 362,3 tỷ đồng, bằng 6,04 lần kế hoạch đặt ra, trong đó điểm rơi lợi nhuận cao nhất xảy ra vào quý 2, chiếm gần 46% tổng LNST cả năm của Công ty. Theo đó, SMC không những đã khắc phục được toàn bộ thiệt hại phát sinh trong năm 2015, mà còn có nguồn lợi nhuận để lại đảm bảo hỗ trợ cho việc hoạt động phát triển ổn định theo định hướng chiến lược và tăng trưởng trong giai đoạn mới của Công ty. SMC đã dự báo cần khoảng thời gian từ 02 đến 03 năm nỗ lực cho việc khắc phục tổn thất lớn của năm trước, nhưng kết quả thực tế đạt được năm 2016 đã đem lại sự phấn khởi, tự tin, và tạo thêm sức mạnh cho toàn hệ thống đi vào cuộc chiến mới.

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH TRỌNG YẾU

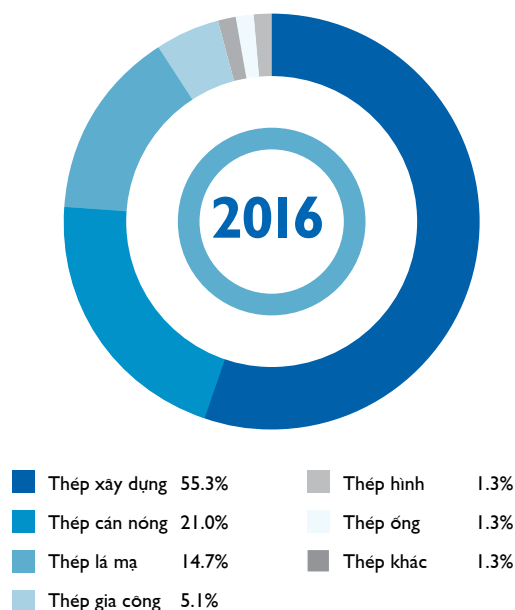
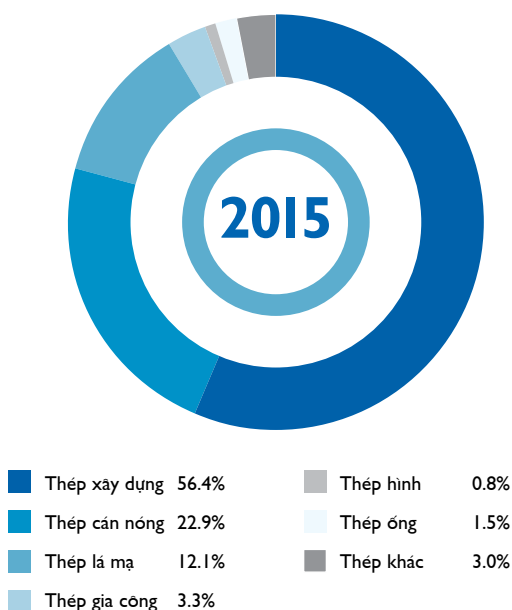
Doanh thu và sản lượng tiêu thụ



Tổng sản lượng thép tiêu thụ 2012 – 2016



Doanh thu thuần 2012 – 2016



Cơ cấu sản lượng tiêu thụ thép các loại 2015 – 2016

Trong năm 2016, tổng sản lượng thép bán ra của toàn hệ thống đạt 1.042.672 tấn, tăng nhẹ gần 4% so với cùng kỳ, thực hiện 104,3% kế hoạch. Trong hai mảng sản phẩm chủ chốt là thép xây dựng và thép dẹt, tổng sản lượng tiêu thụ thép xây dựng năm 2016 đạt 576.186 tấn, tăng nhẹ 1,6% so với năm trước, đạt 102% kế hoạch năm, và chiếm 55,3% tổng sản lượng tiêu thụ thép toàn hệ thống. Các sản phẩm thuộc nhóm thép dẹt đạt tổng sản lượng tiêu thụ năm 2016 gần 440.000 tấn, tăng 12% so với cùng kỳ, và chiếm 42% tổng tiêu thụ. Phân khúc thép dẹt tiếp tục nâng cao tầm quan trọng và hiệu quả nổi bật vào cơ cấu và kết quả kinh doanh của Công ty. Nếu như mảng thép xây dựng có lợi nhuận biên thấp, cạnh tranh quyết liệt, và phụ thuộc lớn và thị trường bất động sản và thị trường xây dựng trong nước thì phân khúc thép dẹt có biên lợi nhuận tốt hơn, hiệu quả cao hơn, ổn định hơn và có xu hướng phát triển ngày càng vững vàng hơn.

2. BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

48.2% ROE

HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Chỉ tiêu chính	Đơn vị	2015	2016	Tăng/Giảm %
Chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh				
Chi phí Giá vốn hàng bán	Tỷ đồng	9.901,8	8.716,7	-12,0%
Chi phí bán hàng	Tỷ đồng	156,4	177,8	+13,7%
Chi phí quản lý doanh nghiệp	Tỷ đồng	102,4	119,9	+17,1%
Chi phí tài chính	Tỷ đồng	151,2	103,4	-31,6%
Chi phí lãi vay	Tỷ đồng	106,7	89,9	-15,7%
Hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh				
Lợi nhuận gộp	Tỷ đồng	144,7	724,3	+400,7%
Doanh thu tài chính	Tỷ đồng	52,8	64,6	+22,5%
Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	-187,5	401,8	n/a
Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	-196,1	362,3	n/a
Tỷ suất lợi nhuận gộp/Doanh thu	%	1,4	7,7	+6,3%
Tỷ suất LNTT/Doanh thu	%	n/a	4,3	n/a
Tỷ suất LNST/Doanh thu	%	n/a	3,8	n/a
Tỷ suất LNST/Tổng tài sản – ROA	%	-6,5	7,8	n/a
Tỷ suất LNST/VCSH – ROE	%	-50,1	48,2	n/a

Thứ nhất, giá thép trong và ngoài nước tăng rất mạnh trong năm 2016. Thứ hai, SMC có lượng hàng nhập khẩu về đều đặn và ổn định khi đã chốt các đơn hàng nhập khẩu từ đầu năm, nên đã có được lợi nhuận biên đáng kể từ việc tăng giá và tiêu thụ tốt của thị trường trong năm 2016. Tổng kết năm, lợi nhuận gộp lũy kế của SMC cao gấp 4 lần so với cùng kỳ, đạt hơn 724 tỷ đồng. Tỷ suất lợi nhuận gộp biên từ bán hàng tăng rất cao đạt mức 7,7% so với mức 1,4% của năm trước, và là mức cao nhất từ trước tới giờ.

Với biên lợi nhuận tốt, SMC đã có dòng tiền mạnh trong thời gian thu tiền hàng quay vòng, tận dụng thời gian lệch pha giữa thu tiền hàng và trả nợ để tối ưu hóa dòng tiền thông qua hoạt động gửi tiền ngắn hạn, do đó doanh thu từ hoạt động tài chính lũy kế năm 2016

tăng 22,5% so với cùng kỳ năm trước. Đồng thời, SMC cũng chủ động giảm mạnh nợ vay khi có lợi nhuận tốt, đảm bảo quay vòng vốn nhanh cho hoạt động kinh doanh, nên chi phí lãi vay cũng giảm đáng kể gần 16% so với năm trước. Năm 2016 với chính sách bình ổn tỷ giá của ngân hàng nhà nước, SMC cũng giảm thiểu được thiệt hại tài chính đáng kể về chênh lệch tỷ giá so với năm 2015, góp phần làm tổng chi phí tài chính năm 2016 giảm 31,6% so với năm trước. Các yếu tố trên cộng hưởng đã giúp cho hiệu quả SXKD năm 2016 đột phá với LNST đạt 362,3 tỷ đồng. Các hệ số về hiệu quả hoạt động của Công ty gồm tỷ suất biên lợi nhuận ròng, ROA, và ROE năm 2016 đều tích cực, trong đó tỷ suất ROE đạt mức ấn tượng là 48,2%.

4.650 tỷ

Tổng tài sản

TÀI SẢN

Chỉ tiêu	Đơn vị	2015	2016	Tăng/Giảm %
Tài sản ngắn hạn	Tỷ đồng	2.316,4	3.952	+70,6%
Tiền mặt	Tỷ đồng	94,9	265,9	+180,2%
Các khoản phải thu	Tỷ đồng	832,3	1.321,5	+58,8%
Hàng tồn kho	Tỷ đồng	490,6	1.437,0	+192,9%
Tài sản dài hạn	Tỷ đồng	710,6	698,7	-1,7%
Tổng tài sản	Tỷ đồng	3.027,0	4.650,7	+53,6%

Tổng tài sản SMC tại thời điểm kết thúc năm 2016 đạt hơn 4.650 tỷ đồng, tăng mạnh 53,6% so với cùng kỳ năm trước, tương ứng tăng gần 1.624 tỷ đồng, trong đó chủ yếu đến từ tăng tài sản ngắn hạn. Tổng tài sản ngắn hạn cuối năm 2016 là 3.952 tỷ đồng, tăng đáng kể 70,6% so với năm 2015, trong đó tiền mặt, các khoản phải thu, và hàng tồn kho đều tăng vượt bậc. Cùng với sự phục hồi mạnh về giá cũng như việc dự trữ nguồn hàng chuẩn bị cho hoạt động kinh doanh năm 2017 dưới điều kiện tình hình thị trường khác biệt so với năm 2015, giá trị hàng tồn kho cuối năm 2016 của công ty tăng mạnh 193% so với cuối năm trước.

Tương tự, với hoạt động kinh doanh sôi nổi trong những tháng cuối năm, doanh thu quý 4/2016 của SMC tăng

đáng kể hơn gấp đôi so với bình quân các quý trước, và chiếm đến 53,7% tổng doanh thu cả năm, kéo theo giá trị công nợ tại thời điểm chốt năm ở mức khá cao. Các khoản phải thu cuối năm 2016 tăng đến 58,8% so với cùng kỳ, trong đó phải thu của khách hàng tương đối lớn là 1.089,4 tỷ đồng, tăng 41% so với năm trước đó, dễ dẫn đến quan ngại của nhà đầu tư về rủi ro tiềm ẩn trong việc thu hồi công nợ, nếu không được kiểm soát chặt chẽ, việc phát sinh nợ xấu/nợ khó đòi sẽ gây ảnh hưởng tiêu cực rất lớn đến kết quả kinh doanh của Công ty. Tuy nhiên, SMC luôn chủ động thấy trước vấn đề và có các giải pháp phù hợp đảm bảo tính hợp lý, an toàn, và hiệu quả kinh doanh.



2. BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

751 tỷ
Vốn chủ sở hữu

NỢ PHẢI TRẢ

Chỉ tiêu	Đơn vị	2015	2016	Tăng/Giảm %
Nợ ngắn hạn	Tỷ đồng	2.522,9	3.810,3	+51,0%
Vay nợ ngân hàng ngắn hạn	Tỷ đồng	1.782,5	2.626,8	+47,4%
Phải trả người bán	Tỷ đồng	691,7	1.007,2	+45,6%
Nợ dài hạn	Tỷ đồng	112,9	89,5	-20,7%
Vay nợ ngân hàng dài hạn	Tỷ đồng	109,3	85,6	-21,6%
Tổng nợ phải trả	Tỷ đồng	2.635,8	3.899,8	+48,0%
Tổng vốn chủ sở hữu	Tỷ đồng	391,2	751,0	+92,0%
Nợ vay ngân hàng/Vốn CSH	%	483,6	361,2	-122,4%

Tổng nợ phải trả tại thời điểm 31/12/2016 của Công ty là gần 3.900 tỷ đồng, tăng 1.264 tỷ đồng, tương đương 48% so với năm trước, trong đó chủ yếu là tăng nợ ngắn hạn trong khi nợ dài hạn giảm gần 21% so với cùng kỳ. Tổng nợ ngắn hạn cuối năm 2016 là 3.810 tỷ đồng, tăng hơn 1.287 tỷ đồng, tương ứng 51% so với năm 2015, chủ yếu đến từ tăng vay nợ ngân hàng ngắn hạn hơn 844 tỷ đồng và tăng phải trả người bán gần 316 tỷ đồng, tương ứng tăng lần lượt 47,4% và 45,6% so với năm 2015. Bên cạnh đó, vay nợ ngân hàng dài hạn cuối 2016 giảm khoảng 23,6 tỷ đồng, tương ứng giảm 21,6% so với năm trước.

Mặc dù xét về con số tuyệt đối nợ phải trả của SMC chốt năm 2016, chủ yếu là vay ngân hàng ngắn hạn tăng đáng kể, tuy nhiên xét về cơ cấu sử dụng vốn thì hệ số tổng nợ vay trên VCSH của SMC năm qua được cải thiện khá tốt, giảm đáng kể từ mức 5 lần xuống còn 3,6 lần, nhờ vào hiệu quả kinh doanh và dòng tiền, cũng như việc bám sát triển khai tốt hoạt động tái cấu trúc tài chính đã đề ra trong năm trước. SMC sẽ từng bước tiếp tục cải thiện nguồn vốn hoạt động và cơ cấu nợ/vốn, bám sát định hướng lâu dài về hiệu quả sử dụng vốn, tính cân đối giữa vay nợ ngắn và dài hạn, với chi phí tài chính thấp nhằm đảm bảo cho mục tiêu phát triển ổn định, hiệu quả và bền vững của toàn hệ thống.

CƠ CẤU TỔ CHỨC VÀ CÔNG TÁC ĐIỀU HÀNH TRONG NĂM

Quản lý sản xuất kinh doanh

Năm 2016, toàn hệ thống vẫn giữ vững mức bán hàng trên 1 triệu tấn. Tổng sản lượng tiêu thụ thép các loại có tăng nhưng không nhiều so với năm trước, do trong năm qua SMC chủ yếu tập trung mạnh vào mục tiêu hiệu quả và bám sát 5 giải pháp “4 giảm – 1 tăng”. Nhìn chung, công tác quản lý SXKD trong năm đã đạt được các mục tiêu đề ra như ổn định thị phần, tăng trưởng sản lượng tiêu thụ, tạo nên doanh thu và dòng tiền tích cực, và đạt hiệu quả kinh doanh tốt.

Các nhà máy Coil Center đều hoạt động tốt và đạt hiệu quả cao, góp phần quan trọng tiếp tục nâng tỷ trọng thép dẹt trong cơ cấu tổng tiêu thụ. Nếu như năm 2015, SMC bị thiệt hại lớn chủ yếu xuất phát từ phân khúc sản phẩm thép cán nóng, thì ngược lại năm 2016, mảng thép cán nóng đã có công đóng góp rất lớn cho hiệu quả và lợi nhuận chung của toàn hệ thống. Tuy nhiên, có thể nói việc gia tăng sản lượng và tỷ lệ thép dẹt trong cơ cấu hoạt động của SMC chưa thể đẩy nhanh và mạnh hơn dự kiến do ảnh hưởng từ sự cố môi trường của Formosa, làm chậm lại sự phát triển của mảng thép cán nóng trong nước.

143.635 tấn

thép xuất khẩu

Nhà máy liên doanh ống thép SENDO đi vào hoạt động chính thức năm đầu tiên với nhiều khó khăn, trở ngại, nhất là từ tổ chức bộ máy và thị trường tiêu thụ. Tuy vậy, các mặt hoạt động của nhà máy cũng từng bước được bổ sung và ổn định, thị trường xuất khẩu nhanh chóng được khẳng định và phát triển, hiệu quả hoạt động tương đối khả quan và tiếp tục phát sinh nhu cầu đầu tư phát triển để vươn lên vị thế mới, phục vụ tốt nhu cầu khách hàng.

Năm 2016, SMC đã hoàn tất việc xin giấy phép và khảo sát đánh giá tác động môi trường để chuẩn bị cho

việc triển khai dây chuyền tẩy mạ thép lá. Qua năm 2017, SMC sẽ phấn đấu đầu tư xong dây chuyền tẩy và mạ, đảm bảo chủ động toàn bộ nguyên liệu cho nhu cầu của nhà máy ống thép Senco, định hướng đạt hơn 100.000 tấn thép ống các loại vào năm 2018.

Trong quan hệ đối ngoại, tiếp tục phát huy tốt quan hệ với các nhà sản xuất thép ở Châu Á, thu được nhiều kết quả rất tích cực như nguồn xuất khẩu được gia tăng mạnh, nhất là xuất khẩu ống thép đi Thái Lan với giá bán cao hơn nhiều so với thị trường Cambodia hay Myanmar.

HOẠT ĐỘNG KINH DOANH XUẤT NHẬP KHẨU

Chỉ tiêu	Đơn vị	2015	2016	Tăng/giảm %
Tổng sản lượng xuất khẩu	Tấn	151.750	143.635	-5,3%
Tổng sản lượng nhập khẩu	Tấn	427.085	444.248	4,0%
SLXK / Tổng SL thép tiêu thụ	%	15,1	13,8	-1,3%

Tổng sản lượng xuất khẩu của SMC năm 2016 đạt 143.635 tấn thép các loại, giảm 5,3% so với năm trước và chiếm 13,8% tổng sản lượng tiêu thụ của toàn Công ty. Bên cạnh hai thị trường quen thuộc là Campuchia và Lào, SMC mở rộng thêm xuất khẩu sang thị trường Thái Lan và Úc trong năm 2016 với kết quả đạt được khá khả quan. Hoạt động xuất khẩu sẽ ngày càng được chú trọng đẩy mạnh hơn nữa, đa dạng hóa cả về sản phẩm và thị trường trong thời gian tới.

Tổng sản lượng thép nhập khẩu các loại đạt 444.248 tấn trong năm 2016, tăng nhẹ 4% so với năm 2015, trong đó có sự chuyển dịch mạnh mẽ về cơ cấu các mặt hàng nhập khẩu. Cụ thể, sau khi chính phủ áp thuế tự vệ đối với mặt hàng wire rod từ tháng 3/2016, sản lượng nhập khẩu wire rod giảm đáng kể hơn một

nửa so với năm trước. Sản lượng thép cuộn cán nóng chính phẩm nhập khẩu cũng giảm khoảng 20% so với năm trước do việc cân đối nguồn hàng giữa tiêu thụ – nhập khẩu – và khai thác nội địa. Tuy nhiên, sản lượng hàng loại 2 như overrolled và slab coil nhập khẩu trong năm 2016 tăng gần 30% so với năm ngoái. Đây là mặt hàng đặc biệt, có tỷ suất lợi nhuận tốt, hiệu quả kinh doanh cao, không được bán rộng rãi mà chủ yếu bán cho các đơn vị có uy tín, và có hệ thống sản xuất, gia công thương mại thép tấm lá tốt. Qua đó thể hiện lợi thế của SMC trong việc sở hữu hệ thống Coil center cũng như quan hệ chiến lược với các đối tác lớn, thay vì chạy đua theo hoạt động thương mại bình thường vốn tiềm ẩn nhiều rủi ro từ thị trường Trung Quốc thì SMC tham gia sâu vào các phân khúc như này.

2. BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC



TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ VÀ THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN TRONG NĂM

Công tác đầu tư phát triển vẫn được triển khai tốt theo định hướng đã đề ra, mặc dù vấp phải khó khăn và ảnh hưởng nghiêm trọng từ thiệt hại của năm 2015.

Trong năm 2016, SMC đã được tỉnh BRVT chấp nhận cho triển khai dây chuyền tẩy mạ thép lá, cơ bản đã thông qua khảo sát đánh giá tác động môi trường và chuẩn bị công việc thi công, mua sắm thiết bị. Dự kiến, hai hệ thống tẩy và mạ sẽ được triển khai tại SMC Cơ khí trong năm 2017 với giá trị đầu tư khoảng 130 tỷ đồng.

Năm 2016, SMC đã trực tiếp nhận tổng thầu thi công nhà xưởng cho Liên Doanh SMC – TOAMI, với giá thấp hơn 20% so với nhà thầu khác, dự án đã được bàn giao cho chủ đầu tư TOAMI trong tháng 7/2016, với diện tích nhà xưởng mới là 10.000 m²

Đồng thời trong năm 2016, liên doanh ống thép Việt Nhật SENDO tiếp tục đầu tư thêm hai dây chuyền sản xuất ống, tính đến cuối năm tổng cộng hệ thống SENDO có 7 dây chuyền sản xuất ống với tổng công suất thiết kế là 5.000-7.000 tấn/tháng.

Sau khi đưa nhà máy liên doanh ống thép SENDO đi vào hoạt động, SMC đã khởi động dây chuyền cán nguội khổ 750m/m, đầu tư thêm 1 dàn máy cắt và 1 dàn máy xá cho hệ thống Coil Center và 3 cầu trục với giá trị đầu tư khoảng 50 tỷ đồng, nhằm tăng cường năng lực, đủ cung cấp cho nhu cầu phát triển của khách hàng và cung cấp nguyên liệu sản xuất ống thép cho SENDO.

QUẢN LÝ TÀI CHÍNH KẾ TOÁN

Sau biến cố năm 2015, SMC phải đối mặt với áp lực không nhỏ về hạn mức tín dụng và gánh nặng lãi suất trong hoạt động SXKD. Tuy nhiên, nhờ vào mối quan hệ tốt và lịch sử tín dụng được đánh giá cao bởi các tổ chức tín dụng lớn trong và ngoài nước, SMC vẫn được đối xử hết sức bình thường và hợp lý, được hỗ trợ tạo điều kiện để ổn định hoạt động, phát triển bình thường và từng bước vượt qua khó khăn. Sau 6 tháng đầu năm, với tình hình ngành thép nói chung và tình hình kinh doanh của Công ty nói riêng có chuyển biến tích cực, SMC đã khắc phục được thiệt hại, vừa chủ động xác lập vị thế mới, vừa có điều kiện vươn lên mạnh mẽ, tạo lập lại sự an tâm và cân bằng với các ngân hàng và tổ chức tín dụng. Trong năm 2016, việc gia tăng tỷ giá USD/VNĐ vào thời điểm cuối năm, cũng ít nhiều gây thiệt hại cho SMC từ các khoản vay nợ bằng USD, tuy nhiên mức độ ảnh hưởng và tác động là không lớn đến tình hình chung.

Hạn mức tín dụng từng bước gia tăng, cùng với hiệu quả kinh doanh thu được, đã góp phần nâng cao sức mạnh tài chính của SMC. Các chỉ số tài chính được cải thiện rõ nét, tạo điều kiện cho việc triển khai phát hành thêm cổ phiếu cho cổ đông chiến lược thuận lợi hơn. Về cơ bản, Công ty đã thu xếp xong nguồn vốn đầu tư phát triển cho năm 2017, tạo tiền đề tốt cho việc triển khai mục tiêu kinh doanh, và chiến lược phát triển trong giai đoạn mới.

Năm 2017, về mức độ hiệu quả SMC dự báo sẽ không thể so sánh với năm 2016, các chỉ tiêu kinh doanh được xem xét, cân nhắc, và đề ra ở mức hợp lý với kỳ vọng là mức tối thiểu, toàn hệ thống sẽ phấn đấu để đạt được kết quả tốt hơn.

KẾ HOẠCH VÀ MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN NĂM 2017

Nhận định chung và kế hoạch kinh doanh năm 2017

Với mục tiêu tăng trưởng GDP của chính phủ cho năm 2017 là 6,7%, cùng những cơ hội và thách thức đan xen, Hiệp hội thép Việt Nam dự báo tốc độ tăng trưởng cho ngành thép trong nước năm 2017 là 12% so với năm 2016. Chính phủ Trung Quốc dự kiến sẽ tiếp tục cắt giảm khoảng 200 triệu tấn thép đến năm 2020, góp phần làm giảm bớt lượng thép dư thừa trên toàn cầu, từ đó có tác động tích cực đến giá thép trong thời gian tới. Giá thép tại thời điểm đầu năm 2017 so với cùng kỳ đã tăng gần gấp đôi, nguyên nhân chủ yếu là do giá nguyên liệu đầu vào như than và quặng tăng rất mạnh, nhưng cũng cần cân trọng và lưu ý động thái đảo chiều, nhất là kể từ Q2/2017. Thực tế, trong những năm gần đây, giá thép luôn có những diễn biến bất thường rất khó dự báo.

Với khả năng bùng nổ hoạt động SXKD thép của cả doanh nghiệp sản xuất và thương mại, đặc biệt là việc triển khai các siêu dự án như dự án thép Cà Ná và dự án thép Dung Quất, hứa hẹn sẽ gia tăng tính cạnh tranh và giành giật thị trường quyết liệt hơn trong những năm tới. Hoạt động bảo hộ và tự vệ thương mại đối với ngành thép tại nhiều quốc gia, kể cả Việt Nam ngày càng có xu thế gia tăng, do đó hoạt động xuất khẩu và tăng trưởng xuất khẩu cũng sẽ khó khăn hơn. Mặt khác, việc gia tăng bảo hộ sẽ làm cho một số đơn vị

sản xuất trong nước thuận lợi hơn, trong khi các đơn vị thuần kinh doanh thương mại sẽ ngày càng khó tìm kiếm lợi nhuận.

Dựa vào các yếu tố trên, SMC nhìn nhận cả cơ hội và thách thức không nhỏ cho doanh nghiệp trong năm 2017. Về cơ hội, với tồn kho cả về lượng và giá ở mức hợp lý, SMC sẽ có nhiều thuận lợi trong những tháng đầu năm 2017 trong xu hướng giá thép tăng. Các nhà máy gia công sản xuất tiếp tục phát huy hiệu quả tích cực, giúp cho hoạt động của Công ty ngày càng ổn định, vẫn đang là tiền đề và là cơ hội thuận lợi cho sự phát triển trong các năm tiếp theo. Cùng với những thế mạnh riêng của mình như mặt hàng đa dạng, quan hệ khách hàng và nhà phân phối phong phú mật thiết, tiềm lực về tài chính và năng lực tiêu thụ, thu thập và phân tích thông tin tốt, các hoạt động kinh doanh và sản xuất đang được phát triển thuận lợi, các hoạt động đầu tư phù hợp và có hiệu quả, hứa hẹn việc đảm bảo cho mục tiêu kinh doanh năm 2017 sẽ được hoàn thành tốt. Tuy nhiên, rủi ro vĩ mô và rủi ro ngành luôn tiềm ẩn với nhiều biến động khó lường, nếu không nắm bắt, xử lý và điều hành tốt sẽ dễ dẫn đến sai lầm nghiêm trọng.

Năm 2017, về mức độ hiệu quả SMC dự báo sẽ không thể so sánh với năm 2016, các chỉ tiêu kinh doanh được xem xét, cân nhắc, và đề ra ở mức hợp lý với kỳ vọng là mức tối thiểu, toàn hệ thống sẽ phấn đấu để đạt được kết quả tốt hơn.

2. BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

CÁC CHỈ TIÊU KINH DOANH CHỦ YẾU CHO NĂM 2017:

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện 2016	Kế hoạch 2017	% 2017/2016
1	Tổng sản lượng tiêu thụ	Tấn	1.042.672	1.050.000	100,7%
	- Thép xây dựng	Tấn	576.186	570.000	98,9%
	- Thép tấm lá mạ	Tấn	372.418	380.000	102,0%
	- Thép ống hàn	Tấn	13.861	25.000	180,4%
	- Thép khác	Tấn	80.207	75.000	93,5%
2	Tổng doanh thu bán hàng	Tỷ đồng	9.447	10.550	111,7%
3	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	362,3	150,0 (*)	41,4%

(*) Kế hoạch LNST năm 2017 được điều chỉnh tăng từ 80 tỷ lên 150 tỷ đồng sau khi HĐQT thống nhất và thông qua trong phiên họp ngày 8/3/2017

KẾ HOẠCH VÀ CÁC DỰ ÁN ĐẦU TƯ SẢN XUẤT TRONG NĂM 2017

Năm 2017, SMC tiếp tục đầu tư hoàn chỉnh một dây chuyền tẩy và một dây chuyền mạ khổ 700m/m, với tổng vốn đầu tư là 130 tỷ đồng tại SMC Cơ Khí. Sau khi hoàn thành đi vào hoạt động, tùy theo khả năng đáp ứng sản lượng và nhu cầu tiêu thụ của thị trường, Công ty sẽ tiếp tục đầu tư thêm một trong ba khâu tẩy, ép, mạ, nhằm đảm bảo tính đồng bộ và hợp lý, phát huy tối đa hiệu quả sử dụng vốn đầu tư.

Về nhà xưởng và kho hàng, SMC đang ở trong tình trạng thiếu mặt bằng để lắp đặt thiết bị mở rộng nhà xưởng và lưu trữ hàng hóa. Với nhu cầu phát triển sản xuất kinh doanh, việc tìm kiếm thêm mặt bằng mới trong năm 2017 là cấp thiết với quy mô diện tích từ 3-5 ha, khi có mặt bằng mới Công ty sẽ tiếp tục lập phương án đầu tư xây dựng cụ thể.

Đối với SMC Hà Nội, xem xét đầu tư thêm phân xưởng gia công Coil Center thép cán nóng, nhằm tận dụng mối quan hệ sẵn có với Formosa, mở rộng mặt hàng kinh doanh cho SMC Hà Nội.

Đối với nhà máy liên doanh ống thép SENDO, đầu tư phát triển giai đoạn 2 theo kế hoạch ban đầu, với nguồn vốn tự cân đối từ vốn tích lũy và vay tín dụng ngân hàng. Quy mô đầu tư nhà xưởng từ 12.000 – 13.000 m², máy



hàn cuốn ống từ 6-7 đơn vị, nâng công suất hoạt động lên gấp đôi so với hiện tại, dự kiến đạt mức sản xuất khoảng 10.000-12.000 tấn/tháng vào giữa năm 2018, đáp ứng được sản lượng đầu ra của phân xưởng tẩy-ép-mạ từ SMC Cơ khí.

ĐỊNH HƯỚNG VÀ CÁC GIẢI PHÁP THỰC HIỆN CHỈ TIÊU KINH DOANH NĂM 2017

Tiếp tục tập trung cho yêu cầu về an toàn và hiệu quả kinh doanh, từng bước nâng cao sản lượng tiêu thụ theo phương châm vững chắc và ổn định, hướng đến việc nâng cao năng lực cạnh tranh và gia tăng hiệu quả, kết hợp với việc gia tăng thu nhập và đời sống cho CBCNV.

Phấn đấu sớm đạt mốc tiêu thụ 100.000 tấn/tháng; trong đó tập trung ưu tiên cho các mặt hàng có tỷ suất lợi nhuận cao, tích cực tạo hiệu quả kinh doanh nhằm gia tăng tốc độ phát triển và cải thiện các hệ số nợ/vốn, đưa doanh nghiệp vào quỹ đạo ổn định, vững chắc hơn.

Thúc đẩy các đơn vị thành viên chủ động xây dựng bản sắc kinh doanh riêng của mình, nâng cao năng lực tự hạch toán và tự chịu trách nhiệm trước kết quả kinh doanh, văn phòng SMC giữ vai trò giám sát, hỗ trợ và điều phối các hoạt động phù hợp với phương hướng và điều kiện kinh doanh thuận lợi sẵn có, linh hoạt trong công tác điều hành và phát huy sức mạnh của toàn hệ thống trước các thách thức.

Tiếp tục công tác đầu tư xây dựng nhằm mục đích phát triển và đáp ứng tốt các yêu cầu của thị trường, bên cạnh việc tích cực xây dựng bộ máy kỹ thuật vững mạnh, từng bước chuyển biến từ phát triển chiều rộng sang phát triển chiều sâu. Hoạt động đầu tư xây dựng sẽ được thực hiện theo các phương án kinh doanh được phê duyệt.

Phát triển mảng kinh doanh thép dẹt ngày càng vững chắc với thế mạnh tập trung tại các nhà máy Coil Center và nhà máy sản xuất thép ống, cộng thêm các dây chuyền gia công cán ép, tẩy mạ đang xây dựng, hướng tới khả năng tiêu thụ thép dẹt đạt mốc 50% tổng tiêu thụ trong những năm sắp tới. Với việc nhà máy thép Formosa sẽ đi vào hoạt động trong năm 2017, SMC hướng tới mở rộng phân phối và tiêu thụ ở cả hai mặt hàng thép cán nóng và thép dẹt.

Nhà máy Liên doanh Ống thép Sendo, sau năm đầu tiên đi vào hoạt động đã tạo ra một số kết quả tích cực, đặc biệt là vị thế trong xuất khẩu. Năm 2017, Sendo phấn

đấu sản lượng sản xuất và tiêu thụ tăng gấp đôi, với sự hỗ trợ tích cực từ SMC và Hanwa, phấn đấu đến năm 2018 đạt sản lượng từ 90.000 – 100.000 tấn/năm. Hoạt động phát triển của Sendo có liên quan chặt chẽ với các hoạt động khác của SMC như gia công cán ép, tẩy mạ, gia công cắt xẻ, quan hệ mua hàng, và phát triển sản lượng. Năm 2017, Sendo cần phát triển và xây dựng thị phần tiêu thụ vững chắc và sẵn sàng ứng phó với các đột biến của thị trường, sớm khẳng định được vị thế và sức cạnh tranh của mình trong thị trường ống thép.

Công tác tài chính kế toán được tiếp tục đẩy mạnh nhằm đảm bảo năng lực tài chính phục vụ kinh doanh, đáp ứng yêu cầu quản lý, điều hành. Từng bước gia tăng các ứng dụng công nghệ thông tin vào nghiệp vụ kế toán, tài chính và nghiệp vụ kinh doanh theo yêu cầu phát triển của Công ty và xã hội.

Tăng cường mạnh mẽ hơn bộ máy quản lý các cấp, hạn chế phát triển nhân sự cấp thấp, nhằm đảm bảo bộ máy tinh gọn, hoàn thành các nhiệm vụ lớn hơn, với chất lượng cao hơn. Sẵn sàng điều động thay thế cán bộ yếu kém, không hoàn thành nhiệm vụ.

Phấn đấu sớm đạt mốc tiêu thụ 100.000 tấn thép/tháng; trong đó tập trung ưu tiên cho các mặt hàng có tỷ suất lợi nhuận cao, tích cực tạo hiệu quả kinh doanh nhằm gia tăng tốc độ phát triển và cải thiện các hệ số nợ/vốn, đưa doanh nghiệp vào quỹ đạo ổn định, vững chắc hơn.



KIỂM SOÁT
CHẶT CHẼ



PHỐI HỢP NHỊP NHÀNG

“Thử thách càng lớn-Cơ hội càng lớn”

Khuyết danh / Anynomous -

1. GIỚI THIỆU BAN KIỂM SOÁT



Ông
NGUYỄN HỮU KINH LUÂN
Trưởng Ban Kiểm soát
Sinh năm: 1982

Trình độ chuyên môn:
Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh Đại
học Murray, Hoa Kỳ



Bà
LÊ THỊ CẨM TÚ
Thành viên Ban Kiểm soát
Sinh năm: 1981

Trình độ chuyên môn:
Cử nhân Luật



Bà
ĐẶNG THỊ THU TRANG
Thành viên Ban Kiểm soát
Sinh năm: 1980

Trình độ chuyên môn:
Cử nhân Kinh tế

CÁC HOẠT ĐỘNG BKS ĐÃ THỰC HIỆN TRONG NĂM

Tham gia các cuộc họp của HĐQT định kỳ và bất thường (nếu có) trong năm;

Xem xét các báo cáo tài chính, báo cáo thường niên, tổng kết hoạt động sản xuất kinh doanh và chương trình, kế hoạch của Công ty theo định kỳ;

Xem xét các báo cáo của đơn vị kiểm toán;

Góp ý với HĐQT các vấn đề về kế toán, kiểm toán và công bố thông tin

Theo dõi, phản hồi các ý kiến của cổ đông đối với hoạt động của Công ty: trong năm vừa qua, Ban kiểm soát không nhận được bất cứ một kiến nghị, khiếu nại nào của cổ đông về hoạt động của Công ty cũng như về công tác điều hành của HĐQT và Ban TGD.

BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG SXKD NĂM 2016

Thẩm định báo cáo kết quả kinh doanh năm 2016

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	TH 2015	TH 2016	KH 2016	% Kế hoạch
1	Tổng sản lượng tiêu thụ	Tấn	1.004.846	1.042.672	1.000.000	104,3%
2	Tổng Doanh thu	Tỷ đồng	10.046	9.447	10.100	93,5%
3	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	-196,1	362,3	60,0	603,8%
4	Xuất Khẩu	Tấn	151.750	143.635	100.000	143,0%

Năm 2016, SMC đạt kết quả sản lượng thép tiêu thụ tốt với hơn 1,04 triệu tấn, hoàn thành vượt mức kế hoạch đặt ra. Tuy nhiên, tổng doanh thu bán hàng chỉ đạt 9.447 tỷ đồng, chưa hoàn thành mục tiêu cả năm. Bù lại, kết quả LNST đạt hiệu quả rất cao, với gần 362 tỷ đồng, tăng gấp 6 lần so với kế hoạch lợi nhuận được giao là 60 tỷ đồng, và đã bù đắp toàn bộ thiệt hại của Công ty trong năm 2015.

Thẩm định báo cáo tài chính

BKS đã thực hiện việc thẩm tra BCTC hợp nhất năm 2016 của CTCP Đầu tư Thương mại SMC thông qua việc giám sát, trao đổi thường xuyên với Phòng Kế toán Công ty. Công ty đã thực hiện báo cáo và công bố thông tin định kỳ theo đúng qui định. BKS đồng ý với ý kiến của Công ty Kiểm toán về BCTC hợp nhất kiểm toán của Công ty được lập cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2016. BCTC hợp nhất kiểm toán được trình bày trung thực, hợp lý, phù hợp với chuẩn mực kế toán Việt Nam và các qui định của pháp luật hiện hành về nội dung và thời gian hoàn thành báo cáo.

2. BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT



ĐÁNH GIÁ CÔNG TÁC QUẢN LÝ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các hoạt động của HĐQT trong năm 2016 đều thực hiện đúng với chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn theo luật. Các hoạt động của HĐQT trong năm 2016 đều thực hiện đúng với chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn theo Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

- HĐQT đã nghiêm túc thực hiện kế hoạch SXKD năm 2016 và các nội dung trong Nghị quyết ĐHĐCĐ

- Từng quý, HĐQT có tổ chức họp định kỳ xem xét, đánh giá tình hình SXKD của quý và đề ra các giải pháp, mục tiêu, phương hướng cho việc thực hiện kỳ tới.

- Các Nghị quyết HĐQT đề ra trong năm 2016 là hợp pháp và đúng với Điều lệ và Nghị quyết ĐHĐCĐ, có tác dụng định hướng dài hạn và đề ra các giải pháp phù hợp sâu sát HĐKD.

- Nội dung các cuộc họp HĐQT mang tính thiết thực giải quyết kịp thời có hiệu quả các vấn đề phát sinh cấp thiết của Công ty. HĐQT đã thực hiện tốt vai trò chỉ đạo, giám sát và hỗ trợ Ban TGD, các phòng ban, đơn vị thành viên; điều hành hoạt động SXKD vượt qua khó khăn thách thức, duy trì hoạt động của hệ thống.

- Các thành viên HĐQT tuân thủ đầy đủ điều lệ, quy chế quản lý, Nghị quyết của ĐHĐCĐ và thực hiện nhiệm vụ một cách năng động, tận tụy, có trách nhiệm.

- Giữa HĐQT, BKS và Ban TGD luôn có sự phối hợp chặt chẽ, tất cả cuộc họp HĐQT đều có BKS tham dự, các nội dung thảo luận và biểu quyết đều thực hiện công khai, đúng qui định.
- Riêng về việc phát hành cổ phiếu riêng lẻ theo Nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2016, thời gian dự kiến sẽ hoàn thành trong năm 2016. Tuy nhiên, vì một số lý do khách quan, HĐQT đã chưa hoàn thành, thời gian phát hành bị thay đổi, lùi ngày dự kiến hoàn thành việc phát hành trong năm 2017.

ĐÁNH GIÁ CÔNG TÁC ĐIỀU HÀNH CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban TGD đã triển khai, thực hiện tốt Nghị quyết của ĐHĐCĐ và chỉ đạo của HĐQT Công ty với thành tích đạt được khả quan. Ban TGD đã có các biện pháp chỉ đạo linh hoạt, phù hợp với tình hình diễn biến thị trường, thận trọng hơn trong quyết định mua hàng và luôn giữ lượng tồn kho ở mức hợp lý. Ban TGD cũng đã đề ra các giải pháp phù hợp để khắc phục các nhược điểm, khó khăn trong năm 2015 và triển khai thực hiện nghiêm túc trong năm 2016.

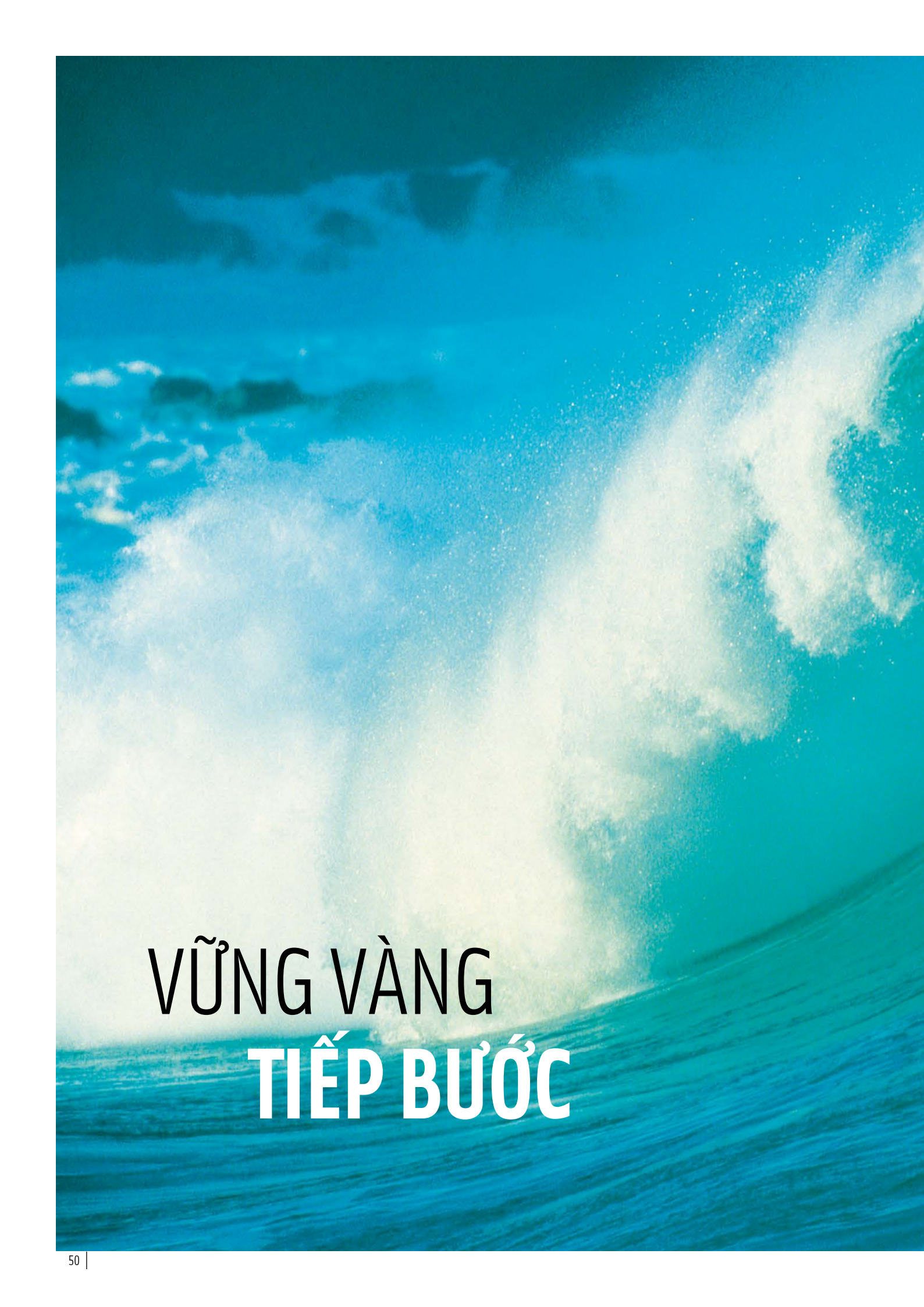
ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ DÀI HẠN

- Năm 2016, SMC đầu tư thêm 2 dây chuyền ống, nâng tổng số lên 7 dây chuyền tại thời điểm cuối năm.
- SMC Toami đã xây dựng và khánh thành xong nhà xưởng mới với diện tích 10.000m².
- Tiếp tục triển khai xây dựng 2 hệ thống tẩy và mạ tại KCN Phú Mỹ với giá trị đầu tư dự kiến 130 tỷ đồng. Bên cạnh đó, SMC còn đầu tư thêm 1 dàn máy cắt, 1 dàn máy xả cho hệ thống Coil Center và 3 cầu trục với giá trị đầu tư khoảng 50 tỷ đồng.

BKS nhận định HĐQT và ban TGD đã triển khai nghiêm túc các kế hoạch đầu tư theo đúng định hướng của doanh nghiệp

ĐỀ XUẤT VÀ KIẾN NGHỊ CỦA BAN KIỂM SOÁT

- Tiếp tục duy trì hoạt động kiểm soát nội bộ, đặc biệt là công tác bán hàng và quản lý công nợ, thắt chặt quản lý rủi ro trong kinh doanh và tài chính.
- Tăng cường công tác dự báo về giá thế giới và trong nước để đưa ra các chiến lược và giải pháp kinh doanh phù hợp.
- Xây dựng cơ chế phân quyền và giám sát việc thực hiện của các đơn vị thành viên, đảm bảo cho tất cả các đơn vị thành viên có cơ hội tự chủ phát triển nhưng vẫn đảm bảo tính thống nhất trong hệ thống SMC.
- Nhanh chóng hoàn thiện các dự án đang đầu tư để đưa vào khai thác, nâng cao hiệu suất đầu tư của Doanh nghiệp.



VỮNG VÀNG TIẾP BƯỚC



KIẾN TẠO GIÁ TRỊ

“Lửa thử vàng, gian nan thử sức”

1. QUẢN TRỊ RỦI RO



Để giảm thiểu các rủi ro chính trong hoạt động sản xuất kinh doanh như rủi ro về thị trường, rủi ro về hoạt động, và rủi ro về tài chính, HĐQT và Ban TGD Công ty luôn bám sát các chủ trương và định hướng đã đề ra, với mục tiêu an toàn và hiệu quả kinh doanh luôn được đặt lên hàng đầu. Bên cạnh đó, Công ty cũng có các chiến lược quản trị rủi ro riêng, như thành lập ban kiểm soát nội bộ, ban thẩm định giá, ban vật tư, ban thu hồi công nợ... nhằm kiểm soát và ứng phó với những rủi ro có thể xảy ra, đảm bảo đem lại kết quả tích cực trong hoạt động kinh doanh của toàn hệ thống.

RỦI RO KINH TẾ VÀ THỊ TRƯỜNG

Tốc độ tăng trưởng kinh tế là nhân tố ảnh hưởng trực tiếp đến sự phát triển của ngành thép và các doanh nghiệp trong ngành. Năm 2016, tuy tốc độ tăng trưởng GDP cả nước không đạt được mục tiêu kế hoạch đề ra, nhưng vẫn duy trì ở mức khả quan là trên 6%, cùng với sự sôi động của thị trường bất động sản và sự hồi

phục vi diệu của giá thép, đảm bảo cho ngành thép nội địa và các doanh nghiệp thép có cơ sở và nền tảng để tăng trưởng và hoạt động hiệu quả. Mặc dù đã trải qua một năm đầy tích cực, từ bài học của năm 2015, SMC vẫn luôn trong tư thế chuẩn bị sẵn sàng để đương đầu với các rung lắc và chuyển biến không lường trước được của thị trường, đảm bảo khả năng linh hoạt ứng phó với mọi tình huống nhằm mang lại HỖKD hiệu quả nhất.

Ngành thép là một ngành mang tính toàn cầu, trong đó ngành thép và giá thép nội địa chịu ảnh hưởng trực tiếp bởi các biến động trên thị trường thế giới, quan trọng nhất là các biến động tại thị trường Trung Quốc. Biến động về giá sẽ gây tác động trực tiếp đến hoạt động và kết quả kinh doanh của Công ty. Do đó, việc cập nhật và phân tích giá thép các loại, lựa chọn thời điểm mua hàng thích hợp, lựa chọn mức tồn kho thích hợp, hạn chế rủi ro về tồn kho, nguyên liệu, và ảnh hưởng của biến động giá luôn được ban lãnh đạo SMC quan tâm chú trọng, xem xét và đưa ra những quyết định phù hợp theo từng thời điểm tình hình thị trường khác nhau.

“ Để giảm thiểu các rủi ro chính trong hoạt động sản xuất kinh doanh, HĐQT và Ban TGD Công ty luôn bám sát các chủ trương và định hướng đã đề ra, với mục tiêu an toàn và hiệu quả kinh doanh luôn được đặt lên hàng đầu, nhằm đảm bảo đem lại kết quả tích cực trong hoạt động kinh doanh của toàn hệ thống. ”

RỦI RO TRONG HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Với việc tiếp tục mở rộng các hoạt động gia công chế biến thép dẹt, SMC từng bước giảm thiểu rủi ro của một đơn vị thuần kinh doanh thương mại phân phối thép xây dựng trước các biến động về giá thép xây dựng và của thị trường bất động sản. Tuy nhiên, các hoạt động gia công chế biến, sản xuất thép mới đồng thời cũng mang đến rủi ro về nguyên liệu và biến động giá cả nguyên vật liệu thép cán nóng và thép cán nguội. Theo đó, SMC luôn duy trì và tạo dựng được mối quan hệ mật thiết rất tốt với các nhà sản xuất thép hàng đầu trong và ngoài nước, đảm bảo được nguồn cung thép ổn định và hợp lý.

Trong hoạt động sản xuất và gia công chế biến thép, SMC luôn chú trọng đảm bảo đầu tư máy móc thiết bị với công nghệ hiện đại, thường xuyên được bảo trì bảo dưỡng, cùng nguyên vật liệu được sử dụng có chất lượng cao và giá thành hợp lý, quá trình sản xuất gia công chế biến được đồng bộ và kiểm soát chặt chẽ nhằm đảm bảo vận hành an toàn, hiệu quả, giảm thiểu tối đa sự cố, sai sót và tiêu hao nguyên nhiên vật liệu.

RỦI RO TÀI CHÍNH TÍN DỤNG

Trong hoạt động SXKD, SMC phải đối mặt với các rủi ro tài chính như biến động tỷ giá, biến động lãi suất ngân hàng, rủi ro nợ phải thu khó đòi và rủi ro về thanh khoản. Với hoạt động xuất nhập khẩu ngày càng được đẩy mạnh và đóng vai trò quan trọng trong việc hỗ trợ hoạt động

kinh doanh của toàn hệ thống, SMC luôn chú trọng xem xét và cân đối giữa dư nợ vay bằng VNĐ và ngoại tệ USD để đảm bảo đạt mức lãi suất vay tốt nhất, đồng thời cũng có đủ nguồn cung USD cho hoạt động nhập khẩu. Các biến động về tỷ giá và lãi suất trên thị trường luôn được cập nhật và phân tích sát sao nhằm có những ứng phó linh hoạt kịp thời trước các biến động lớn. Bên cạnh đó, việc tạo dựng được lòng tin và duy trì mối quan hệ tốt với các tổ chức tín dụng và ngân hàng cũng đảm bảo cho SMC chủ động giảm thiểu được rủi ro về tín dụng, lãi suất, thanh khoản và tỷ giá.

SMC hiện đang phụ thuộc khá lớn vào nguồn vốn vay từ các tổ chức tín dụng mặc dù tỷ suất cơ cấu nợ/vốn trong năm 2016 đã có nhiều cải thiện so với các năm trước. Để ứng phó với rủi ro về nhu cầu vốn, lãi suất và tỷ giá, SMC luôn chủ động trong việc tìm kiếm và duy trì nguồn vốn vay với mức lãi suất cạnh tranh, linh hoạt trong các giải pháp thu hồi công nợ và duy trì tồn kho ở mức hợp lý để cân đối nguồn vốn lưu động, từng bước tiếp tục cân đối nguồn vốn vay và vốn chủ sở hữu.

Đối với rủi ro về nợ xấu và phải thu khó đòi, SMC luôn đảm bảo áp dụng đầy đủ các quy trình về bán hàng và chính sách hạn mức nợ cụ thể được áp dụng cho từng nhóm khách hàng khác nhau, căn cứ theo tình hình tài chính, tài sản đảm bảo, uy tín giao dịch/thanh toán của từng khách hàng, được rà soát và xem xét lại theo từng thời kỳ như tháng, quý, năm với sự tham gia của ban kiểm soát nội bộ và ban quản lý thu hồi công nợ, đảm bảo giảm thiểu tối đa rủi ro nợ phải thu khó đòi cho toàn hệ thống.

2. TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

10.8

triệu đồng/tháng
Thu nhập bình quân của CBCNV năm 2016

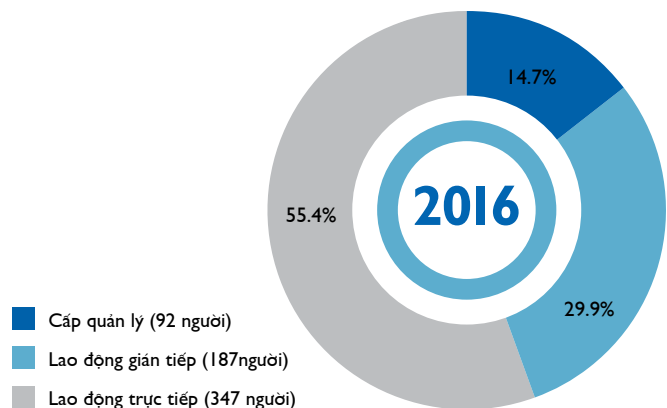
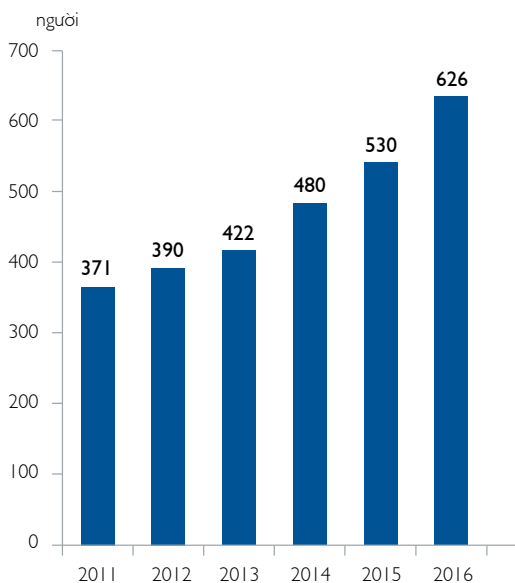
Trong năm 2016, SMC thành lập thêm Ban Vật Tư, với các chức năng, nhiệm vụ, và quyền hạn cụ thể như sau:

Ban vật tư:

Chức năng	Nhiệm vụ	Quyền hạn
Thực hiện công tác thu mua vật tư sản xuất và tham mưu Ban TGD trong các hoạt động mua, bán vật tư, công cụ sản xuất, giá cả... đáp ứng nhu cầu hoạt động SXKD toàn hệ thống Công ty.	<ul style="list-style-type: none"> - Tìm nhà cung cấp, khai thác nguồn vật tư sản xuất, nhập khẩu, và nội địa đáp ứng nhu cầu SXKD theo đề xuất của các đơn vị sản xuất. - Đàm phán, thương lượng giá mua vật tư, các điều kiện giao hàng... theo quy trình mua hàng. - Tham mưu ban TGD phương án mua vật tư trên cơ sở cân đối giữa tồn kho vật tư và nhu cầu SXKD của các đơn vị sản xuất. - Xây dựng môi trường cung ứng lành mạnh, năng động, trách nhiệm, và hiệu quả. - Lập các báo cáo liên quan theo yêu cầu của ban TGD 	<ul style="list-style-type: none"> - Yêu cầu các phòng ban, đơn vị liên quan cung cấp thông tin, số liệu, tài liệu hỗ trợ cho công việc của Ban theo quy định. - Kiểm tra, giám sát hoạt động mua hàng nội địa, dịch vụ vận chuyển của các phòng ban, đơn vị liên quan.

CƠ CẤU NHÂN SỰ

Tính đến 31/12/2016, tổng số lượng nhân sự của SMC là 626 lao động, tăng 96 người, tương ứng 18,1% so với năm 2015. Lực lượng nhân sự chủ yếu là đội ngũ trẻ, năng động với trình độ chuyên môn và trình độ ngoại ngữ cao, luôn tự nỗ lực phấn đấu để đảm bảo đóng góp tích cực và đáp ứng tốt cho định hướng phát triển lâu dài và bền vững của công ty.



THU NHẬP VÀ PHÚC LỢI CỦA NGƯỜI LAO ĐỘNG

Người lao động được chi trả lương làm việc dựa theo cấp bậc, vị trí công việc, năng lực và thang bảng lương. Thu nhập bình quân hàng tháng của CBCNV SMC năm 2016 là 10,8 triệu đồng, tăng bình quân 12,5% so với năm trước. Ngoài thu nhập hàng tháng, Công ty còn chú trọng chính sách khen thưởng hàng quý, thưởng đột xuất cho những cá nhân và tập thể có thành tích xuất sắc mang tính thiết thực; phúc lợi đảm bảo đầy đủ, giúp ổn định cuộc sống cho người lao động. Với kết quả kinh doanh đột phá trong năm 2016, Công ty đã thực hiện chính sách khen thưởng tích cực cho toàn bộ CBCNV toàn hệ thống, tạo sự khích lệ và phấn khởi cho toàn bộ người lao động.

Bên cạnh đó, SMC cũng sở hữu một hệ thống các tổ chức đoàn thể như Công đoàn, Đoàn thanh niên, tổ chức Đảng... xuyên suốt từ văn phòng Công ty đến các đơn vị thành viên, sẵn sàng hỗ trợ người lao động khi cần thiết. CBCNV luôn được khuyến khích tham gia các tổ chức đoàn thể, các hoạt động thi đua trong nội bộ và giao lưu với các đơn vị bên ngoài. CBCNV cũng luôn được hỗ trợ cả về mặt tinh thần lẫn vật chất trong hoàn cảnh khó khăn, luôn được tạo điều kiện để nâng cao đời sống tinh thần và sức khỏe. Các tổ chức đoàn thể thực hiện nhiệm vụ gắn kết trực tiếp CBCNV với định hướng phát triển và thúc đẩy việc hoàn thành mục tiêu nhiệm vụ SXKD hàng năm của Công ty.

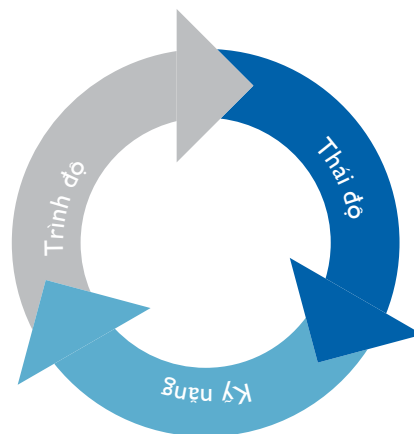
CHÍNH SÁCH PHÚC LỢI:

- Lương, thưởng định kỳ hàng tháng/quý/năm.
- Khen thưởng theo năng lực và kết quả kinh doanh.
- Phát hành cổ phiếu ưu đãi cho người lao động (ESOP)
- Bảo hiểm y tế, Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm thất nghiệp, Bảo hiểm tai nạn 24/24.
- Theo dõi sức khỏe định kỳ hàng năm
- Chế độ thai sản, hỗ trợ CBCNV nữ nghỉ việc chăm sóc con nhỏ mới sinh
- Trợ cấp khó khăn.
- Đào tạo nâng cao chuyên môn, nghiệp vụ.
- Tổ chức tham quan, du lịch, vui chơi ở các địa điểm trong và ngoài nước hàng năm.
- Tổ chức các chuyến xe hỗ trợ đưa CBCNV về quê ăn tết tại các tỉnh miền Trung

TUYỂN DỤNG, ĐÀO TẠO, PHÁT TRIỂN, VÀ ĐÁNH GIÁ NGUỒN NHÂN LỰC

Từ năm 2011 đến năm 2016, nhân sự toàn hệ thống đã tăng 68,7%. SMC luôn đảm bảo sự kết hợp chặt chẽ hài hòa từ mảng tuyển dụng, đào tạo đến đánh giá sàng lọc, luân chuyển, và đề bạt nhân sự, nhằm đem lại hiệu quả tối ưu, đặt mục tiêu và lợi ích của toàn công ty lên hàng đầu. Đặc biệt, SMC luôn chú trọng việc tổ chức các chương trình đào tạo nội bộ về văn hóa doanh nghiệp và chuyên môn nghiệp vụ với những bản sắc riêng và kinh nghiệm mà Công ty đã đúc kết và chọn lọc được qua 28 năm hình thành và phát triển. Hàng năm, công ty sẽ xem xét đề bạt những cá nhân có năng lực và kinh nghiệm phù hợp vào những vị trí, chức vụ cao hơn trong công ty, tạo điều kiện và khích lệ người lao động phấn đấu, nỗ lực không ngừng, đóng góp vào hiệu quả chung của toàn hệ thống SMC. Trong năm 2016, SMC đã bổ nhiệm thêm nhiều vị trí trưởng phòng và phó phòng tại Văn phòng Công ty và tại các đơn vị thành viên, theo năng lực của cá nhân và nhu cầu phát triển của toàn hệ thống.

Cơ chế đánh giá nguồn nhân lực:



CHIẾN LƯỢC SỬ DỤNG VÀ PHÁT TRIỂN NGUỒN NHÂN LỰC ĐỂ ĐẢM BẢO THỰC HIỆN MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

- Đa dạng trong cơ cấu và phân bổ lao động hợp lý
- Bảo đảm sức khỏe, ổn định việc làm cho người lao động
- Đào tạo hội nhập và phát triển nghề nghiệp
- Chính sách phúc lợi và đãi ngộ, thu hút và giữ chân nhân tài.
- Bảo đảm quyền của người lao động.

3. QUAN HỆ CỔ ĐÔNG VÀ NHÀ ĐẦU TƯ

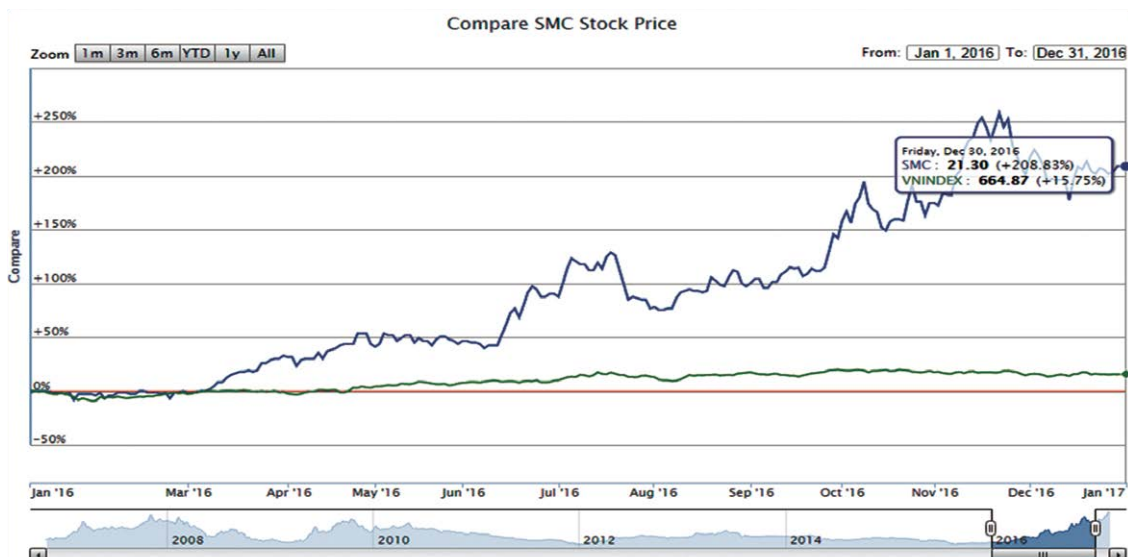
EPS
12.254 VNĐ

SMC luôn chú trọng tính minh mạch để giúp cổ đông, nhà đầu tư, nhà cung cấp, và khách hàng có thể hiểu được cụ thể tình hình doanh nghiệp, luôn quan tâm công tác CBTT về tình hình hoạt động, thông tin về tài chính kế toán cũng như hàng loạt các thông tin phát sinh trong quá trình hoạt động của mình, luôn đảm bảo các thông tin được công bố rõ ràng, cung cấp đầy đủ các nội dung liên quan để nhà đầu tư, nhà cung cấp và khách hàng, dễ dàng truy cập và kiểm tra thông tin, đồng thời sẵn sàng giải trình theo yêu cầu đối với kết quả hoạt động.

SMC luôn chủ động CBTT về hoạt động và KQKD theo từng tháng, quý, năm một cách đầy đủ và minh bạch. Các sự kiện và hoạt động khác của SMC cũng luôn được cập nhật thường xuyên trên website của công ty, của SGDCK TPHCM, và các kênh truyền thông về kinh tế tài chính. Tháng 11/2016, SMC đã có buổi hội thảo tổ chức tại SGDCK TPHCM trao đổi và cập nhật với nhà đầu tư về ngành thép cũng như về tình hình hoạt động của Công ty. Ban lãnh đạo Công ty cũng liên tục trao đổi và phản hồi thông tin với những cổ đông thực sự quan tâm đến hoạt động của doanh nghiệp bằng hình thức văn bản, email và điện thoại. Qua đó, ban lãnh đạo Công ty cũng rất cảm ơn những ý kiến đóng góp của quý cổ đông trong việc điều hành hoạt động của Doanh nghiệp. SMC đã, đang và sẽ duy trì việc thông tin kịp thời, đầy đủ, minh bạch, và có trách nhiệm cao đến nhà đầu tư, cổ đông và đối tác.

CỔ PHIẾU SMC

Mã chứng khoán	SMC	
Sàn niêm yết cổ phiếu	HSX	
Vốn điều lệ	295.183.610.000	Đồng
Số cổ phiếu đang niêm yết	29.518.361	Cổ phiếu
Vốn hóa thị trường (theo giá cp ngày 31/12/2016)	628.741.089.300	Đồng
Thu nhập bình quân trên mỗi cổ phiếu năm 2016 (EPS)	12.254	Đồng
Giá trị sổ sách trên mỗi cổ phiếu năm 2016 (BPS)	25.440	Đồng
Biến động giá VN-Index trong năm 2016	+15,75%	
Biến động giá cổ phiếu SMC trong năm 2016	+208,83%	



Biến động giá về cổ phiếu SMC so sánh với VN-Index trong năm 2016

BPS

25.440 VNĐ

CỔ TỨC

Với kết quả kinh doanh tích cực trong năm 2016, HĐQT SMC đã thông qua và thực hiện chi trả 10% mệnh giá cổ tức bằng tiền mặt cho cổ đông, được thực hiện trong 2 đợt, cụ thể như sau:

- **Đợt 1:** thực hiện chi trả 5% mệnh giá, tương đương 500 đồng/cp, cổ tức bằng tiền cho cổ đông, thanh toán vào ngày 28/09/2016
- **Đợt 2:** thực hiện chi trả 5% mệnh giá, tương đương 500 đồng/cp, cổ tức bằng tiền cho cổ đông, thanh toán vào ngày 12/1/2017

HĐQT vừa qua thông qua phiên họp ngày 8/3/2017 đã thống nhất chi trả thêm 5% mệnh giá cổ tức tiền mặt cho cổ đông, nâng tổng tỷ lệ cổ tức năm 2016 của SMC từ 10% lên 15% mệnh giá, tương ứng 1,500 đồng/cp.

- **Đợt 3:** chi trả thêm 5% mệnh giá, tương đương 500 đồng/cp, dự kiến sẽ được thực hiện trong tháng 04/2017, ngay sau khi trình ĐHCĐ và được thông qua.

CƠ CẤU CỔ ĐÔNG

Những thay đổi lớn và giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ trong năm:

- SMC không phát hành thêm cổ phiếu làm thay đổi số lượng cổ phiếu lưu hành và niêm yết.
- Các giao dịch của cổ đông nội bộ và người liên quan đã được thực hiện trong năm như sau:

Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với cổ đông nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng giảm cổ phiếu	
		Cổ phiếu	Tỷ lệ %	Cổ phiếu	Tỷ lệ %	Mua	Bán
Nguyễn Ngọc Anh	CT.HĐQT	5.356.273	18,15	5.533.463	18,75	177.190	0
Nguyễn Ngọc Đăng Khoa	Con Ông Nguyễn Ngọc Anh - CT.HĐQT	619.700	2,10	744.310	2,52	124.610	0
Nguyễn Văn Tiến	Phó TGD Công ty	570.499	1,93	540.499	1,83	0	30.000
Nguyễn Hữu Kinh Luân	Trưởng BKS	441.154	1,49	482.474	1,63	41.320	0
CTCP TMXNK Thủ Đức (Ma Đức Tú – CT.HĐQT)	Ông Ma Đức Tú - TV.HĐQT SMC	80.000	0,00	0	0,00	0	80.000

- Giao dịch cổ phiếu quỹ trong năm: không có
- Các giao dịch, công bố thông tin không theo quy định bị nhắc nhở xử phạt trong năm: không có
- Thông tin cổ đông theo danh sách đăng ký cuối cùng ngày 23/01/2017

3. QUAN HỆ CỔ ĐÔNG VÀ NHÀ ĐẦU TƯ

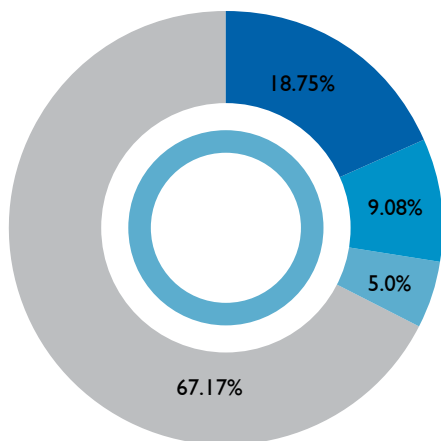
Cơ cấu cổ đông						
Danh mục	Cổ đông trong nước		Cổ đông nước ngoài		Tổng cộng	
	Giá trị	%	Giá trị	%	Giá trị	%
Tổng vốn chủ sở hữu	268.296.140	90,89	26.887.470	9,11	295.183.610	100,00
Cổ đông sáng lập (*)	87.560.610	29,66	0	0,00	87.560.610	29,66
Cổ đông sở hữu trên 5%	0	0,00	14.760.000	5,00	14.760.000	5,00
Cổ đông sở hữu từ 1% đến 5%	102.886.640	34,86	7.499.600	2,54	110.386.240	37,40
Cổ đông sở hữu dưới 1%	77.781.710	26,35	4.627.770	1,57	82.409.480	27,92
Cổ phiếu quỹ	67.180	0,02	0	0,00	67.180	0,02

(*) Cổ đông sáng lập đã bao gồm 02 cổ đông sở hữu trên 5%, 01 cổ đông sở hữu từ 1% đến 5%, và 01 cổ đông sở hữu dưới 1%

Tỷ lệ sở hữu của cổ đông đặc biệt

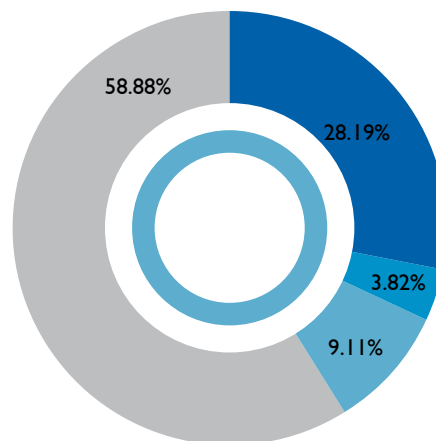
Chỉ tiêu	Số lượng cổ phần phổ thông sở hữu	Số lượng cổ phần hạn chế chuyển nhượng	Tổng số lượng cổ phần sở hữu	Tỷ lệ sở hữu %
Cổ đông đặc biệt	9.462.390	0	9.462.390	32,06
Hội đồng quản trị	8.320.629	0	8.320.629	28,19
Ban giám đốc	647.287	0	647.287	2,19
Ban kiểm soát	482.474	0	482.474	1,63
Kế toán trưởng	0	0	0	0,00
Giám đốc tài chính	12.000	0	12.000	0,04
Cổ đông nắm giữ >=5%	9.688.572	0	9.688.572	32,83
Nguyễn Ngọc Anh	5.533.463	0	5.533.463	18,75
Nguyễn Thị Ngọc Loan	2.679.099	0	2.679.099	9,08
Hanwa Co. Ltd	1.476.010	0	1.476.010	5,00
Cổ đông nước ngoài	2.688.747	0	2.688.747	9,11
Tổ chức	2.530.553	0	2.530.553	8,57
Cá nhân	158.194	0	158.194	0,54
Cổ phiếu quỹ	6.718	0	6.718	0,02

Cơ cấu cổ đông lớn



■ Ông Nguyễn Ngọc Anh ■ Hanwa
■ Bà Ngọc Loan ■ Khác

Cơ cấu cổ đông đặc biệt



■ HĐQT ■ Người nước ngoài
■ Ban TGD & BKS ■ Khác

Danh sách chi tiết cổ đông chủ chốt

Họ và tên	Chức vụ	Cổ phiếu phổ thông	Cổ phiếu hạn chế chuyển nhượng	Tổng cộng	Tỷ lệ %
Nguyễn Ngọc Anh	Chủ tịch HĐQT Tổng Giám Đốc	5.533.463	0	5.533.463	18,75
Nguyễn Thị Ngọc Loan	Phó chủ tịch HĐQT Phó TGD	2.679.099	0	2.679.099	9,08
Ma Đức Tú	Thành viên HĐQT	2.400	0	2.400	0,01
Hanwa Co., Ltd	Thành viên HĐQT	1.476.010	0	1.476.010	5,00
Võ Hoàng Vũ	Thành viên HĐQT Phó TGD	105.667	0	105.667	0,36
Nguyễn Văn Tiến	Phó TGD	482.474	0	482.474	1,63
Nguyễn Bình Trọng	Phó TGD	106.788	0	106.788	0,36
Lê Thị Cẩm Tú	BKS	0	0	0	0,00
Nguyễn Hữu Kinh Luân	BKS	482.474	0	482.474	1,63
Đặng Thị Thu Trang	BKS	0	0	0	0,00
Đỗ Doãn Thành Công	KTT	0	0	0	0,00
Trương Tuấn Dũng Hùng	TP Tài chính	12.000	0	12.000	0,04

- Danh sách cổ đông có số cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng: Không
- Danh sách cổ đông chiến lược bị hạn chế chuyển nhượng: Không

3. QUAN HỆ CỔ ĐÔNG VÀ NHÀ ĐẦU TƯ

THÙ LAO, CHI PHÍ CỦA HĐQT VÀ BKS

Trong năm 2016, Công ty đã thực hiện chi trả thù lao cho HĐQT, ban lãnh đạo và BKS cụ thể như sau:

Họ và tên	Chức danh	Thù lao năm 2016 (VNĐ)
Nguyễn Ngọc Anh	Chủ Tịch HĐQT	400.000.000
Nguyễn Thị Ngọc Loan	Phó CT HĐQT	360.000.000
Ma Đức Tú	Thành viên HĐQT	320.000.000
Taira Yoshiyuki	Thành viên HĐQT	320.000.000
Võ Hoàng Vũ	Thành viên HĐQT	320.000.000
Nguyễn Hữu Kinh Luân	Trưởng BKS	240.000.000
Lê Thị Cẩm Tú	Thành viên BKS	130.000.000
Đặng Thị Thu Trang	Thành viên BKS	130.000.000
Hồ Thị Ngọc Tuyết	Nguyên Trưởng BKS	120.000.000
Trần Thụy Bích Hân	Nguyên Thành viên BKS	50.000.000
Nguyễn Bình Trọng	Phó TGĐ	140.000.000
Nguyễn T.K. Hồng Châu	Phó TGĐ	30.000.000
Nguyễn Văn Tiến	Phó TGĐ	30.000.000
Trương Tuấn Dũng Hùng	Giám đốc Tài chính	30.000.000
Đỗ Doãn Thành Công	Kế toán trưởng	110.000.000
Tổng cộng:		2.680.000.000

4. HOẠT ĐỘNG XÃ HỘI, CỘNG ĐỒNG VÀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG



HOẠT ĐỘNG XÃ HỘI CỘNG ĐỒNG

SMC luôn gắn hoạt động của mình với các hoạt động xã hội như công tác từ thiện, nâng cao chất lượng cuộc sống của cộng đồng, gắn kết với địa phương nơi SMC có văn phòng, nhà máy như ủng hộ đồng bào bị thiên tai, bão lụt, quỹ vì người nghèo quận Bình Thạnh, quỹ xã hội từ thiện Công đoàn Công thương Việt Nam, quỹ khuyến học UBND Phường 25 Q.BT, quỹ Vì người nghèo của Mặt trận Tổ quốc...

BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

Các nhà máy gia công chế biến và sản xuất hiện tại của toàn hệ thống đều được đặt trong các KCN quy hoạch hoàn chỉnh dành cho ngành công nghiệp nặng với hệ thống cơ sở hạ tầng đồng bộ, riêng biệt với khu dân cư, không gây ảnh hưởng tác động đến môi trường sống của dân cư xung quanh trong suốt quá trình từ triển khai đầu tư, xây dựng cơ bản cho đến khi hoàn thành đi vào vận hành sản xuất.

Về tiêu hao điện năng, năng lượng – tất cả các dây chuyền gia công sản xuất đều được nhập mới với công nghệ hiện đại theo tiêu chuẩn Châu Âu, vận hành năng suất cao, được bảo trì bảo dưỡng thường xuyên, nên mức tiêu thụ điện năng trong suốt quá trình sản xuất gia công đạt hiệu quả khá tốt. Đồng thời, trong quá trình xây dựng nhà xưởng, SMC đã tối đa hóa hệ thống tôn sáng để đảm bảo lấy sáng tự nhiên trong quá trình làm việc, góp phần giảm tiêu hao điện năng tối đa. Toàn hệ thống được vận hành dựa trên công nghệ điều khiển và tự động, với động cơ truyền lực được vận hành bằng công nghệ inverter giúp giảm tiêu hao năng lượng,

nhưng vẫn đảm bảo cho năng suất, tốc độ cao, và chất lượng sản phẩm cao nhất cho khách hàng.

Về tỷ lệ tiêu hao nguyên liệu/phế phẩm – SMC luôn đảm bảo quản lý từ chất lượng đầu vào các nguyên vật liệu cho quá trình gia công sản xuất, cùng hệ thống máy móc hiện đại nhằm giảm thiểu tối đa tỷ lệ hao hụt nguyên vật liệu trong quá trình thực hiện. Hiện nay tỷ lệ phế liệu, phế phẩm của toàn hệ thống ở mức khoảng 0,5%. Các phế liệu chủ yếu từ quá trình gia công sản xuất của SMC là các đầu mẫu dày thép, cuộn thép, hoặc 2 biên của cuộn thép, được tập trung thu gom và bán lại cho các nhà máy nấu phôi thép từ phế liệu.

Về nước và khí thải – SMC áp dụng biện pháp xử lý và xây dựng hoàn chỉnh hệ thống thoát nước và ký hợp đồng xử lý nước thải với các đơn vị chịu trách nhiệm tại các KCN, đảm bảo lượng nước thải ra được xử lý đúng cách và không gây ảnh hưởng đến môi trường. Đối với khí thải, các hoạt động gia công sản xuất của Công ty không phát sinh ra khói và khí thải độc hại, tuy nhiên SMC vẫn tăng cường thoáng gió tự nhiên và tăng cường diện tích cây xanh trong môi trường làm việc cho CBCNV.

Về tiếng ồn và độ rung – chủ yếu phát sinh trong suốt quá trình vận hành máy móc, SMC đã áp dụng các biện pháp để hạn chế tối đa những ảnh hưởng về tiếng ồn và độ rung đến CBCNV làm việc trực tiếp và gián tiếp trong nhà máy như trang bị lớp cao su, lò xo giảm chấn cho máy móc thiết bị gây độ rung, thường xuyên bảo trì bảo dưỡng hệ thống, bố trí máy móc thiết bị trong dây chuyền hợp lý để tránh cộng hưởng tiếng ồn, và trang bị đầy đủ bảo hộ lao động cho công nhân làm việc ở những nơi phát sinh tiếng ồn cao.

5. PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG



CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

SMC luôn đặt mục tiêu phát triển bền vững làm trọng tâm cốt lõi trong toàn bộ định hướng hoạt động và xây dựng tổ chức, trong đó tập trung vào việc thực hiện thành công mục tiêu tăng trưởng vững chắc trong dài hạn, kết hợp với thực hiện các mục tiêu xã hội và môi trường, đảm bảo hài hòa lợi ích của các bên liên quan. Từ một doanh nghiệp thương mại thuần túy, SMC đã hướng mình sang hoạt động sản xuất, gia công chế biến,

một mặt vừa đảm bảo nâng cao hiệu quả kinh doanh phục vụ cho chiến lược phát triển ổn định bền vững của Công ty trong dài hạn, mặt khác vừa đa dạng hóa cơ cấu danh mục sản phẩm để đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của khách hàng và thị trường. Ba khía cạnh của phát triển bền vững là Kinh tế – Xã hội – Môi trường luôn được đảm bảo hài hòa và cân đối xuyên suốt trong các hoạt động quản trị doanh nghiệp và hoạt động SXKD của toàn hệ thống SMC.



TĂNG TRƯỞNG BỀN VỮNG – KIẾN TẠO GIÁ TRỊ

SMC tập trung phát triển cả chiều sâu và chiều rộng, như phát triển thị phần, nâng cao năng suất, đẩy mạnh hoạt động xuất khẩu, phát triển thị trường nước ngoài và nhất là đẩy mạnh tham gia sâu hơn, tích cực hơn, và hiệu quả hơn nữa trong lĩnh vực gia công chế biến thép để thực hiện tốt mục tiêu phát triển bền vững.

Với định hướng chiến lược tập trung vào giá trị cốt lõi là hoạt động SXKD thép, SMC đã khẳng định được vị thế của mình trên thương trường với những thành quả đáng ghi nhận: là doanh nghiệp thương mại có sản lượng tiêu thụ thép xây dựng lớn nhất Việt Nam và là doanh nghiệp thép có hệ thống Coil Center lớn nhất

Việt Nam. Đối mặt với không ít khó khăn và thử thách trong suốt chặng đường hình thành và phát triển đến nay, đặc biệt là sau cú sốc năm 2015, SMC vẫn tiếp tục đứng vững, kiên trì đối đầu với thử thách, duy trì HĐKD ổn định và ngày càng khẳng định mình trên thương trường. vững bước trên con đường phát triển bền vững mang lại lợi ích lâu dài cho cổ đông và đối tác.

Với trách nhiệm của một doanh nghiệp đối với sự phát triển của cộng đồng và xã hội, vì sự tin tưởng của cổ đông, khách hàng, đối tác, các cơ quan đoàn thể, CBCNV, chúng tôi sẽ quyết tâm tiếp tục thực hiện nghiêm túc các định hướng đúng đắn mà Công ty đã và đang thực hiện trong quãng đường hình thành và phát triển.



BỨT PHÁ THÀNH CÔNG

Sau giai đoạn xới đất và gieo trồng đầy vất vả, phần thưởng ngọt ngào tất sẽ đến vào mùa thu hoạch”

- Venerable Grand Master Hsing Yun -



1. CÔNG TY CON (7 CÔNG TY)

Công ty nắm giữ trên 50% vốn cổ phần / vốn góp của Công ty: Không có
 Công ty có trên 50% vốn cổ phần / vốn góp do Công ty nắm giữ gồm:



I. CÔNG TY TNHH THÉP SMC

Trụ sở chính	Đường IB – KCN Phú Mỹ I, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu
Vốn điều lệ	60 tỷ đồng
Tỷ lệ SMC sở hữu	100%
Hoạt động chính	Coil Center - Sản xuất, gia công xả băng, cắt tấm các loại thép tấm lá
Sản phẩm	Thép lá cán nguội, thép lá cán nóng đã tây gỉ, thép lá mạ điện, thép mạ kẽm, thép mạ màu, thép không gỉ, thép hình, lưới thép hàn, cốt thép...

Chỉ tiêu tài chính	Đơn vị	2015	2016	Tăng / Giảm %
Doanh thu thuần	Tỷ đồng	1.381,6	1.442,0	+4,4 %
Lợi nhuận gộp	Tỷ đồng	57,9	106,2	+83,4 %
Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	13,3	67,4	+406,8 %
Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	11,1	56,8	+411,7 %
Tổng tài sản	Tỷ đồng	387,1	606,8	+56,8 %
Nợ phải trả	Tỷ đồng	311,1	455,1	+46,3 %
Vốn chủ sở hữu	Tỷ đồng	76,0	151,7	+99,6 %
LNST / Doanh thu thuần	%	0,8	3,9	+3,1 %
LNST / Tổng tài sản (ROA)	%	2,9	9,4	+6,5 %
LNST / Vốn chủ sở hữu (ROE)	%	14,6	37,4	+22,8 %



2. CÔNG TY TNHH CƠ KHÍ THÉP SMC

Trụ sở chính	KCN Phú Mỹ I, thị trấn Phú Mỹ, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu
Vốn điều lệ	100 tỷ đồng
Tỷ lệ SMC sở hữu	100%
Hoạt động chính	Coil Center - Sản xuất, gia công, xử lý thép cuộn cán nóng
Sản phẩm	Thép tấm cán nóng, thép tấm cán nóng phi quy cách, thép lá mạ...

Chỉ tiêu tài chính	Đơn vị	2015	2016	Tăng / Giảm %
Doanh thu thuần	Tỷ đồng	1.825,6	2.131,5	+16,8 %
Lợi nhuận gộp	Tỷ đồng	-235,4	271,7	n/a
Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	-303,5	221,2	n/a
Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	-302,6	221,2	n/a
Tổng tài sản	Tỷ đồng	296,4	459,1	+54,9 %
Nợ phải trả	Tỷ đồng	516,7	458,1	-11,3 %
Vốn chủ sở hữu	Tỷ đồng	-220,3	0,9	n/a
LNST / Doanh thu thuần	%	-16,6	10,4	+27,0 %
LNST / Tổng tài sản (ROA)	%	-102,1	48,2	+150,3 %
LNST / Vốn chủ sở hữu (ROE)	%	n/a	24.577,8	n/a

1. CÔNG TY CON (7 CÔNG TY)



3. CÔNG TY TNHH MTV SMC BÌNH DƯƠNG

Trụ sở chính	Đường số 5, KCN Đồng An, P. Bình Hòa, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương
Vốn điều lệ	30 tỷ đồng
Tỷ lệ SMC sở hữu	100%
Hoạt động chính	Kinh doanh vật liệu xây dựng, phân phối thép cho thị trường Đông Nam Bộ
Sản phẩm	Bê tông cốt thép, sắt thép các loại, thép hình, thép dây, thép gân, thép tấm lá...

Chỉ tiêu tài chính	Đơn vị	2015	2016	Tăng / Giảm %
Doanh thu thuần	Tỷ đồng	980,8	845,0	-13,8 %
Lợi nhuận gộp	Tỷ đồng	25,3	18,8	-25,7 %
Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	0,6	0,1	-83,3 %
Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	0,4	-0,05	n/a
Tổng tài sản	Tỷ đồng	135,0	236,1	+74,9 %
Nợ phải trả	Tỷ đồng	103,4	206,1	+99,3 %
Vốn chủ sở hữu	Tỷ đồng	31,6	29,9	-5,4 %
LNST / Doanh thu thuần	%	0,04	-0,01	-0,05 %
LNST / Tổng tài sản (ROA)	%	0,3	-0,02	-0,32 %
LNST / Vốn chủ sở hữu (ROE)	%	1,3	-0,2	-1,5 %



4. CÔNG TY TNHH MTV KINH DOANH SMC

Trụ sở chính	124 Ung Văn Khiêm, Phường 25, Quận Bình Thạnh, TPHCM
Vốn điều lệ	20 tỷ đồng
Tỷ lệ SMC sở hữu	100%
Hoạt động chính	Kinh doanh vật liệu xây dựng, cung cấp thép cho thị trường khu vực Nam bộ bao gồm các tỉnh miền Tây và các khu vực lân cận TPHCM
Sản phẩm	Thép xây dựng các loại, xi măng, clinker...

Chỉ tiêu tài chính	Đơn vị	2015	2016	Tăng / Giảm %
Doanh thu thuần	Tỷ đồng	1.017,0	945,0	-7,1 %
Lợi nhuận gộp	Tỷ đồng	32,3	20,5	-36,5 %
Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	3,6	-9,5	n/a
Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	2,4	-10,9 (*)	n/a
Tổng tài sản	Tỷ đồng	212,3	393,2	+85,2 %
Nợ phải trả	Tỷ đồng	183,3	384,1	+109,5 %
Vốn chủ sở hữu	Tỷ đồng	29,0	9,1	-68,6 %
LNST / Doanh thu thuần	%	0,2	-1,2	-1,4 %
LNST / Tổng tài sản (ROA)	%	1,1	-2,8	-3,9%
LNST / Vốn chủ sở hữu (ROE)	%	8,3	-119,8	-128,1 %

(*) Do công ty thực hiện trích lập tối đa dự phòng nợ phải thu khó đòi ngắn và dài hạn trong năm 2016, với tổng giá trị dự phòng là 34,2 tỷ đồng, tăng thêm 16 tỷ so với năm 2015, dẫn đến KQKD năm 2016 lỗ so với năm trước.

1. CÔNG TY CON (7 CÔNG TY)



5. CÔNG TY CỔ PHẦN SMC HÀ NỘI

Trụ sở chính	Lô số 47, KCN Quang Minh, thị trấn Quang Minh, huyện Mê Linh, Hà Nội
Vốn điều lệ	21,28 tỷ đồng
Tỷ lệ SMC sở hữu	82,11%
Hoạt động chính	Coil Center – sản xuất gia công chế biến thép tấm lá, phân phối sắt thép các loại cho thị trường miền Bắc
Sản phẩm	Thép xây dựng, thép lá đen, thép lá mạ, inox...

Chỉ tiêu tài chính	Đơn vị	2015	2016	Tăng / Giảm %
Doanh thu thuần	Tỷ đồng	527,5	552,7	+4,8 %
Lợi nhuận gộp	Tỷ đồng	20,1	53,2	+164,7 %
Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	6,2	34,0	+448,4 %
Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	5,1	27,2	+433,3 %
Tổng tài sản	Tỷ đồng	153,3	230,6	+50,4 %
Nợ phải trả	Tỷ đồng	123,9	159,6	+28,8 %
Vốn chủ sở hữu	Tỷ đồng	29,5	71,1	+141,0 %
LNST / Doanh thu thuần	%	1,0	4,9	+3,9 %
LNST / Tổng tài sản (ROA)	%	3,3	11,8	+8,5 %
LNST / Vốn chủ sở hữu (ROE)	%	17,3	17,0	-0,3 %



6. CÔNG TY TNHH MTV SMC TÂN TẠO

Trụ sở chính	Lô 33, đường Trung Tâm, KCN Tân Tạo, P. Tân Tạo A, Q. Bình Tân, TPHCM
Vốn điều lệ	80 tỷ đồng
Tỷ lệ SMC sở hữu	100%
Hoạt động chính	Coil Center – sản xuất gia công chế biến thép tấm các loại, kho bãi lưu trữ hàng hóa
Sản phẩm	Thép tấm, thép cuộn cán nóng, thép cuộn cán nóng phi quy cách (secondary), thép cường độ chịu lực cao...

Chỉ tiêu tài chính	Đơn vị	2015	2016	Tăng / Giảm %
Doanh thu thuần	Tỷ đồng	1.382,7	1.750,0	+26,6 %
Lợi nhuận gộp	Tỷ đồng	34,6	77,8	+124,9 %
Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	1,1	40,8	+3.609,1 %
Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	0,9	32,4	+3.500,0%
Tổng tài sản	Tỷ đồng	424,2	588,8	+38,8 %
Nợ phải trả	Tỷ đồng	341,1	476,4	+39,7 %
Vốn chủ sở hữu	Tỷ đồng	83,1	112,4	+35,3 %
LNST / Doanh thu thuần	%	0,07	1,9	+1,8 %
LNST / Tổng tài sản (ROA)	%	0,2	5,5	+5,3 %
LNST / Vốn chủ sở hữu (ROE)	%	1,1	28,8	+27,7 %

1. CÔNG TY CON (7 CÔNG TY)



7. CÔNG TY TNHH MTV SMC HIỆP PHƯỚC

Trụ sở chính	Lô C5A, Khu C, KCN Hiệp Phước, huyện Nhà Bè, TPHCM
Vốn điều lệ	30 tỷ đồng
Tỷ lệ SMC sở hữu	100%
Hoạt động chính	Là cầu nối của SMC và hệ thống các cảng tại TPHCM, là hệ thống kho lưu trữ và tập trung cho thị trường TPHCM
Sản phẩm	Sắt thép các loại

Chỉ tiêu tài chính	Đơn vị	2015	2016	Tăng / Giảm %
Doanh thu thuần	Tỷ đồng	0,0	0,0	0,0 %
Lợi nhuận gộp	Tỷ đồng	0,0	0,0	0,0 %
Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	-0,6	-0,6	0,0 %
Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	-0,6	-0,6	0,0 %
Tổng tài sản	Tỷ đồng	27,3	26,6	-2,6 %
Nợ phải trả	Tỷ đồng	0,0	0,0	0,0 %
Vốn chủ sở hữu	Tỷ đồng	27,3	26,6	-2,6 %

2. CÔNG TY LIÊN DOANH, LIÊN KẾT (3 CÔNG TY)



I. CÔNG TY LIÊN DOANH SMC – SUMMIT

Trụ sở chính	Đường IB – KCN Phú Mỹ I, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu
Văn phòng đại diện	396 Ung Văn Khiêm, Phường 25, Quận Bình Thạnh, TPHCM
Vốn điều lệ	4.000.000 USD
Tỷ lệ SMC sở hữu	50%
Hoạt động chính	Kinh doanh phân phối các sản phẩm sắt thép đặc biệt, chất lượng cao
Sản phẩm	Thép coupler, thép dập uốn theo khuôn hình...

Chỉ tiêu tài chính	Đơn vị	2015	2016	Tăng / Giảm %
Doanh thu thuần	Tỷ đồng	1.179,5	951,1	-19,4 %
Lợi nhuận gộp	Tỷ đồng	30,1	39,4	+30,9 %
Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	7,2	15,2	+111,1 %
Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	6,2	13,8	+122,6 %
Tổng tài sản	Tỷ đồng	230,7	284,8	+23,5 %
Nợ phải trả	Tỷ đồng	131,8	172,2	+30,7 %
Vốn chủ sở hữu	Tỷ đồng	98,8	112,6	+14,0 %
LNST / Doanh thu thuần	%	0,5	1,5	+1,0 %
LNST / Tổng tài sản (ROA)	%	2,7	4,8	+2,1 %
LNST / Vốn chủ sở hữu (ROE)	%	6,3	12,3	+6,0 %

2. CÔNG TY LIÊN DOANH, LIÊN KẾT (3 CÔNG TY)



2. CÔNG TY TNHH LIÊN DOANH SMC – TOAMI

Trụ sở chính	Đường IB – KCN Phú Mỹ I, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu
Văn phòng đại diện	396 Ung Văn Khiêm, Phường 25, Quận Bình Thạnh, TPHCM
Vốn điều lệ	3.000.000 USD
Tỷ lệ SMC sở hữu	25%
Hoạt động chính	Sản xuất và gia công các sản phẩm Lưới thép hàn
Sản phẩm	Lưới thép hàn

Chỉ tiêu tài chính	Đơn vị	2015	2016	Tăng / Giảm %
Doanh thu thuần	Tỷ đồng	72,8	80,8	+11,0 %
Lợi nhuận gộp	Tỷ đồng	8,1	2,5	-69,1 %
Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	1,0	-9,8	n/a
Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	1,0	-9,8	n/a
Tổng tài sản	Tỷ đồng	72,0	129,8	+80,3 %
Nợ phải trả	Tỷ đồng	5,8	73,4	+1.165,5 %
Vốn chủ sở hữu	Tỷ đồng	66,2	56,4	-14,8 %
LNST / Doanh thu thuần	%	1,4	-12,1	-13,5 %
LNST / Tổng tài sản (ROA)	%	1,4	-7,6	-9,0 %
LNST / Vốn chủ sở hữu (ROE)	%	1,5	-17,4	-18,9 %



3. CÔNG TY TNHH LIÊN DOANH ỐNG THÉP SENDO

Trụ sở chính	Đường IB – KCN Phú Mỹ I, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu
Văn phòng đại diện	396 Ung Văn Khiêm, Phường 25, Quận Bình Thạnh, TPHCM
Vốn điều lệ	8.000.000 USD
Tỷ lệ SMC sở hữu	75%
Hoạt động chính	Sản xuất và gia công sản phẩm ống thép các loại
Sản phẩm	Ống thép các loại

Chỉ tiêu tài chính	Đơn vị	2015	2016	Tăng / Giảm %
Doanh thu thuần	Tỷ đồng	20,1	852,4	+4.140,7 %
Lợi nhuận gộp	Tỷ đồng	0,6	32,7	+5.350,0 %
Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	-2,8	11,6	n/a
Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	-2,8	11,6	n/a
Tổng tài sản	Tỷ đồng	157,4	496,2	+215,2 %
Nợ phải trả	Tỷ đồng	73,0	311,2	+326,3 %
Vốn chủ sở hữu	Tỷ đồng	84,4	185,0	+119,2 %
LNST / Doanh thu thuần	%	-13,9	1,4	+15,3 %
LNST / Tổng tài sản (ROA)	%	-1,8	2,3	+4,1 %
LNST / Vốn chủ sở hữu (ROE)	%	-3,3	6,3	+9,6 %





TẠO ĐÀ VƯỜN XA

“Quá khứ là kinh nghiệm, hiện tại là thực nghiệm, tương lai là của mình”

-J. Stalin-

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI SMC VÀ CÁC CÔNG TY CON

Báo cáo của Hội đồng Quản trị
Báo cáo kiểm toán về báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

1. Báo cáo của Hội đồng Quản trị	79
2. Báo cáo kiểm toán độc lập	82
3. Bảng cân đối kế toán hợp nhất	84
4. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	87
5. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	88
6. Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất	90

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại SMC (gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con (“Tập đoàn”) đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016.

I. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát Công ty đến ngày lập bảng báo cáo tài chính hợp nhất là:

Họ và tên	Chức vụ
Ông Nguyễn Ngọc Anh	Chủ tịch
Bà Nguyễn Thị Ngọc Loan	Phó chủ tịch
Bà Vũ Thị Thanh Hồng	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 23/4/2016)
Ông Ma Đức Tú	Thành viên
Ông Võ Hoàng Vũ	Thành viên
Ông Taira Yoshiyuki	Thành viên
Bà Hồ Thị Ngọc Tuyết	Trưởng ban Kiểm soát (Miễn nhiệm ngày 23/4/2016)
Ông Nguyễn Hữu Kinh Luân	Trưởng ban Kiểm soát (Bổ nhiệm ngày 23/4/2016)
Bà Trần Thụy Bích Hân	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 23/4/2016)
Ông Nguyễn Hữu Kinh Luân	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 23/4/2016)
Bà Đặng Thị Thu Trang	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 23/4/2016)
Bà Lê Thị Cẩm Tú	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 23/4/2016)

2. BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc điều hành Công ty đến ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này bao gồm::

Họ và tên	Chức vụ
Ông Nguyễn Ngọc Anh	Tổng Giám đốc
Bà Nguyễn Thị Ngọc Loan	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Bình Trọng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Văn Tiến	Phó Tổng Giám đốc
Ông Võ Hoàng Vũ	Phó Tổng Giám đốc
Bà Nguyễn Thị Kim Hồng Châu	Phó Tổng Giám đốc

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (tt)

3. CÁC ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC VÀ CÁC CÔNG TY CON

Tên Công ty	Địa chỉ
Công ty TNHH Thép SMC	Đường 1B, KCN Phú Mỹ 1, Bà Rịa - Vũng Tàu
Công ty TNHH MTV SMC Bình Dương	Đường số 5, KCN Đồng An, Thuận An, Bình Dương
Công ty TNHH MTV SMC Hiệp Phước	Lô C5A Khu C, KCN Hiệp Phước, Hồ Chí Minh
Công ty TNHH MTV Cơ Khí Thép SMC	KCN Phú Mỹ 1, Tân Thành, Bà Rịa - Vũng Tàu
Công ty TNHH MTV Kinh doanh Thép SMC	124 Ung Văn Khiêm, Bình Thạnh, Hồ Chí Minh
Công ty TNHH MTV SMC Tân Tạo	Lô 33, KCN Tân Tạo, Bình Tân, Hồ Chí Minh
Công ty CP SMC Hà Nội	Lô số 47, KCN Quang Minh, Mê Linh, Hà Nội
Công Ty TNHH Liên Doanh Ống Thép SENDO	Đường 1A, KCN Phú Mỹ 1, Huyện Tân Thành, Bà Rịa - Vũng Tàu
Công ty TNHH SMC - SUMMIT	KCN Phú Mỹ 1, Tân Thành, Bà Rịa - Vũng Tàu
Công Ty TNHH SMC TOAMI	Đường 1B, KCN Phú Mỹ 1, Huyện Tân Thành, Bà Rịa-Vũng Tàu

4. CÁC HOẠT ĐỘNG CHÍNH

Sản xuất, kinh doanh xuất nhập khẩu sắt thép, hàng kim khí, vật liệu xây dựng, hàng trang trí nội thất, thiết bị xây lắp, thiết bị cơ khí, khung kho nhà xưởng bằng cấu kiện nhôm, thép, inox;

Dịch vụ giao nhận, kho vận hàng hoá nội địa và xuất khẩu.

5. KẾT QUẢ CỦA NĂM TÀI CHÍNH

Tình hình tài chính của Tập đoàn vào ngày 31/12/2016 và kết quả hoạt động kinh doanh cũng như tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc vào cùng ngày được trình bày từ trang 06 đến trang 39.

6. TÀI SẢN LƯU ĐỘNG

Vào ngày lập báo cáo này, Hội đồng Quản trị Công ty nhận thấy rằng không có bất cứ trường hợp nào có thể làm cho sai lệch các giá trị về tài sản lưu động được nêu trong báo cáo tài chính hợp nhất.

7. CÁC KHOẢN NỢ BẤT NGỜ

Vào ngày lập báo cáo này, không có bất cứ một khoản nợ bất ngờ nào phát sinh đối với tài sản của Tập đoàn từ khi kết thúc thời kỳ tài chính.

8. KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Kiểm toán DFK Việt Nam được chỉ định kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

9. CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC CÔNG TY ĐỐI VỚI CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo các báo cáo tài chính hợp nhất cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình chuẩn bị các báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc Công ty cần phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong các báo cáo tài chính hợp nhất; và
- Lập các báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng họ đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập các báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016. Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Tập đoàn, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với hệ thống kế toán đã được đăng ký. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Tập đoàn và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

10. PHÊ DUYỆT CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng Quản trị Công ty phê duyệt bảng cân đối kế toán hợp nhất và báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cùng với bảng thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm đã được soạn thảo thể hiện trung thực và hợp lý về tình hình hoạt động của Tập đoàn cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016.

Vào ngày lập báo cáo này có đủ những chứng cứ hợp lý để tin rằng Tập đoàn có khả năng chi trả các khoản nợ khi đáo hạn.

Thay mặt Hội đồng Quản trị



Ông NGUYỄN NGỌC ANH

Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Ngày 03 tháng 3 năm 2017

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: QUÝ CỔ ĐÔNG - CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI SMC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại SMC (“Công ty”) và các công ty Con (“Tập đoàn”) được lập ngày 03 tháng 3 năm 2017, từ trang 06 đến trang 39, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31/12/2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc vào cùng ngày và Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập, trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập, trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập, trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

TRÁCH NHIỆM CỦA KIỂM TOÁN VIÊN

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hay nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét hệ thống kiểm soát nội bộ của Tập đoàn liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của hệ thống kiểm toán nội bộ của Nhóm Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán đã được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý KIẾN CỦA KIỂM TOÁN VIÊN

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại SMC và các công ty Con tại ngày 31/12/2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính từ kết thúc vào cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 03 tháng 3 năm 2017

Công ty TNHH Kiểm toán DFK Việt Nam

TỔNG GIÁM ĐỐC



NGUYỄN LƯƠNG NHÂN

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0182-2013-042-I

KIỂM TOÁN VIÊN

A blue ink signature of the auditor, written in a cursive style.

LÊ ĐÌNH HUYÊN

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1756-2013-042-I

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. Tài sản ngắn hạn	100		3.952.018.830.699	2.316.403.364.432
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.01	265.899.924.680	94.868.546.120
1. Tiền	111		156.853.964.530	79.868.546.120
2. Các khoản tương đương tiền	112		109.045.960.150	15.000.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		778.945.441.677	764.211.632.171
1. Chứng khoán kinh doanh	121	V.02	7.147.698.766	7.561.430.622
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122	V.02	(4.302.257.089)	(4.850.881.784)
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.03a	776.100.000.000	761.501.083.333
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		1.321.468.035.778	832.307.707.426
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.04a	1.089.440.430.482	773.839.996.237
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.05a	208.906.016.359	22.095.239.371
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	250.000.000
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.06a	28.376.781.713	39.865.300.761
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.07	(5.255.192.776)	(3.742.828.943)
IV. Hàng tồn kho	140	V.08	1.437.003.319.778	490.586.285.883
1. Hàng tồn kho	141		1.443.344.841.966	497.558.389.617
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(6.341.522.188)	(6.972.103.734)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		148.702.108.786	134.429.192.832
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.09a	1.070.327.267	838.375.042
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		100.955.815.123	51.281.817.341
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.20b	46.675.966.396	82.309.000.449
B. Tài sản dài hạn	200		698.700.750.272	710.566.401.003
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		5.012.813.390	6.226.065.443
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211	V.04b	100.880.598.980	81.712.108.843
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212	V.05b	475.214.245	475.214.245
3. Phải thu dài hạn khác	216	V.06b	5.177.715.477	5.129.187.707
4. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219	V.07	(101.520.715.312)	(81.090.445.352)
II. Tài sản cố định	220		476.473.758.968	437.580.975.565
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.10	409.359.940.906	362.131.197.926
- Nguyên giá	222		664.451.802.466	569.816.321.092
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(255.091.861.560)	(207.685.123.166)

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tt)

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN (tt)	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	V.11	27.878.026.146	35.647.248.447
- Nguyên giá	225		56.344.184.529	56.344.184.529
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		(28.466.158.383)	(20.696.936.082)
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.12	39.235.791.916	39.802.529.192
- Nguyên giá	228		41.438.979.341	41.438.979.341
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(2.203.187.425)	(1.636.450.149)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		26.443.187.732	55.415.542.439
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.13	26.443.187.732	55.415.542.439
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		99.090.639.790	117.137.641.840
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	V.14	70.393.593.790	65.963.096.840
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.15	70.221.110.869	82.470.767.544
3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	V.15	(46.524.064.869)	(48.296.222.544)
4. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	V.03b	5.000.000.000	17.000.000.000
VI. Tài sản dài hạn khác	260		91.680.350.392	94.206.175.716
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.09b	74.640.810.796	75.365.157.486
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	V.16	17.039.539.596	15.822.619.203
3. Lợi thế thương mại	269	V.17	-	3.018.399.027
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		4.650.719.580.971	3.026.969.765.435

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tt)

Ngày 31 tháng 12 năm 2016


Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C. Nợ phải trả	300		3.899.762.720.203	2.635.751.552.435
I. Nợ ngắn hạn	310		3.810.291.616.225	2.522.856.637.463
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.19	1.007.169.909.092	691.697.368.934
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.18	62.881.335.815	25.898.869.135
3. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	313	V.20a	30.361.603.523	9.749.365.296
4. Phải trả người lao động	314		15.188.533.664	1.851.603.530
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.21	13.638.585.637	8.032.571.546
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		42.533.288.000	3.225.360.840
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.22	15.110.478.277	451.949.362
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.23a	2.626.800.593.384	1.782.470.548.185
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		(3.392.711.167)	(520.999.365)
II. Nợ dài hạn	330		89.471.103.978	112.894.914.972
1. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		3.835.149.899	3.578.845.999
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.23b	85.635.954.079	109.316.068.973
D. Vốn chủ sở hữu	400		750.956.860.768	391.218.213.000
1. Vốn chủ sở hữu	410	V.24	750.956.860.768	391.218.213.000
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		295.183.610.000	295.183.610.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		295.183.610.000	295.183.610.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		153.531.767.160	153.531.767.160
3. Vốn khác của chủ sở hữu	414		5.373.000.000	5.373.000.000
4. Cổ phiếu quỹ	415		(142.489.800)	(142.489.800)
5. Quỹ đầu tư phát triển	418		97.827.815.909	95.651.669.506
6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		144.498.511.380	(184.729.259.122)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		(184.729.259.122)	11.324.780.476
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		329.227.770.502	(196.054.039.598)
7. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		54.684.646.938	26.349.915.256
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		4.650.719.580.971	3.026.969.765.435

Thuyết minh báo cáo tài chính đính kèm là một bộ phận không thể tách rời báo cáo tài chính hợp nhất



NGUYỄN THANH HÀ
Người lập biểu



ĐỖ DOÃN THÀNH CÔNG
Kế toán trưởng



NGUYỄN NGỌC ANH
Tổng Giám Đốc
Ngày 03 tháng 3 năm 2017

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1		9.446.841.233.709	10.050.481.223.199
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	2		5.889.078.904	4.007.276.714
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.01	9.440.952.154.805	10.046.473.946.485
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.02	8.716.645.064.132	9.901.801.120.748
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		724.307.090.673	144.672.825.737
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.03	64.640.430.280	52.788.072.734
7. Chi phí tài chính	22	VI.04	103.384.812.932	151.157.096.960
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		89.899.886.959	106.661.451.288
8. Phần lãi/(lỗ) trong công ty liên doanh, liên kết	24		4.430.496.950	3.729.926.101
9. Chi phí bán hàng	25	VI.05	177.751.901.261	156.357.963.280
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.06	119.856.620.326	102.371.602.940
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh / (lỗ)	30		392.384.683.384	(208.695.838.607)
12. Thu nhập khác	31	VI.07	11.775.448.113	24.731.105.059
13. Chi phí khác	32	VI.08	2.325.339.156	3.560.802.001
14. Lợi nhuận khác	40		9.450.108.957	21.170.303.058
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế / (lỗ)	50		401.834.792.341	(187.525.535.549)
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.09	34.579.128.179	9.314.827.549
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	VI.10	(1.216.920.393)	(1.004.773.980)
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp / (lỗ)	60		368.472.584.555	(195.835.589.118)
19. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	61		362.306.917.961	(196.054.039.598)
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		6.165.666.594	218.450.480
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu / (lỗ)	70	VI.11	12.254	(6.643)
22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu / (lỗ)		VI.12	9.300	(6.643)

Thuyết minh báo cáo tài chính đính kèm là một bộ phận không thể tách rời báo cáo tài chính hợp nhất

NGUYỄN THANH HÀ
Người lập biểu

ĐỖ DOÃN THÀNH CÔNG
Kế toán trưởng

NGUYỄN NGỌC ANH
Tổng Giám Đốc
Ngày 03 tháng 3 năm 2017

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (tt)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
I.Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1.Lợi nhuận trước thuế	01	401.834.792.341	(187.525.533.549)
2.Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	56.458.355.056	40.595.672.735
Các khoản dự phòng	03	18.991.269.877	24.399.584.989
(Lãi) lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	7.861.984.117	3.282.681.344
(Lãi) lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(61.595.230.495)	(71.568.420.721)
Chi phí lãi vay	06	89.899.886.959	106.661.451.288
3.Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	513.451.057.855	(84.154.565.914)
(Tăng) giảm các khoản phải thu	09	(547.660.665.864)	422.931.856.862
(Tăng) giảm hàng tồn kho	10	(945.786.452.349)	675.167.928.822
Tăng (giảm) các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	11	420.239.555.989	16.711.071.242
(Tăng) giảm chi phí trả trước	12	492.394.466	(3.165.323.818)
Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13	413.731.856	-
Tiền lãi vay đã trả	14	(88.348.002.300)	(108.880.723.292)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(10.956.628.588)	(7.462.922.833)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(1.391.358.875)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(659.546.367.810)	911.147.321.070
II.Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(67.060.753.508)	(226.658.566.663)
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	869.978.058	-
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(924.198.916.667)	(1.341.602.166.666)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	1.225.201.083.333	1.175.653.162.500
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(269.571.116.439)	(12.000.000.000)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (tt)

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	61.407.222.193	29.604.573.570
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	26.647.496.970	(375.002.997.259)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
Tiền thu từ đi vay	33	9.908.262.908.993	9.083.436.442.554
Tiền trả nợ gốc vay	34	(9.081.587.859.727)	(9.974.675.977.410)
Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35	(9.161.322.304)	(8.857.946.766)
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(14.755.821.500)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	802.757.905.462	(900.097.481.622)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	169.859.034.622	(363.953.157.811)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	94.868.546.120	458.542.581.066
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá quy đổi ngoại tệ	61	1.172.343.938	279.122.865
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	265.899.924.680	94.868.546.120

Thuyết minh báo cáo tài chính đính kèm là một bộ phận không thể tách rời báo cáo tài chính hợp nhất



NGUYỄN THANH HÀO
Người lập biểu



ĐỖ DOÃN THÀNH CÔNG
Kế toán trưởng



NGUYỄN NGỌC ANH
Tổng Giám Đốc
Ngày 03 tháng 3 năm 2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016
(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Bảng thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và được đọc cùng với các báo cáo tài chính hợp nhất được đính kèm.

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại SMC ("Công ty") hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103002772 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 18/10/2004 và đăng ký thay đổi đến lần thứ 11 theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0303522206 ngày 06/11/2012.

Cổ phiếu của Công ty đã được chính thức giao dịch tại Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh với mã cổ phiếu là SMC kể từ ngày 30 tháng 10 năm 2006 theo Giấy phép niêm yết số 62/UBCK-GPNY do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 29 tháng 9 năm 2006.

Hình thức sở hữu vốn: Vốn cổ phần.

Vốn điều lệ theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của Công ty là 295.183.610.000 đồng, được chia thành 29.518.361 cổ phần, mệnh giá mỗi cổ phần là 10.000 đồng, tất cả cổ phần của Công ty là cổ phần phổ thông.

Công ty có tên giao dịch quốc tế là: SMC Trading Investment Joint Stock Company. Tên viết tắt: SMC J.S.C.

Trụ sở chính đặt tại: 396 Ung Văn Khiêm, phường 25, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Sản xuất - Thương mại - Dịch vụ - Xây dựng.

3. Ngành nghề kinh doanh

Sản xuất kinh doanh xuất nhập khẩu sắt thép, hàng kim khí, vật liệu xây dựng, hàng trang trí nội thất, thiết bị xây lắp, thiết bị cơ khí, khung kho nhà xưởng bằng cấu kiện nhôm, thép, inox (không sản xuất tại trụ sở). Xây dựng, lắp đặt công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi. Sửa chữa nhà ở, trang trí nội thất. Lập dự án đầu tư xây dựng, Kinh doanh nhà. Mua bán hàng kim khí điện máy, thực phẩm. Dịch vụ giao nhận, kho vận hàng hoá nội địa và xuất khẩu.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường: 12 tháng

5. Cấu trúc Tập đoàn

- Tổng số các công ty con: 08 công ty; Tổng số các công ty liên kết: 02 công ty.
- Số lượng các Công ty con được hợp nhất: 08 Công ty.
- Số lượng các Công ty con không được hợp nhất: không có.

6. Danh sách công ty con và công ty liên doanh, liên kết

Chỉ tiêu	Địa chỉ	Lĩnh vực kinh doanh	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty TNHH Thép SMC	Đường 1B, KCN Phú Mỹ 1, Bà Rịa - Vũng Tàu	Sản xuất, thương mại, và dịch vụ	100.00%	100.00%
Công ty TNHH MTV SMC Bình Dương	Đường số 5, KCN Đồng An, Thuận An, Bình Dương	Sản xuất, thương mại, dịch vụ và xây dựng	100.00%	100.00%
Công ty TNHH MTV Cơ Khí Thép SMC	KCN Phú Mỹ 1, Tân Thành, Bà Rịa - Vũng Tàu	Sản xuất, thương mại, dịch vụ và xây dựng	100.00%	100.00%
Công ty TNHH MTV SMC Tân Tạo	Lô 33, KCN Tân Tạo, Bình Tân, Hồ Chí Minh	Thương mại, dịch vụ và xây dựng	100.00%	100.00%
Công ty TNHH MTV Kinh doanh Thép SMC	124 Ung Văn Khiêm, Bình Thạnh, Hồ Chí Minh	Thương mại, dịch vụ và xây dựng	100.00%	100.00%
Công ty CP SMC Hà Nội	Lô số 47, KCN Quang Minh, Mê Linh, Hà Nội	Sản xuất, thương mại và dịch vụ	88.07%	88.07%
Công Ty TNHH Liên Doanh Ống Thép SENDO	Đường 1A, KCN Phú Mỹ 1, Huyện Tân Thành, Bà Rịa - Vũng Tàu	Sản xuất, thương mại và dịch vụ	75.00%	75.00%
Công ty TNHH SMC - SUMMIT	KCN Phú Mỹ 1, Tân Thành, Bà Rịa - Vũng Tàu	Sản xuất, thương mại và dịch vụ	50.00%	50.00%
Công Ty TNHH SMC TOAMI	Đường 1B, KCN Phú Mỹ 1, Huyện Tân Thành, Bà Rịa- Vũng Tàu	Sản xuất, thương mại và dịch vụ	25.00%	25.00%

7. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính đều được đáp ứng

II. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Kỳ kế toán năm: bắt đầu từ ngày 01/01 kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tt)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

III. CHUẨN MỤC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng theo Hệ thống Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính.

Công ty đã lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất theo hướng dẫn tại Thông tư số 202/2014/TT/BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Các Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm được trình bày theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. IV. Các chính sách kế toán áp dụng

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Hợp nhất báo cáo tài chính

Các báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm các báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại SMC và các Công ty con ("Tập đoàn") cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016. Các báo cáo tài chính của các Công ty con đã được lập cho cùng thời kỳ tài chính với Công ty theo các chính sách kế toán thống nhất với các chính sách kế toán của Công ty. Các bút toán điều chỉnh đã được thực hiện đối với bất kỳ chính sách kế toán nào có điểm khác biệt nhằm đảm bảo tính thống nhất giữa các Công ty con và Công ty.

Tất cả các số dư và các giao dịch nội bộ, kể cả các khoản lãi chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ đã được loại trừ hoàn toàn. Các khoản lỗ chưa thực hiện được loại trừ trên báo cáo tài chính hợp nhất, trừ trường hợp không thể thu hồi chi phí.

Lợi ích của cổ đông thiểu số thể hiện phần lợi nhuận hoặc lỗ và tài sản thuần không nắm giữ bởi các cổ đông của Công ty và được trình bày ở mục riêng trên báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất và bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Công ty con được hợp nhất kể từ ngày Công ty nắm quyền kiểm soát và sẽ chấm dứt hợp nhất kể từ ngày Công ty không còn kiểm soát công ty con đó. Trong trường hợp Công ty không còn kiểm soát Công ty con thì các báo cáo tài chính hợp nhất sẽ bao gồm cả kết quả hoạt động kinh doanh của giai đoạn thuộc năm báo cáo mà trong giai đoạn đó Công ty vẫn còn nắm quyền kiểm soát.

Báo cáo tài chính của các Công ty con thuộc đối tượng hợp nhất kinh doanh dưới sự kiểm soát chung được bao gồm trong báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn theo phương pháp cộng giá trị sổ sách. Báo cáo tài chính của công ty con khác được hợp nhất vào báo cáo của Tập đoàn theo phương pháp mua, theo đó tài sản và nợ phải trả được ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh.

2. Đầu tư vào Công ty liên kết

Đầu tư vào Công ty liên kết được phản ánh theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Công ty liên kết là một đơn vị mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể và đơn vị đó không phải là một Công ty con hay một liên doanh.

Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, đầu tư vào Công ty liên kết được phản ánh trong bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc cộng với giá trị thay đổi trong tài sản thuần của Công ty liên kết tương ứng với tỷ lệ vốn mà Tập đoàn nắm giữ. Lợi thế thương mại phát sinh từ việc đầu tư vào công ty liên kết được bao gồm trong giá trị sổ sách của khoản đầu tư và được phân bổ trong thời gian 10 năm.

Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất phản ánh phần kết quả hoạt động của Công ty liên kết tương ứng với tỷ lệ vốn mà Tập đoàn nắm giữ. Khi có các khoản được ghi trực tiếp vào các tài khoản thuộc vốn chủ sở hữu của Công ty liên kết, Tập đoàn ghi nhận phần tỉ lệ của mình, khi thích hợp, vào các tài khoản thuộc nguồn vốn sở hữu tương ứng của Tập đoàn. Lãi hoặc lỗ chưa thực hiện từ các giao dịch giữa Tập đoàn với Công ty liên kết sẽ được loại trừ tương ứng với phần lợi ích trong Công ty liên kết.

Các báo cáo tài chính của Công ty liên kết được lập cùng năm tài chính với Công ty. Khi cần thiết, các điều chỉnh sẽ được thực hiện để đảm bảo các chính sách kế toán được áp dụng nhất quán với chính sách kế toán của Công ty.

3. Hợp nhất kinh doanh và lợi thế thương mại

Hợp nhất kinh doanh được hạch toán theo phương pháp giá mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm giá trị hợp lý vào ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do bên mua phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản đã mua, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh đều ghi nhận theo giá trị hợp lý vào ngày hợp nhất kinh doanh.

Lợi thế thương mại phát sinh từ hợp nhất kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, là phần chênh lệch giữa giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần sở hữu của bên mua trong giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận. Nếu giá phí hợp nhất kinh doanh nhỏ hơn phần sở hữu của bên mua trong giá trị hợp lý thuần của tài sản trong công ty con được mua thì chênh lệch này được ghi nhận trực tiếp vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Sau ghi nhận ban đầu, lợi thế thương mại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu ích được ước tính là tối đa không quá mười năm.

4. Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

Công ty có nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ phải thực hiện ghi sổ kế toán và lập Báo cáo tài chính theo một đơn vị tiền tệ thống nhất là Đồng Việt Nam. Việc quy đổi đồng ngoại tệ ra đồng Việt Nam được thực hiện như sau:

Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ phát sinh trong kỳ:

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi mua bán ngoại tệ là tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa công ty và ngân hàng thương mại;
- Trường hợp hợp đồng không quy định tỷ giá thanh toán thì công ty ghi sổ kế toán theo nguyên tắc:
 - + Tỷ giá giao dịch thực tế khi góp vốn hoặc nhận vốn góp: Là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi công ty mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn;
 - + Tỷ giá giao dịch thực tế khi ghi nhận nợ phải thu: Là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh;
 - + Tỷ giá giao dịch thực tế khi ghi nhận nợ phải trả: Là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
 - + Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả), tỷ giá giao dịch thực tế là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính:

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản: Là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi công ty thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tt)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: Là tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại tại thời điểm lập Báo cáo tài chính;

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ được kết chuyển vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính.

5. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và có kỳ hạn dưới ba tháng, vàng các loại không được sử dụng như hàng tồn kho, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

6. Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác cùng với dự phòng được lập cho các khoản nợ phải thu khó đòi.

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu.

Phải thu của khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán;

Phải thu khác gồm các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán.

Các khoản phải thu có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán không quá 1 năm được phân loại là tài sản ngắn hạn.

Các khoản phải thu có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm và các khoản phải thu đã được trích lập dự phòng 100% được phân loại là tài sản dài hạn.

Dự phòng phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại thời điểm lập bảng cân đối kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được phản ánh vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ.

7. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

- Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho:

+ Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

+ Giá trị thuần có thể thực hiện được: Là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ (-) chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

- Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho: bình quân gia quyền.

- Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho: được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị có thể xảy ra đối với vật tư, thành phẩm, hàng hoá tồn kho thuộc quyền sở hữu của doanh nghiệp dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị vào thời điểm lập bảng cân đối kế toán. Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được kết chuyển vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

8. Nguyên tắc ghi nhận và các khấu hao TSCĐ

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến. Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được vốn hóa và chi phí bảo trì, sửa chữa được tính vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Khi tài sản được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý tài sản đều được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ.

Phần mềm máy vi tính và phần mềm kế toán

Phần mềm máy tính và phần mềm kế toán là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng.

Khấu hao tài sản cố định

Khấu hao tài sản cố định được tính theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản. Tỷ lệ khấu hao áp dụng theo tỷ lệ quy định tại Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài Chính.

Nhà cửa, vật kiến trúc	04 - 20 năm
Máy móc thiết bị	03 - 12 năm
Phương tiện vận tải	03 - 10 năm
Dụng cụ quản lý	03 - 08 năm
Phần mềm	03 - 20 năm

Hợp đồng thuê tài chính

Thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu theo hợp đồng thuê tài sản bên cho thuê chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản cho bên đi thuê. Tất cả các thuê tài sản khác được phân loại là thuê hoạt động.

Tài sản theo hợp đồng thuê tài chính được vốn hoá trên bảng cân đối kế toán tại thời điểm khởi đầu thuê tài sản theo giá trị hợp lý của tài sản thuê hoặc, nếu thấp hơn, theo giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu. Khoản tiền gốc trong các khoản thanh toán tiền thuê trong tương lai theo hợp đồng thuê tài chính được hạch toán như khoản nợ phải trả. Khoản tiền lãi trong các khoản thanh toán tiền thuê được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ trong suốt thời gian thuê tài sản nhằm phản ánh tỷ lệ lãi suất bình ổn phát sinh trên số dư còn lại của khoản nợ thuê tài chính phải trả.

Tài sản thuê tài chính đã được vốn hoá được trích khấu hao theo phương pháp khấu hao đường thẳng theo thời gian sử dụng ước tính hoặc theo thời hạn thuê tài sản, nếu có cam kết là bên thuê sẽ không được chuyển giao quyền sở hữu tài sản khi hết hạn hợp đồng thuê.

Máy móc thiết bị và Phương tiện vận tải 06 - 08 năm

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tt)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

9. Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

Đầu tư tài chính khác

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác và các khoản đầu tư khác được ghi nhận theo chi phí mua thực tế. Dự phòng được lập cho việc giảm giá của các khoản đầu tư có thể chuyển nhượng được trên thị trường vào ngày lập bảng cân đối kế toán.

Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư tài chính

Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư tài chính được lập cho từng loại chứng khoán khi giá thị trường thấp hơn giá trị sổ sách

- Đối với chứng khoán niêm yết: giá chứng khoán thực tế trên thị trường được tính theo giá thực tế trên các Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) là giá giao dịch bình quân tại ngày trích dự phòng; Sở giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh (HOSE) là giá đóng cửa tại ngày trích lập dự phòng.

- Đối với các chứng khoán chưa niêm yết: giá chứng khoán thực tế trên thị trường được xác định như sau:

+ Đối với các công ty đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UP-Com) thì giá chứng khoán thực tế trên thị trường được xác định là giá giao dịch bình quân trên hệ thống tại ngày lập dự phòng.

+ Đối với các công ty chưa đăng ký giao dịch ở thị trường giao dịch của các công ty đại chúng thì giá chứng khoán thực tế trên thị trường được xác định là giá trung bình trên cơ sở giá giao dịch được cung cấp tối thiểu bởi ba (03) công ty chứng khoán tại thời điểm lập dự phòng.

- Đối với chứng khoán niêm yết bị hủy giao dịch, ngừng giao dịch kể từ ngày giao dịch thứ 6 trở đi là giá trị sổ sách tại ngày lập Bảng cân đối kế toán gần nhất.

Trường hợp không thể xác định được giá trị thị trường của chứng khoán, thì khoản đầu tư không được trích lập dự phòng giảm giá chứng khoán.

Đối với khoản đầu tư tài chính dài hạn: dự phòng được trích lập khi công ty nhận đầu tư đang bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư).

10. Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Chi phí trả trước để phản ánh các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động SXKD của nhiều kỳ kế toán và việc kết chuyển các khoản chi phí này vào chi phí SXKD của các kỳ kế toán sau.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh:

- Chi phí công cụ, dụng cụ xuất dùng có giá trị lớn;
- Chi phí sửa chữa, bảo hiểm;
- Chi phí khác chờ phân bổ.

11. Nguyên tắc kế toán nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả:

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hoá dịch vụ;

- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản phải trả có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán không quá 1 năm được phân loại là nợ ngắn hạn

Các khoản phải trả có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm được phân loại là nợ dài hạn

12. Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính

Các khoản vay được ghi nhận ban đầu theo giá gốc không bao gồm các chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến khoản vay. Công ty trình bày chi tiết các khoản vay và nợ thuê tài chính theo kỳ hạn phải trả, các khoản vay và nợ có thời gian trả nợ dưới 12 tháng kể từ thời điểm lập báo cáo tài chính được trình bày vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn, trường hợp ngược lại thì trình bày vay và nợ thuê tài chính dài hạn.

13. Lương, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp

Tiền lương được tính toán và trích lập đưa vào chi phí trong kỳ dựa theo quy chế lương và hợp đồng lao động. Theo đó, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp cũng được trích lập với tỷ lệ là 26%, 4,5% và 2% tương ứng tiền lương của người lao động. Tỷ lệ 22% sẽ được đưa vào chi phí bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp trong kỳ; và 10,5% sẽ được trích từ lương của người lao động.

14. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty.

Chi phí đi vay được hạch toán vào chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm phát sinh, trừ các khoản chi phí lãi vay được vốn hóa theo quy định của Chuẩn mực kế toán "Chi phí đi vay".

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể được vốn hóa vào nguyên giá tài sản khi đáp ứng đủ các điều kiện vốn hóa. Việc vốn hóa chi phí đi vay sẽ được tạm ngưng lại trong các giai đoạn mà quá trình đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang bị gián đoạn, trừ khi sự gián đoạn đó là cần thiết. Việc vốn hóa chi phí đi vay sẽ chấm dứt khi các hoạt động chủ yếu cần thiết cho việc chuẩn bị đưa tài sản dở dang vào sử dụng hoặc bán đã hoàn thành.

15. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã thanh toán hoặc nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

16. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp ban đầu của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu phát hành lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế số cổ phiếu do Công ty phát hành sau đó mua lại được trừ vào vốn chủ sở hữu của Công ty. Công ty không ghi nhận các khoản lãi/(lỗ) khi mua, bán, phát hành các công cụ vốn chủ sở hữu của mình.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tt)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế được chia cho các cổ đông sau khi được các cổ đông thông qua tại Đại hội Cổ đông Thường niên và sau khi trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty và các quy định pháp luật Việt Nam.

17. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia của công ty được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Doanh thu từ tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận trên cơ sở: Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ; Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi cổ đông được quyền nhận cổ tức hoặc các bên tham gia góp vốn được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

Thu nhập khác: bao gồm các khoản thu từ các hoạt động xảy ra không thường xuyên, ngoài các hoạt động tạo ra doanh thu.

18. Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Phản ánh trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ.

19. Nguyên tắc kế toán chi phí tài chính

Phản ánh những khoản chi phí hoạt động tài chính bao gồm các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến chi phí đi vay vốn, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

20. Nguyên tắc kế toán chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng

Phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí chào hàng, chi phí vận chuyển, chi phí thuê kho, chi phí nhân viên, chi phí hoa hồng môi giới,...

Chi phí quản lý doanh nghiệp

Phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp; bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuế môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài; chi phí bằng tiền khác.

21. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Công ty cổ phần Đầu tư Thương mại SMC và các Công ty con ("Tập đoàn") có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20% trên thu nhập chịu thuế. Thu nhập chịu thuế được tính dựa trên kết quả hoạt động trong năm và điều chỉnh cho các khoản chi phí không được khấu trừ và các khoản lỗ do các năm trước mang sang (nếu có). Tập đoàn được hưởng ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp như sau:

- Công ty TNHH MTV Cơ Khí SMC được hưởng thuế suất 15% trong 12 năm kể từ khi Dự án "Nhà máy Cơ khí - Thép SMC" bắt đầu hoạt động kinh doanh, được miễn thuế 3 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế và giảm 50% cho 7 năm tiếp theo. Năm 2016 là năm tài chính thứ tư Công ty được giảm thuế thu nhập doanh nghiệp.
- Công ty TNHH Thép SMC được hưởng thuế suất 15% trong 12 năm kể từ khi Dự án "Đầu tư mở rộng Nhà máy sản xuất, gia công các sản phẩm thép" bắt đầu hoạt động kinh doanh. Năm 2016 là năm tài chính thứ mười Công ty được hưởng thuế suất 15% đối với hoạt động gia công.
- Công ty Cổ phần SMC Hà Nội được hưởng thuế suất 15% trong 12 năm kể từ khi Dự án "Đầu tư xây dựng nhà máy chế biến, đóng gói thủy sản, kho vận và gia công thép lá cuộn" bắt đầu hoạt động kinh doanh, được miễn 3 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế, và giảm 50% trong 7 năm tiếp theo. Năm 2016 là năm tài chính thứ sáu Công ty được giảm 50% thuế thu nhập doanh nghiệp. Tiền thuế đất được miễn 11 năm kể từ khi Dự án đi vào hoạt động.

Ngoài thuế thu nhập doanh nghiệp, Tập đoàn có nghĩa vụ nộp các khoản thuế khác theo các quy định về thuế hiện hành. Khoản thuế phải nộp thể hiện trên sổ sách kế toán là số liệu do Tập đoàn ước tính. Số thuế phải nộp cụ thể sẽ được ghi nhận theo kiểm tra quyết toán thuế của cơ quan thuế.

Thuế hiện hành

Tài sản thuế và thuế phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng giá trị dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, sử dụng các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày lập Bảng cân đối kế toán.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày lập Bảng cân đối kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích báo cáo tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tt)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này.

22. Bên liên quan

Một bên được xem là có liên quan đến Công ty nếu có khả năng kiểm soát Công ty hay có ảnh hưởng đáng kể tới các hoạt động cũng như tài chính của Công ty. Các giao dịch chủ yếu giữa Công ty và các bên liên quan, nếu có, sẽ được trình bày trong các báo cáo tài chính.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

I. Tiền và các khoản tương đương tiền		Năm nay	Năm trước
Tiền mặt		2.522.859.770	3.576.694.837
Tiền gửi ngân hàng	(1.1)	154.331.104.760	76.291.851.283
Các khoản tương đương tiền	(1.2)	109.045.960.150	15.000.000.000
Cộng		265.899.924.680	94.868.546.120

(1.1) Trong đó, bao gồm tiền gửi ngân hàng có gốc ngoại tệ là 1.628.677,35 USD tương đương 36.990.904.348 đồng.

(1.2) Tiền gửi có kỳ hạn không quá 3 tháng tại Ngân hàng, lãi suất 5% - 5,4%/năm.

2. Chứng khoán kinh doanh và dự phòng chứng khoán kinh doanh	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
Chứng khoán kinh doanh	7.147.698.766	2.845.441.677	(4.302.257.089)	7.561.430.622	2.710.548.838	(4.850.881.784)

Bao gồm:

	Số lượng cổ phiếu	Đơn giá tồn	Giá trị đầu tư	Giá trị dự phòng	Giá trị thuần
Chứng khoán đã niêm yết					
CTCP Thép Pomina	158.210	22.371	3.539.306.866	(2.257.805.866)	1.281.501.000
CTCP Đại lý Hàng Hải VN (*)	11.200	37.543	420.483.700	(160.643.700)	259.840.000
Chứng khoán giao dịch trên sàn Upcom					
CTCP Inlaco Sài Gòn	55.000	33.273	1.830.000.000	(1.703.500.000)	126.500.000
CTCP Bao Bì Sài Gòn	70.000	10.357	725.000.000	-	725.000.000
Chứng khoán chưa niêm yết					
CTCP Tư vấn xây dựng tổng hợp	29.714	21.300	632.908.200	(180.307.523)	452.600.677
Cộng			7.147.698.766	(4.302.257.089)	2.845.441.677

(*) Trong năm 2016, Công ty đã nhận được cổ tức được chia từ các công ty này bằng tiền là 30.240.000 đồng.

3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
a) Ngắn hạn				
Tiền gửi có kỳ hạn còn lại dưới 12 tháng (lãi suất 6,2% - 10,25%/năm)	776.100.000.000	776.100.000.000	761.501.083.333	761.501.083.000
b) Dài hạn				
Tiền gửi có kỳ hạn còn lại trên 12 tháng	-	-	17.000.000.000	17.000.000.000
Trái phiếu nắm giữ kỳ hạn 10 năm, lãi lãnh hàng năm	5.000.000.000	5.000.000.000	-	-
Cộng dài hạn	5.000.000.000	5.000.000.000	17.000.000.000	17.000.000.000

4. Phải thu của khách hàng

	Số cuối năm	Số đầu năm
a) Ngắn hạn		
- Seasons Avenue	6.000.000.000	23.111.421.267
- Công ty TNHH Xây dựng Trung Quốc (Đông Nam Á)	48.325.130.535	35.497.642.910
- Siam Commercial Metal Company Limited	13.712.683.843	-
- Công ty TNHH Đầu Tư Xây Dựng Thương Mại Phú Việt	16.226.049.752	-
- Metalworld Trading Pte Ltd	61.746.389.779	67.777.494.696
- Công ty TNHH KIRBY Đông Nam Á	14.467.151.753	7.053.940.097
- Công ty Cổ phần ClearWater Metal Việt Nam	31.158.230.840	14.065.754.020
- Công ty Cổ phần Kết cấu Thép ATAD	11.754.272.891	8.294.528.105
- Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại An Tâm	39.487.922.854	4.950.176.958
- Công ty TNHH Xây dựng An Phong	47.381.658.838	14.674.928.422
- Công ty TNHH TM DV Xuất Nhập Khẩu Nguyễn Anh	42.872.797.440	-
- Công ty TNHH SX TM Và Xuất Nhập Khẩu Đức Khánh	32.666.895.591	-
- Phải thu các bên liên quan		
+ Công ty TNHH SMC - SUMMIT	8.829.635.336	14.282.049.729
+ Công ty TNHH SMC TOAMI	34.485.886.250	3.533.143.632
- Các khách hàng khác	680.325.724.780	580.598.916.401
Cộng Ngắn hạn (*)	1.089.440.430.482	773.839.996.237
b) Dài hạn		
- Công ty TNHH Đầu tư Thương mại SPC	6.367.855.501	6.367.855.501
- Công ty TNHH Kim Long Tấn	11.108.125.525	11.628.125.525
- Công ty Cổ phần Hữu Liên Á Châu	17.035.286.577	17.824.286.577
- Công ty Cổ phần Bê tông Không Gian	8.891.559.997	8.891.559.997
- Công ty Cổ phần Địa ốc Dầu Khí	11.273.973.263	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tt)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

4. Phải thu của khách hàng (tt)	Số cuối năm	Số đầu năm
- Các khách hàng khác	46.203.798.117	37.000.281.243
Cộng Dài hạn (*)	100.880.598.980	81.712.108.843

(*) Trong đó, các khoản phải thu khách hàng bằng ngoại tệ là 5.160.467,25 USD tương đương 117.178.992.585 đồng.

5. Trả trước cho người bán	Số cuối năm	Số đầu năm
a) Ngắn hạn		
- Công Ty TNHH MTV Thép Hòa Phát	111.911.923.178	-
- Công ty TNHH MTV Thép Đại Thiên Lộc	29.890.256.568	-
- Công Ty TNHH Gang Thép Hưng Nghiệp Formosa Hà Tĩnh	21.117.635.165	-
- Công ty TNHH SMC - SUMMIT - Bên liên quan	-	2.795.036.731
- Trả trước cho các đối tượng khác	45.986.201.448	19.300.202.640
Cộng Ngắn hạn (*)	208.906.016.359	22.095.239.371
b) Dài hạn		
- Công ty Cổ phần Đầu tư Tam Anh	402.620.981	402.620.981
- Trả trước cho các đối tượng khác	72.593.264	72.593.264
Cộng Dài hạn (*)	475.214.245	475.214.245

(*) Trong đó, các khoản trả trước cho người bán bằng ngoại tệ là 810.650,92 USD tương đương 18.081.396.846 đồng.

6. Phải thu khác	Số cuối năm	Số đầu năm
a) Ngắn hạn		
- Phải thu lãi từ tiền gửi, ký quỹ, lãi cho vay	15.823.161.968	23.967.376.556
- Phải thu từ các bên liên quan	-	118.100.000
- Phải thu liên quan đến chiết khấu thương mại được hưởng	-	6.178.003.114
- Phải thu liên quan đến tiền thuế đất được miễn giảm	536.353.325	-
- Phải thu UBND TPHCM liên quan đến tiền lãi vay được hỗ trợ	448.379.116	-
- Các khoản tạm ứng	1.213.940.509	5.105.804.561
- Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	10.028.857.358	4.189.153.630
- Phải thu khác	326.089.387	306.862.900
Cộng Ngắn hạn	28.376.781.713	39.865.300.761
a) Dài hạn		
- Khoản ký quỹ tại Công ty TNHH Cho thuê Tài chính Quốc tế Việt Nam cho hợp đồng thuê tài chính (*)	4.648.813.390	4.624.285.620
- Lãi chậm thanh toán	164.902.087	164.902.087
- Khoản ký quỹ thuê xe, ký quỹ khác	364.000.000	340.000.000
Cộng Dài hạn	5.177.715.477	5.129.187.707

(*) Trong đó, bao gồm khoản ký quỹ dài hạn có gốc ngoại tệ là 144.281,00 USD tương đương 3.276.621.510 đồng

7.Nợ xấu					
		Số cuối năm		Số đầu năm	
		Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Các khoản phải thu quá hạn từ 6 tháng đến 1 năm	Các đối tượng khác	-	-	2.167.210.225	-
Các khoản phải thu quá hạn thanh toán từ 1-2 năm	Công ty CP Đầu tư Xây dựng Trung Nam	8.720.876.982	-	-	-
	Các đối tượng khác	157.049.726	-	1.377.242.778	-
Công nợ phải thu quá hạn từ 2 đến 3 năm	Các đối tượng khác	1.177.242.778	-	-	-
Công nợ phải thu quá hạn trên 3 năm	Công ty TNHH ĐT TM SPC	6.367.855.501	-	6.367.855.501	-
	Công ty TNHH Ngôi Sao Lam Sơn	3.563.518.010	-	3.563.518.010	-
	Công ty CP Xây dựng Gia Trần	3.140.414.858	-	3.140.414.858	-
	Công ty TNHH Kim Long Tấn	11.108.125.525	-	11.628.125.525	-
	Công ty CP Hữu Liên Á Châu	17.035.286.577	-	17.824.286.577	-
	Công ty Cổ phần Bé tông Không Gian	8.891.559.997	-	8.891.559.997	-
	Công ty CP Tập đoàn Khang Thông	4.109.701.278	-	5.209.704.278	-
	Các đối tượng khác	22.846.169.540	-	24.492.414.770	-
Các khoản trả trước người bán quá hạn trên 3 năm	Các đối tượng khác	475.214.245	-	475.214.245	-
Các khoản phải thu dự phòng (100%)	Công ty TNHH XD Number One	4.841.709.230	-	-	-
	Công ty CP Địa ốc Dầu Khí	11.273.973.263	-	-	-
	Công ty TNHH MTV TM Thủy Thành Phát	3.900.000.000	-	-	-
	Các đối tượng khác	3.967.184.287	-	-	-
Cộng		111.575.884.797	-	85.830.122.385	-

Biến động dự phòng phải thu khó đòi:	Năm nay	Năm trước
Số dư đầu năm	(84.833.274.295)	(54.511.324.201)
Trích lập dự phòng	(26.766.784.576)	(41.978.264.718)
Hoàn nhập dự phòng (do thu hồi)	4.824.150.783	4.902.157.748
Giảm (do xóa nợ)	-	6.754.156.876
Số dư cuối năm	(106.775.908.088)	(84.833.274.295)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tt)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

8. Hàng tồn kho	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng đang đi trên đường	25.978.220.999	-	-	-
Nguyên liệu, vật liệu	650.788.348.532	(1.934.766.347)	232.896.295.543	(2.135.738.620)
Công cụ, dụng cụ	581.565.339	-	1.740.346.636	-
Thành phẩm	107.648.282.230	(2.703.806.332)	107.121.398.980	(4.134.266.218)
Hàng hóa	658.348.424.866	(1.702.949.509)	155.800.348.458	(702.098.896)
Cộng	1.443.344.841.966	(6.341.522.188)	497.558.389.617	(6.972.103.734)

Biến động dự phòng giảm giá hàng tồn kho	Năm nay
Số dư đầu năm	(6.972.103.734)
Trích lập dự phòng	(5.246.580.632)
Hoàn nhập dự phòng	5.877.162.178
Số dư cuối năm	(6.341.522.188)

9. Chi phí trả trước	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngắn hạn	Số cuối năm	Số đầu năm
- Chi phí bảo hiểm chờ phân bổ	176.130.053	181.515.915
- Chi phí công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	579.074.608	496.278.244
- Chi phí mở L/C chờ phân bổ	71.213.516	100.205.915
- Chi phí chờ phân bổ khác	243.909.090	60.374.968
Cộng	1.070.327.267	838.375.042

Dài hạn	Số cuối năm	Số đầu năm
- Chi phí thuê đất trả trước chờ phân bổ (*)	68.567.843.938	70.531.740.912
- Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ	2.571.204.164	1.124.432.718
- Phí hạ tầng Khu Công nghiệp trả trước	1.759.894.590	1.811.015.728
- Chi phí thành lập chờ phân bổ	899.192.309	1.387.677.353
- Chi phí sửa chữa chờ phân bổ	449.103.149	-
- Chi phí triển khai dự án nhà xưởng chờ phân bổ đến năm 2017	236.212.888	472.425.775
- Chi phí chờ phân bổ khác	157.359.758	37.864.000
Cộng	74.640.810.796	75.365.157.486

9. Chi phí trả trước (tt)	Số cuối năm	Số đầu năm
(*) Bao gồm	Số cuối năm	Số đầu năm
- Chi phí thuê đất tại Khu công nghiệp Đồng An, Thuận An, Bình Dương đến tháng 11 năm 2046	1.727.374.850	1.787.629.404
- Chi phí thuê đất tại Lô 33 - đường Trung Tâm, Khu công nghiệp Tân Tạo mở rộng, Bình Tân, Tp. Hồ Chí Minh đến ngày 16/8/2050	48.113.359.566	49.528.458.377
- Chi phí thuê đất tại Khu công nghiệp Hiệp Phước, Nhà Bè, Tp. Hồ Chí Minh đến 29/12/2048	15.394.206.372	15.875.275.320
- Chi phí thuê đất tại Khu Công nghiệp Phú Mỹ I, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu đến 07/5/2018	3.059.408.996	3.059.408.996
- Chi phí đền bù tại lô đất số 47, Khu công nghiệp Quang Minh, Mê Linh, Vĩnh Phúc (nay là thành phố Hà Nội) đến tháng 7/2052	273.494.154	280.969.815
Cộng	68.567.843.938	70.531.741.912

10. Tài sản cố định hữu hình	Nhà cửa Vật kiến trúc	Máy móc Thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị quản lý và tài sản khác	Cộng
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	250.507.489.035	228.742.713.857	71.555.896.052	19.010.222.148	569.816.321.092
Tăng	4.245.970.814	82.026.619.131	9.551.694.961	208.823.309	96.033.108.215
Giảm	-	842.908.659	554.718.182	-	1.397.626.841
Số dư cuối năm	254.753.459.849	309.926.424.329	80.552.872.831	19.219.045.457	664.451.802.466
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	61.871.504.451	87.881.313.232	41.746.091.467	16.186.214.016	207.685.123.166
Tăng	13.241.499.032	26.321.467.745	7.716.236.606	843.192.096	48.122.395.479
Giảm	-	207.174.230	508.482.855	-	715.657.085
Số dư cuối năm	75.113.003.483	113.995.606.747	48.953.845.218	17.029.406.112	255.091.861.560
Giá trị còn lại					
Tại ngày đầu năm	188.635.984.584	140.861.400.625	29.809.804.585	2.824.008.132	362.131.197.926
Tại ngày cuối năm	179.640.456.366	195.930.817.582	31.599.027.613	2.189.639.345	409.359.940.906

Tài sản cố định tăng trong năm do mua sắm mới và xây dựng hoàn thành, giảm do nhượng bán và góp vốn.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 56.823.015.925 đồng.

Tại ngày 31/12/2016, tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại là 159.047.704.207 đồng được thế chấp tại các ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Tập đoàn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tt)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

I I. Tài sản cố định thuê tài chính	Máy móc Thiết bị	Phương tiện vận tải	Số đầu năm
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	52.037.031.929	4.307.152.600	56.344.184.529
Tăng	-	-	-
Giảm	-	-	-
Số dư cuối năm	52.037.031.929	4.307.152.600	56.344.184.529
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	19.919.255.751	777.680.331	20.696.936.082
Tăng	7.051.363.534	717.858.767	7.769.222.301
Giảm	-	-	-
Số dư cuối năm	26.970.619.285	1.495.539.098	28.466.158.383
Giá trị còn lại			
Tại ngày đầu năm	32.117.776.178	3.529.472.269	35.647.248.447
Tại ngày cuối năm	25.066.412.644	2.811.613.502	27.878.026.146

12. Tài sản cố định vô hình	Quyền sử dụng đất	Phần mềm vi tính	Cộng
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	33.607.900.000	7.831.079.341	41.438.979.341
Tăng	-	-	-
Giảm	-	-	-
Số dư cuối năm (*)	33.607.900.000	7.831.079.341	41.438.979.341
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	-	1.636.450.149	1.636.450.149
Tăng	-	566.737.276	566.737.276
Giảm	-	-	-
Số dư cuối năm	-	2.203.187.425	2.203.187.425
Giá trị còn lại			
Tại ngày đầu năm	33.607.900.000	6.194.629.192	39.802.529.192
Tại ngày cuối năm	33.607.900.000	5.627.891.916	39.235.791.916

(*) Quyền sử dụng đất vô thời hạn tại 396 Ung Văn Khiêm, phường 25, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh. Quyền sử dụng đất đang được sử dụng để thế chấp tại các ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Tập đoàn.

13. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	Số cuối năm	Số đầu năm
- Mua sắm tài sản cố định	25.793.331.072	50.041.340.047
- Trạm biến thế 5000KVA và đường dây trung thế 22KV	-	4.590.872.995
- Hệ thống cầu trục 10 tấn	-	57.223.460
- Xây dựng hệ thống công trình phụ (Ép cọc sần, chống lún sứt sần)	-	394.105.937
- Chi phí xây dựng nhà xưởng tạm mạ	290.000.000	-
- Chi phí xây dựng cơ bản dở dang khác	359.856.660	332.000.000
Cộng	26.443.187.732	55.415.542.439

14. Đầu tư vào công ty liên doanh liên kết	Số cuối năm	Số đầu năm
Đầu tư vào công ty liên doanh liên kết (*)	70.393.593.790	65.963.096.840

(*) Bao gồm	Giá trị đầu tư	Phần lãi (lỗ) thuộc sở hữu của Tập đoàn tại Công ty LK, LD	Cộng
Các công ty chưa niêm yết			
Công ty TNHH SMC – Summit	14.658.082.700	14.658.082.700	56.298.082.700
Công ty TNHH SMC Toami	(1.838.988.910)	(1.838.988.910)	14.095.511.090
Cộng	12.819.093.790	12.819.093.790	70.393.593.790

15. Đầu tư góp vốn dài hạn khác và dự phòng	Số cuối năm		Số đầu năm	
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	70.221.110.869	23.697.046.000 (46.524.064.869)	82.470.767.544	34.174.545.000 (48.296.222.544)
Cộng	70.221.110.869	23.697.046.000 (46.524.064.869)	82.470.767.544	34.174.545.000 (48.296.222.544)

Chi tiết các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Số lượng CP	Mệnh giá	Đơn giá mua	Giá trị đầu tư	Giá trị dự phòng
Chứng khoán đã niêm yết					
CTCP Thép Pomina	1.430.000	10.000	23.496	33.599.960.344	(22.016.960.344)
Chứng khoán giao dịch trên sàn Upcom					
CTCP Thép Vicasa (*)	451.070	10.000	24.454	11.030.322.412	(6.925.585.412)
CTCP Thép Nhà Bè	93.700	10.000	15.911	1.490.828.113	(781.519.113)
TCT Thép Việt Nam	1.000.000	10.000	10.100	10.100.000.000	(2.800.000.000)
CTCP Thép tấm lá Thống Nhất	1.400.000	10.000	10.000	14.000.000.000	(14.000.000.000)
Cộng				70.221.110.869	(46.524.064.869)

(*) Trong năm 2016, Công ty đã nhận được cổ tức được chia từ công ty này bằng tiền là 680.505.000 đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tt)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

16. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	Số cuối năm	Số đầu năm
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại phát sinh từ chênh lệch tạm thời được khấu trừ như sau:		
- Chi phí dự phòng phải thu khó đòi	14.543.855.196	13.300.278.313
- Chi phí dự phòng giảm giá đầu tư tài chính	36.061.505	61.079.812
- Khoản lỗ tính thuế chưa sử dụng	627.403.277	762.651.209
- Chi phí khấu hao	1.384.059.993	989.280.067
- Chênh lệch do đánh giá lại tài sản góp vốn tại công ty liên kết Toami chưa ghi nhận thu nhập	767.029.980	715.769.200
- Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	(318.870.355)	(6.439.398)
Cộng	17.039.539.596	15.822.619.203

17. Lợi thế thương mại	Số cuối năm	Số đầu năm
Lợi thế thương mại (*)	-	3.018.399.027

(*) Giá trị còn lại của lợi thế thương mại phát sinh từ việc đầu tư vào Công ty Cổ phần SMC Hà Nội chờ phân bổ.

18. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	Số cuối năm	Số đầu năm
- Công ty TNHH Thành Lợi	35.000.000.000	-
- Công ty TNHH SMC TOAMI - bên liên quan	-	11.431.875.300
- Các đối tượng khác	27.881.335.815	14.466.993.835
Cộng	62.881.335.816	25.898.869.135

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
- Công ty TNHH TM & SX Thép Việt	356.929.902.361	356.929.902.361	145.201.859.480	145.201.859.480
- Công ty TNHH Thép Vina Kyoer	167.399.465.228	167.399.465.228	235.691.308.607	235.691.308.607
- Công ty CP SX Thép Việt Đức	52.870.939.966	52.870.939.966	20.815.618.010	20.815.618.010
- Win Faith Trading Limited	31.385.864.392	31.385.864.392	78.059.090.932	78.059.090.932
- Công ty TNHH TM VT Phương Thịnh	92.671.421.910	92.671.421.910	-	-
- Bright Ruby Resources Pte Limited	-	-	44.374.769.156	44.374.769.156
- Công ty CP China Steel Sumikin VN	-	-	38.998.561.625	38.998.561.625
- Phải trả các bên liên quan				
+ Công ty TNHH SMC TOAMI	65.842.326	65.842.326	401.596.746	401.596.746
+ Công ty TNHH SMC Summit	84.645.158.015	84.645.158.015	9.163.972.568	9.163.972.568
- Phải trả người bán khác	221.201.314.894	221.201.314.894	118.990.601.810	118.990.601.810
Cộng (*)	1.007.169.909.092	1.007.169.909.092	691.697.368.934	691.697.368.934

(*) Trong đó, các khoản phải trả người bán có gốc ngoại tệ là 4.187.383,50 USD tương đương 95.388.596.130 đồng.

20. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm	Số phải nộp (hoàn) trong năm	Số đã thực nộp (nhận) trong năm	Số cuối năm
a) Phải nộp				
Thuế GTGT	4.069.382.020	302.879.734.458	306.193.077.716	756.038.762
Thuế TNDN	4.896.067.762	34.579.128.179	10.956.628.588	28.518.567.353
Thuế TNCN	361.047.065	2.879.264.120	2.153.313.777	1.086.997.408
Thuế nhập khẩu	-	84.391.969.147	84.391.969.147	-
Các loại thuế khác	422.969.449	777.790.992	1.200.659.441	-
Cộng	9.749.365.296	425.507.886.896	404.895.648.669	30.361.603.523
b) Phải thu				
Thuế TNDN nộp dư	(1.587.185.479)	(4.499.856)	(4.499.856)	(1.587.185.479)
Thuế GTGT đề nghị hoàn	(79.886.009.602)	(44.563.088.386)	(79.362.421.117)	(45.086.676.871)
Thuế TNCN nộp dư	(100.285.991)	5.593.455	(94.692.536)	-
Thuế nhập khẩu nộp dư	(735.519.377)	(807.070.612)	(1.540.485.943)	(2.104.046)
Cộng	(82.309.000.449)	(45.369.065.399)	(81.002.099.452)	(46.675.966.396)

21. Chi phí phải trả

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Lãi vay còn phải trả	3.540.452.179	1.988.567.520
- Chênh lệch chi phí vốn tăng thêm phải trả do vay VND với lãi suất USD	6.518.121.966	4.931.935.723
- Chi phí còn phải trả khác	3.580.011.492	1.112.068.303
Cộng	13.638.585.637	8.032.571.546

22. Phải trả ngắn hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Kinh phí công đoàn	308.243.577	317.862.382
- Bảo hiểm bắt buộc phải nộp	2.403.025	158.625
- Cổ tức còn phải trả	14.755.821.500	118.491.048
- Các khoản phải trả khác	44.010.175	15.437.307
Cộng	15.110.478.277	451.949.362

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tt)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

23. Vay và nợ thuê tài chính						
Ngắn hạn	Số đầu năm		Trong năm		Số cuối năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vietcombank	299.887.108.112	299.887.108.112	1.489.356.552.261	1.491.404.754.594	297.838.914.779	297.838.914.779
Vietinbank	1.433.275.246.093	1.433.275.246.093	8.391.062.849.869	7.538.839.840.576	2.285.498.255.386	2.285.498.255.386
Vay cá nhân	5.350.000.000	5.350.000.000	7.930.000.000	11.545.000.000	1.735.000.000	1.735.000.000
Nợ dài hạn đến hạn phải trả	43.958.193.980	43.958.193.980	-	-	41.728.423.219	41.728.423.219
Cộng (a)	1.782.470.548.185	1.782.470.548.185	9.888.349.402.130	9.041.789.586.170	2.626.800.593.384	2.626.800.593.384
Dài hạn						
Vay ngân hàng						
Shinhan VN	10.548.720.000	10.548.720.000	-	3.168.000.000	7.380.720.000	7.380.720.000
VID Public	33.240.188.800	33.240.188.800	20.904.059.928	6.418.446.557	47.725.802.171	47.725.802.171
Indovina bank	7.952.112.000	7.952.112.000	2.111.949.000	4.033.827.000	6.030.234.000	6.030.234.000
Vietinbank	82.390.000.000	82.390.000.000	-	26.178.000.000	56.212.000.000	56.212.000.000
Nợ dài hạn đến hạn phải trả	(34.753.816.340)	(34.753.816.340)	-	-	(33.969.271.800)	(33.969.271.800)
Cộng	99.377.204.460	99.377.204.460	23.016.008.928	39.798.273.557	83.379.484.371	83.379.484.371

Nợ thuê tài chính	Năm nay			Năm trước		
	Nợ thuê tài chính còn phải trả tại ngày 01/01/2016	Lãi thuê tài chính đã trả trong kỳ	Nợ thuê tài chính đã trả trong kỳ	Nợ thuê tài chính còn phải trả tại ngày 01/01/2016	Lãi thuê tài chính đã trả trong kỳ	Nợ thuê tài chính đã trả trong kỳ
Từ 1 năm trở xuống	9.204.377.640	-	8.857.946.765	7.759.151.419	935.132.306	9.161.322.304
Trên 1 năm đến 5 năm	9.938.864.513	1.460.754.740	-	2.256.469.708	-	-
Nợ dài hạn đến hạn trả	(9.204.377.640)	-	-	(7.759.151.419)	-	-
Cộng	9.938.864.513	1.460.754.740	8.857.946.765	2.256.469.708	935.132.306	9.161.322.304
Cộng vay và nợ dài hạn (b)	109.316.068.973			85.635.954.079		

(a) Ngắn hạn:

- Khoản vay Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh theo hợp đồng tín dụng số 0104/KH/13NH ngày 26/4/2013, các hợp đồng sửa đổi bổ sung ngày 06/10/2016 với tổng hạn mức là 300 tỷ đồng; thời hạn vay theo từng giấy nhận nợ nhưng tối đa 06 tháng; lãi suất vay tại ngày 31/12/2016 là 5%/năm. Khoản

vay này được đảm bảo bằng tài sản là tài sản cố định thuộc sở hữu của Công ty TNHH Thép SMC với tổng giá trị đảm bảo là 35.973.778.422 đồng. Số dư nợ vay đến ngày 31/12/2016 là **297.838.914.779 đồng**.

- Khoản vay **Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam** theo 10 hợp đồng tín dụng với tổng hạn mức là 2.739 tỷ đồng; thời hạn vay: từ 02 - 06 tháng; lãi suất vay tại ngày 31/12/2016: đối với VNĐ là 5%/năm, USD là từ 1,94% đến 2,3%/năm. Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay; quyền sử dụng đất và công trình trên đất tại số 396 Ung Văn Khiêm, phường 25, quận Bình Thạnh, Tp. HCM; Bất động sản của bên thứ 3. Số dư nợ vay đến ngày 31/12/2016 là **2.285.498.255.386 đồng**, bao gồm: 1.903.729.018.337 đồng và 16.757.871,53 USD tương đương 381.769.237.049 đồng.

- Các khoản vay cá nhân có thời hạn vay 01 năm, lãi suất huy động 6%/năm, tiền lãi được trả hàng tháng vào ngày 25 của tháng.

(b) Dài hạn:

- Khoản vay **Ngân hàng TNHH MTV SHINHAN (Việt Nam)** theo hợp đồng tín dụng số SHBVN/2013/SMC/HDTD01 ngày 05/4/2013 với tổng hạn mức là 3,645,000.00 USD; mục đích vay: mua dây chuyền máy móc thiết bị sản xuất thép; thời hạn vay: 05 năm; lãi suất vay tại ngày 31/12/2016: 3,75%/năm. Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay. Số dư nợ vay đến ngày 31/12/2016 là **324.000.00 USD** tương đương 7.380.720.000 đồng. Trong đó, khoản nợ vay dài hạn đến hạn trả là 144,000.00 USD tương đương 3.280.320.000 đồng.

- Khoản vay **Ngân hàng VID Public Chi nhánh TP.HCM** theo 05 hợp đồng tín dụng với tổng hạn mức là 2.699.705,00 USD; mục đích vay: mua dây chuyền máy móc thiết bị sản xuất ống thép; thời hạn vay: 05 năm; lãi suất vay tại ngày 31/12/2016: 2,75%/năm. Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay. Số dư nợ vay đến ngày 31/12/2016 là **2.094.868,95 USD** tương đương 47.725.802.171 đồng. Trong đó, khoản nợ vay dài hạn đến hạn trả là 487.692,00 USD tương đương 11.110.873.800 đồng.

- Vay từ **Ngân hàng TNHH Indovina** theo hợp đồng vay vốn số 81/1014/MTL/1031615 ngày 17/10/2014, với số tiền vay là 441.000,00 USD, với thời hạn vay là 60 tháng; mục đích vay mua máy xả băng SL-1300-032 và lãi suất vay tại 31/12/2016 là 2,6%/năm. Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ nguồn vốn vay theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 81/1014/HDTTCMM với giá trị ước tính là 519.000,00 USD. Số dư nợ đến ngày 31/12/2016 là **264.600,00 USD** tương đương 6.030.234.000 đồng. Trong đó, nợ dài hạn đến hạn trả là 88.200,00 USD tương đương 2.010.078.000 đồng.

- Khoản vay **Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam** theo các hợp đồng sau:

+ Khoản vay **Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - CN Đông Sài Gòn** theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 22/2013-HĐTDDA/NHCT946-SMC TAN TAO ngày 11/9/2013 và văn bản sửa đổi, bổ sung Hợp đồng tín dụng số 22/2013-HĐTĐ-SĐBS01/NHCT946-SMC TAN TAO với hạn mức tín dụng 82 tỷ đồng; Mục đích: đầu tư xây dựng dự án Trung tâm gia công thép tấm tại KCN Tân Tạo; thời hạn vay: 78 tháng; lãi suất vay tại ngày 31/12/2016 là 10,5%/năm. Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay. Số dư nợ vay đến ngày 31/12/2016 là **47.500.000.000 đồng**, trong đó phần ngắn hạn của khoản nợ vay dài hạn đến hạn trả là 14.400.000.000 đồng.

+ Khoản vay dài hạn từ **Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh** theo Hợp đồng số 12.146001/HĐTĐ.DH ngày 12/12/2012 và văn bản sửa đổi, bổ sung Hợp đồng tín dụng số 12.146011-02/HĐTĐBS ngày 01/11/2014 với số tiền vay tối đa 20 tỷ đồng. Mục đích sử dụng là thực hiện dự án đầu tư hạng mục xây dựng Trung tâm gia công thép lá cuộn tại Lô số 47, Khu công nghiệp Quang Minh, Thị trấn Quang Minh, Huyện Mê Linh, Thành phố Hà Nội. Thời hạn vay là 78 tháng, thời gian ân hạn là 6 tháng, lãi suất cho vay tại 31/12/2016 là 9,5%/năm. Tài sản đảm bảo cho khoản vay này là toàn bộ tài sản gắn liền với đất và quyền phát sinh liên quan đến quyền thuê đất tại Lô số 47, Khu công nghiệp Quang Minh, Thị trấn Quang Minh, Huyện Mê Linh, Thành phố Hà Nội theo Hợp đồng thế chấp tài sản gắn liền với đất số 12.146001/HĐTĐC.HTTTL ngày 12/12/2012 với giá trị

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tt)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

tài sản là 34.294.000.000 đồng. Lịch trả nợ hàng quý bắt đầu từ 01/7/2013 với số tiền trả nợ là 792 triệu đồng/quý. Số dư nợ vay dài hạn đến ngày 31/12/2016 là **8.712.000.000 đồng**, trong đó bao gồm phần ngắn hạn của khoản nợ vay dài hạn là 3.168.000.000 đồng.

- Nợ thuê tài chính theo các hợp đồng thuê tài chính với Công ty TNHH Cho thuê Tài chính Quốc tế Việt Nam như sau:

	31/12/2016	
	USD	Tương đương VND
+ Hợp đồng số 2011-00090-000 ngày 21/10/2011	114.892,21	2.617.244.544
+ Hợp đồng số 2011-00105-000 ngày 04/11/2011	99.410,27	2.264.565.951
+ Hợp đồng số 2012-00101-000 ngày 29/11/2012	134.805,11	3.072.208.457
+ Hợp đồng số 2014-00116-000 ngày 23/7/2014	-	1.199.576.469
+ Hợp đồng số 2014-00117-000 ngày 23/7/2014	-	862.025.706
Cộng (*)	349.107,59	10.015.621.127

(*) Trong đó, phần nợ dài hạn đến hạn trả là 7.759.151.419 đồng, bao gồm 1.033.538.764 đồng và 295.206,48 USD tương đương 6.725.612.655 đồng.

24. Vốn chủ sở hữu

(a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	01/01/2015	Tăng	Giảm	31/12/2015
Vốn góp của chủ sở hữu	295.183.610.000	-	-	295.183.610.000
Thặng dư vốn Cổ phần	153.531.767.160	-	-	153.531.767.160
Vốn khác của chủ sở hữu	5.373.000.000	-	-	5.373.000.000
Cổ phiếu quỹ	(142.489.800)	-	-	(142.489.800)
Quỹ đầu tư phát triển	78.999.423.263	16.652.246.243	-	95.651.669.506
Quỹ dự phòng tài chính	16.652.246.243	-	16.652.246.243	-
LNST chưa phân phối	12.916.732.729	(196.054.039.598)	1.591.952.253	(184.729.259.122)
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	4.417.957.565	21.931.957.691	-	26.349.915.256
Cộng	566.932.247.160	(157.469.835.664)	18.244.198.496	391.218.213.000

	01/01/2016	Tăng	Giảm	31/12/2016
Vốn góp của chủ sở hữu	295.183.610.000	-	-	295.183.610.000
Thặng dư vốn Cổ phần	153.531.767.160	-	-	153.531.767.160
Vốn khác của chủ sở hữu	5.373.000.000	-	-	5.373.000.000
Cổ phiếu quỹ	(142.489.800)	-	-	(142.489.800)
Quỹ đầu tư phát triển	95.651.669.506	2.176.145.584	-	97.827.815.090
LNST chưa phân phối	(184.729.259.122)	362.306.917.961	33.079.147.459	144.498.511.380
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	26.349.915.256	28.334.731.682	-	54.684.646.938
Cộng	391.218.213.000	392.817.795.227	33.079.147.459	750.956.860.768

(b) Vốn điều lệ theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là 295.183.610.000 đồng tương đương 29.518.361 Cổ phần, mệnh giá là 10.000 đồng/Cổ phần.

Cổ phiếu	31/12/2016	01/01/2016
Số lượng cổ phiếu được phép phát hành	29.518.361	29.518.361
Số lượng cổ phiếu đã được phát hành và góp vốn	29.518.361	29.518.361
- Cổ phiếu thường	29.518.361	29.518.361
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu mua lại	(6.718)	(6.718)
- Cổ phiếu thường	(6.718)	(6.718)
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	29.511.643	29.511.643
- Cổ phiếu thường	29.511.643	29.511.643
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

(c) Tính đến 31/12/2016, Công ty đã mua lại 6.718 Cổ phần với giá mua 21.210 đồng/cổ phần làm cổ phiếu quỹ.

(d) Lợi nhuận chưa phân phối:

Lợi nhuận chưa phân phối đầu năm (01/01/2016)	(184.729.259.122)
- Lợi nhuận phát sinh trong năm 2016	362.306.917.961
- Chia cổ tức năm 2016	(29.511.643.000)
- Chi thù lao HĐQT & Ban Kiểm soát	(721.508.903)
- Trích Quỹ khen thưởng phúc lợi từ Đơn vị thành viên	(669.849.972)
- Trích Quỹ đầu tư phát triển từ Đơn vị thành viên	(2.176.145.584)
Lợi nhuận chưa phân phối cuối năm (31/12/2016)	144.498.511.380

(e) Lợi ích cổ đông không kiểm soát

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	Số cuối năm	Số đầu năm
CTCP SMC Hà Nội	8.481.518.165	5.275.488.483
Công ty TNHH Liên doanh ống thép SENDO	46.203.128.773	21.074.426.776
Cộng	54.684.646.938	26.349.915.256

25. Các khoản mục ngoài Bảng Cân đối kế toán	Số cuối năm	Số đầu năm
- Ngoại tệ các loại – USD	1.628.677,35	975.798,13
- Nợ khó đòi đã xử lý	7.095.763.147	7.095.763.147

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tt)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

I. Doanh thu thuần	Năm nay	Năm trước
Doanh thu bán hàng hóa và thành phẩm	9.372.836.005.305	10.016.971.635.427
Doanh thu cung cấp dịch vụ	38.623.850.158	29.379.353.927
Doanh thu công trình, bán BĐS	35.381.378.246	4.130.233.845
Cộng doanh thu	9.446.841.233.709	10.050.481.223.199
Các khoản giảm trừ doanh thu:		
- Hàng bán bị trả lại	(1.967.086.325)	(2.881.107.175)
- Chiết khấu thương mại	(3.670.870.482)	-
- Giảm giá hàng bán	(251.122.097)	(1.126.169.539)
Cộng doanh thu thuần	9.440.952.154.805	10.046.473.946.485

2. Giá vốn hàng bán	Năm nay	Năm trước
Giá vốn hàng hóa, thành phẩm và dịch vụ	8.683.760.113.471	9.903.508.666.345
Giá vốn thi công công trình	32.254.369.115	5.337.138.576
Chi phí dự phòng giảm giá hàng tồn kho	630.581.546	(7.044.684.173)
Cộng	8.716.645.064.132	9.901.801.120.748

3. Doanh thu hoạt động tài chính	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi ngân hàng	61.251.721.102	49.797.244.925
Lãi ký quỹ, lãi cho vay	155.501.091	1.837.000.045
Lãi chênh lệch tỷ giá	807.543.186	2.474.427
Chiết khấu thanh toán nhận được	59.159.632	656.772.897
Cổ tức, lợi nhuận được chia	872.826.830	494.580.440
Lãi bán chứng khoán	1.341.626.800	-
Doanh thu tài chính khác	152.051.639	-
Cộng	64.640.430.280	52.788.072.734

4. Chi phí tài chính	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay, lãi thuê tài chính	89.899.886.959	106.661.451.288
Chi phí vốn tăng thêm phát sinh từ vay bằng VND tham chiếu lãi suất USD	1.941.057.981	13.410.067.135
Chi phí dự phòng đầu tư tài chính	(2.317.311.511)	27.377.511
Lỗ bán chứng khoán	3.501.083.531	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá	10.360.095.972	30.995.109.380
Chi phí tài chính khác	-	63.091.646
Cộng	103.384.812.932	151.157.096.960

5. Chi phí bán hàng	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên	23.840.129.347	19.245.382.510
Chi phí công cụ, dụng cụ	307.616.009	115.507.545
Chi phí khấu hao TSCĐ	3.834.143.732	3.692.492.175
Chi phí dịch vụ mua ngoài		
- Chi phí vận chuyển	137.697.497.355	117.952.097.152
- Chi phí khác	5.756.825.440	4.639.402.889
Chi phí khác bằng tiền		
- Chi phí hoa hồng bán hàng	2.063.309.004	6.875.217.922
- Phí thuê kho, công tác phí	4.252.380.374	3.837.863.087
Cộng	177.751.901.261	156.357.963.280

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên quản lý	47.359.239.927	23.666.036.018
Chi phí vật liệu quản lý, dụng cụ văn phòng	831.621.763	520.925.436
Chi phí khấu hao TSCĐ	10.730.350.308	9.305.549.003
Thuế, phí và lệ phí	313.827.486	275.634.264
Chi phí dự phòng phải thu khó đòi	21.942.633.793	37.076.106.970
Chi phí dịch vụ mua ngoài		

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tt)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp (tt)	Năm nay	Năm trước
- Phí ngân hàng	1.011.747.024	1.229.402.720
- Phí thanh toán LC	2.552.354.365	4.285.447.934
- Phí bảo trì thuê văn phòng, bảo lãnh thanh toán, tiền điện, bảo vệ	11.571.578.683	14.538.612.569
- Chi phí khác	7.916.698.952	2.794.983.230
Phân bổ chi phí lợi thế thương mại	3.018.399.027	1.121.955.297
Chi phí khác bằng tiền		
- Công tác phí	416.984.256	674.149.082
- Chi phí tiếp khách, hội nghị khách hàng	530.762.921	1.728.043.886
- Chi phí văn phòng phẩm, xăng xe...	11.660.421.821	5.154.456.531
Cộng	119.856.620.326	102.371.602.940

7. Thu nhập khác	Năm nay	Năm trước
Thu nhập từ nhượng bán tài sản cố định	188.008.302	189.919.210
Thu nhập từ bán phế liệu	-	3.290.439.743
Thu nhập do đánh giá lại tài sản đi góp vốn	795.299.111	12.327.136.218
Thu từ nhận bồi thường	3.604.990.089	1.823.964.973
Thu nhập do được hỗ trợ phí	1.665.861.499	3.695.189.854
Thu nhập từ xử lý công nợ	463.217.550	780.000.000
Xử lý hàng hoá thừa kiểm kê	-	119.162.042
Thu tiền điện chi hộ SMC Toami	656.670.940	1.033.097.260
Thu lãi quá hạn	-	814.836.492
Thu nhập từ việc được hoàn thuế nhập khẩu	3.963.696.784	-
Thu nhập khác	437.703.838	657.359.267
Cộng	11.775.448.113	24.731.105.059

8. Chi phí khác	Năm nay	Năm trước
Lỗ từ nhượng bán tài sản cố định	-	42.979.690
Chi phí chế tạo vật tư	-	324.486.129
Chi phí phạt	868.146.869	1.499.483.518
Chi tiền điện chi hộ SMC Toami	656.670.940	1.033.097.260
Chi phí khác	800.521.347	660.755.404
Cộng	2.325.339.156	3.560.802.001

9. Chi phí thuế TNDN hiện hành	Năm nay	Năm trước
Chi phí thuế TNDN hiện hành phát sinh tại các công ty:		
- Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại SMC	7.240.264.185	3.275.472.162
- Công ty TNHH Thép SMC	10.610.436.287	2.234.277.355
- Công ty TNHH MTV Kinh doanh Thép SMC	1.426.362.714	2.045.962.211
- Công ty TNHH MTV SMC Tân Tạo	8.427.638.315	258.356.704
- Công ty Cổ phần SMC Hà Nội	6.874.426.678	1.500.759.117
Chi phí thuế TNDN hiện hành	34.579.128.179	9.314.827.549

10. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	Năm nay	Năm trước
Chi phí (thu nhập) thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế (được khấu trừ) như sau:		
- Hoàn nhập (chi phí) dự phòng phải thu khó đòi	(1.243.576.883)	(5.454.049.524)
- Hoàn nhập (chi phí) dự phòng giảm giá đầu tư tài chính	25.018.307	761.450.912
- Chi phí dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	1.558.787.310
- Lỗ tính thuế chưa sử dụng	135.247.932	3.621.515.180
- Chi phí khấu hao	(605.100.528)	(764.953.970)
- Chênh lệch đánh giá lại tài sản góp vốn	159.059.822	(715.769.200)
- Lãi chênh lệch tỷ giá	312.430.957	(11.754.687)
Cộng	(1.216.920.393)	(1.004.773.980)

11. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	368.472.584.555	(195.835.589.118)
Trong đó:		
- Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	6.165.666.594	218.450.480
- Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của Công ty mẹ	362.306.917.961	(196.054.039.598)
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	(669.849.972)	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty mẹ	361.637.067.989	(196.054.039.598)
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	29.511.643	29.511.643
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	12.254	(6.643)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tt)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

12. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	Năm nay	Năm trước
- Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông	361.637.067.989	(196.054.039.598)
Lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông sau khi đã điều chỉnh các yếu tố suy giảm	361.637.067.989	(196.054.039.598)
- Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	29.511.643	29.511.643
- Số lượng cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm	12.500.000	-
Bình quân giá quyền của số cổ phiếu phổ thông đã điều chỉnh các yếu tố suy giảm	38.886.643	29.511.643
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	9.300	(6.643)

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

I. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Theo Quyết định Hội đồng Quản trị số 55/NQ-HĐQT ngày 22/2/2017, Công ty triển khai phương án chào bán cổ phiếu riêng lẻ với số lượng là 12.500.000 cổ phiếu với giá chào bán là 18.000 đồng/cổ phiếu.

Ngoài sự kiện như đã nêu trên, Công ty không có bất kỳ sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày lập Bảng cân đối kế toán đòi hỏi phải thực hiện những điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

2. Thông tin về các bên liên quan

Trong năm tài chính này, Tập đoàn phát sinh các nghiệp vụ với các bên liên quan chủ yếu sau:

Bên liên quan	Mối liên kết	Nội dung	Số tiền
Công ty TNHH SMC – SUMMIT	Công ty liên doanh	Mua hàng hóa	(118.813.362.605)
		Bán hàng hóa	64.783.869.324
		Cung cấp dịch vụ	538.020.000
Công ty TNHH MTV SMC TOAMI	Công ty liên kết	Bán hàng hóa	33.073.909.617
		Thi công công trình	31.177.841.727
		Cung cấp dịch vụ	1.334.373.740
Ban Điều Hành		Thu nhập	(3.932.539.823)

Cho đến ngày lập bảng cân đối kế toán, các khoản chưa được thanh toán với các bên liên quan chủ yếu như sau:

Bên liên quan	Mối liên kết	Nội dung	Số tiền
Công ty TNHH SMC – SUMMIT	Công ty liên doanh	Phải trả người bán	84.645.158.015
		Phải thu khách hàng	8.829.635.336
Công ty TNHH MTV SMC TOAMI	Công ty liên kết	Phải trả người bán	65.842.326
		Phải thu khách hàng	34.485.886.250

3. Báo cáo bộ phận

Tại ngày 31/12/2016, Tập đoàn báo cáo hoạt động các bộ phận kinh doanh theo khu vực địa lý như sau:

	Hồ Chí Minh	Bình Dương	BRVT	Hà Nội	Loại trừ	Cộng
Doanh thu từ khách hàng bên ngoài	5.888.857.733.795	680.943.284.603	2.327.754.392.522	543.396.743.885	-	9.440.952.154.805
Giữa các bộ phận	2.947.174.043.833	164.076.431.636	2.098.022.777.563	9.292.113.534	(5.218.565.366.566)	-
Tổng cộng doanh thu thuần	8.836.031.777.628	845.019.716.239	4.425.777.170.085	552.688.857.419	(5.218.565.366.566)	9.440.952.154.805
Kết quả hoạt động kinh doanh						
Lợi nhuận gộp	249.024.827.131	18.755.178.925	410.548.555.450	53.163.097.078	(7.184.567.911)	724.307.090.673
Chi phí hoạt động	(182.887.138.407)	(15.545.033.786)	(86.057.293.077)	(15.856.565.992)	(2.737.509.675)	(297.608.521.587)
Thu nhập tài chính	134.418.204.682	3.707.968.566	4.429.217.451	663.521.938	(78.578.482.357)	64.640.430.280
Chi phí tài chính	(93.864.779.887)	(6.761.327.980)	(30.601.411.010)	(4.686.612.008)	(32.529.317.953)	(103.384.812.932)
Lợi nhuận / (lỗ) khác	7.511.030.844	(74.626.020)	1.872.382.109	716.962.267	(575.640.243)	9.450.108.957
Lợi nhuận đầu tư LD, LK	4.430.496.950	-	-	-	-	4.430.496.950
Lợi nhuận trước thuế	118.632.641.313	82.159.705	300.191.450.923	34.000.403.283	(121.605.518.139)	401.834.792.341
Chi phí thuế TNDN	(16.246.898.352)	(135.247.932)	(10.551.675.530)	(6.829.245.862)	(400.859.890)	(33.362.207.786)
Lợi nhuận sau thuế	102.385.742.961	(53.088.227)	289.639.775.393	27.171.157.421	(122.006.378.029)	368.472.584.555
Tài sản và nợ phải trả						
Tài sản của bộ phận	3.895.920.965.711	235.460.190.414	1.557.312.131.239	230.167.541.041	(1.285.180.787.030)	4.633.680.041.375
Tài sản thuế hoãn lại	9.430.833.731	627.403.277	4.830.212.615	480.928.957	1.670.161.016	17.039.539.5936
Tổng tài sản	3.905.351.799.442	236.087.593.691	1.562.142.343.854	230.648.469.998	(1.283.510.626.014)	4.650.719.580.971
Nợ phải trả của bộ phận						
Mua sắm tài sản cố định	21.671.863.647	-	73.022.493.659	1.338.750.909	-	96.033.108.215
Chi phí khấu hao	19.495.819.385	107.022.668	33.724.219.014	3.131.293.989	-	56.458.355.056

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tt)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

4. Quản lý rủi ro tài chính

4.1 Rủi ro thị trường

(a) Rủi ro giá

Tập đoàn có các hoạt động đầu tư vốn vào các công ty niêm yết và chưa niêm yết và chịu rủi ro biến động giá của các khoản đầu tư này. Các yếu tố rủi ro ảnh hưởng đến kết quả của các khoản đầu tư này bao gồm kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình tài chính của công ty được đầu tư và điều kiện thị trường. Ban Điều hành quản lý rủi ro liên quan đến yếu tố kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình tài chính của các công ty được đầu tư bằng cách chọn lựa các ngành nghề kinh doanh và các công ty để đầu tư. Yếu tố rủi ro liên quan đến điều kiện thị trường tự bản thân nó bị ảnh hưởng bởi các điều kiện kinh tế chung của Việt Nam và các hành vi của các nhà đầu tư, nằm ngoài khả năng kiểm soát của Ban Điều hành. Những yếu tố này đã dẫn đến các điều kiện thị trường biến động nhiều trong những năm vừa qua..

(b) Rủi ro tiền tệ

Tập đoàn chịu rủi ro tỷ giá trên các giao dịch mua và bán bằng các đồng tiền tệ không phải là đồng Việt Nam. Ngoại tệ có rủi ro này chủ yếu là đồng Đô la Mỹ ("USD"). Tập đoàn đảm bảo rằng mức độ rủi ro tiền tệ thuần được duy trì ở một mức độ có thể chấp nhận được bằng cách mua hoặc bán các ngoại tệ theo tỷ giá thực hiện tại thời điểm khi cần thiết để hạn chế sự mất cân bằng trong ngắn hạn. Ban Điều hành không thực hiện các giao dịch phòng ngừa rủi ro tiền tệ sau khi đã cân nhắc chi phí của việc sử dụng các công cụ tài chính phòng ngừa rủi ro có thể vượt mức rủi ro tiềm tàng của biến động tỷ giá.

Rủi ro tiền tệ của Tập đoàn đối với USD như sau:

	USD	Tương đương VND
Tài sản tài chính		
- Tiền gửi ngân hàng	1.628.677,35	36.990.904.348
- Phải thu khách hàng	5.160.467,25	117.178.992.585
- Ký quỹ	144.281,00	3.276.621.510
Cộng	6.933.425,60	157.446.518.443
Nợ tài chính		
- Vay và nợ ngắn hạn	17.772.970,01	404.896.841.396
- Phải trả người bán	4.187.383,50	95.388.596.130
- Vay và nợ dài hạn	1.963.576,95	45.963.890.668
Cộng	23.923.930,46	546.249.328.194
Mức rủi ro tiền tệ	(16.990.504,86)	(388.802.809.751)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, nếu đồng Đô la Mỹ mạnh/(yếu) đi 5% so với đồng Việt Nam trong khi mọi biến số khác (kể cả thuế suất) giữ nguyên không đổi, thì lợi nhuận kế toán trước thuế của Tập đoàn cho kỳ tài chính sẽ (thấp)/cao hơn một khoản là (19.440.140.488) đồng Việt Nam do (lỗ)/lãi chuyển đổi tỷ giá trên số dư các công cụ tài chính bằng đồng Đô la Mỹ còn lại.

(c) Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Tập đoàn chủ yếu liên quan đến các khoản tiền gửi ngắn hạn, các khoản vay của Tập đoàn. Tập đoàn quản lý rủi ro bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Tập đoàn và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Với biến động lãi suất là tăng/(giảm) 2% thì:

Tài sản có lãi suất	31/12/2016	Biến động lãi suất 2%
- Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn	890.145.960.150	17.802.919.203
- Kỳ quỹ	14.677.670.748	293.553.415
Cộng	904.823.630.898	18.096.472.618
Nợ phải trả có lãi suất		
- Các khoản vay và nợ	2.712.436.547.463	54.248.730.949
Cộng	2.712.436.547.463	54.248.730.949
Chênh lệch		(36.152.258.331)

(*) Biến động lãi suất 2% = tổng số dư Tài sản có lãi suất hoặc tổng số dư Nợ phải trả có lãi suất x 2%.

Ảnh hưởng lãi/(lỗ) đến lợi nhuận trước thuế của Tập đoàn do biến động lãi suất (với giả định mức biến động là 2%) là (36.152.258.331 đồng).

4.2 Rủi ro thanh toán

Rủi ro thanh toán là rủi ro Tập đoàn sẽ gặp khó khăn và không thể thực hiện các nghĩa vụ liên quan đến các khoản nợ tài chính. Chính sách của Tập đoàn là thường xuyên giám sát các yêu cầu thanh khoản hiện tại và tương lai nhằm đảm bảo Tập đoàn có thể duy trì dự trữ tiền mặt đầy đủ để có thể đáp ứng các yêu cầu thanh khoản trong ngắn hạn và trung hạn. Việc nắm giữ tiền mặt của Tập đoàn và dòng lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động được cho là đầy đủ để có thể thanh toán các khoản nợ đến hạn trong năm tài chính tới của Tập đoàn.

Bảng dưới đây phân tích các khoản nợ tài chính phi phái sinh vào các nhóm đáo hạn có liên quan dựa trên kỳ hạn còn lại từ ngày lập bảng cân đối kế toán đến ngày đáo hạn theo hợp đồng. Các số tiền được trình bày trong bảng sau là các dòng tiền theo hợp đồng không chiết khấu.

Tại ngày 31/12/2016	Dưới 01 năm	Từ 01 đến 05 năm	Cộng
- Các khoản vay và nợ	2.626.800.593.384	85.635.954.079	2.712.436.547.463
- Phải trả người bán	1.007.169.909.092	-	1.007.169.909.092
- Các khoản phải trả khác và chi phí phải trả	28.749.063.914	-	28.749.063.914
Cộng	3.662.719.566.390	85.635.954.079	3.748.355.520.469

Tập đoàn cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là rất cao. Tập đoàn tin tưởng vẫn có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn cần thiết.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tt)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Tài sản đảm bảo

Tập đoàn đã thế chấp tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình cho các khoản vay của Tập đoàn (thuyết minh tại mục số 23 - phần Thuyết minh các Báo cáo tài chính).

Đo lường theo giá trị hợp lý

Giá trị ghi sổ trừ dự phòng của các khoản phải thu khách hàng ngắn hạn, tiền gửi Ngân hàng và các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác là gần bằng với giá trị của chúng.

Dưới đây là chi tiết giá trị hợp lý của các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn:

Tại ngày 31/12/2016	So sánh với giá thị trường			Đơn vị tính: 1.000 đồng	
	Giá trị sổ sách	Tăng	Giảm	Giá trị hợp lý	Dự phòng
Đầu tư ngắn hạn					
Chứng khoán vốn niêm yết	3.959.791	-	(2.418.450)	1.541.341	(2.418.450)
Chứng khoán vốn giao dịch trên sàn Upcom	2.555.000	-	(1.703.500)	851.500	(1.703.500)
Chứng khoán vốn chưa niêm yết	632.908	-	(180.308)	452.601	(180.308)
Tiền gửi có kỳ hạn dưới 12 tháng	776.100.000	-	-	776.100.000	-
Các khoản đầu tư dài hạn					
Tiền gửi có kỳ hạn trên 12 tháng	5.000.000	-	-	5.000.000	-
Chứng khoán vốn niêm yết	33.599.960	-	(22.016.960)	11.583.000	(22.016.960)
Chứng khoán vốn giao dịch trên sàn Upcom	36.621.151	-	(24.507.105)	12.114.046	(24.507.105)
Chứng khoán vốn chưa niêm yết (*)	57.574.500	12.819.094	-	70.393.594	-
Tổng cộng	916.043.310	12.819.094	(50.826.322)	878.036.081	(50.826.322)

(*) Bao gồm cả khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết và đầu tư dài hạn khác.

Tại ngày 31/12/2016, đối với các khoản đầu tư ngắn hạn, đầu tư dài hạn khác: do Tập đoàn không xác định được giá thị trường từ các nguồn tin cậy cũng như giá trị sổ sách của các chứng khoán chưa niêm yết nên Tập đoàn ghi nhận theo giá gốc đầu tư ban đầu hoặc theo giá trị xét đoán của Ban Giám đốc.

4.3 Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro Tập đoàn bị thiệt hại về tài chính nếu một khách hàng hoặc một đối tác của công cụ tài chính không thể thực hiện các nghĩa vụ theo hợp đồng của họ, và rủi ro này phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng.

Phải thu khách hàng và phải thu khác

Mức độ rủi ro tín dụng của Tập đoàn bị ảnh hưởng chủ yếu bởi các đặc điểm riêng biệt của từng khách hàng.

Ban Điều hành đã thiết lập các chính sách tín dụng, theo đó, mỗi một khách hàng mới phải được phân tích kỹ về mức độ tín nhiệm trước khi Tập đoàn đưa ra các điều kiện và điều khoản giao hàng và thanh toán. Hạn mức mua hàng

được thiết lập cho từng khách hàng, thể hiện khoản tiền cao nhất mà khách hàng có thể mua mà không cần phải có sự chấp thuận của Ban Điều hành. Khách hàng nào không được thông qua xếp hạng tín nhiệm chỉ có thể giao dịch với Tập đoàn với điều kiện trả tiền trước.

Tập đoàn sẽ lập dự phòng giảm giá trị để phản ánh mức độ thiệt hại ước tính đối với các phải thu khách hàng, phải thu khác và các khoản đầu tư. Thành phần chính của khoản dự phòng giảm giá trị này là khoản lỗ cụ thể có liên quan đến mức độ thiệt hại lớn cụ thể đối với từng khách hàng và mức độ thiệt hại tổng thể của nhóm tài sản tài chính tương tự, được xác định khi các rủi ro này có thể đã xảy ra nhưng chưa được phát hiện. Mức độ thiệt hại tổng thể được xác định dựa trên dữ liệu thống kê về thanh toán trong quá khứ của các tài sản tài chính tương tự.

Số dư ngân hàng

Tập đoàn có số dư tiền gửi với các tổ chức tín dụng trong nước. Ban Điều hành không nhận thấy một khoản thiệt hại nào đối với kết quả hoạt động của các tổ chức tín dụng này.

Mức độ rủi ro tín dụng tối đa đối với mỗi nhóm tài sản tài chính là giá trị ghi sổ của nhóm công cụ tài chính đó được trình bày trên bảng cân đối kế toán. Các nhóm tài sản tài chính lớn của Tập đoàn là tiền gửi Ngân hàng, các khoản phải thu khách hàng, các khoản phải thu khác và các khoản đầu tư.

Các tài sản tài chính không quá hạn cũng không bị suy giảm giá trị

Tiền gửi Ngân hàng là các khoản tiền gửi ở các Ngân hàng có xếp hạng tín nhiệm cao ở Việt Nam. Các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác mà không quá hạn cũng không bị giảm giá chủ yếu là từ các công ty có quá trình thanh toán tốt cho Tập đoàn.

Các khoản phải thu khách hàng, trả trước người bán và phải thu khác của Công ty không quá hạn và không bị suy giảm giá trị là 1.321.680.872.459 đồng Việt Nam.

Tài sản tài chính quá hạn và / hoặc suy giảm giá trị

Giá trị ghi sổ của các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác được xác định là có suy giảm giá trị và sự tăng giảm của dự phòng giảm giá trị liên quan như sau:

Giá trị ghi sổ	31/12/2016	Dự phòng giảm giá trị	31/12/2016
Tổng gộp	111.575.884.797	Số dư đầu năm	111.575.884.797
Trừ dự phòng giảm giá trị	(106.775.908.088)	Tăng (do trích lập dự phòng)	(106.775.908.088)
Giá trị thuần của khoản phải thu này	4.799.976.709	Hoàn nhập dự phòng (do thu hồi)	4.799.976.709
		Số dư cuối năm (31/12/2016)	(106.775.908.088)



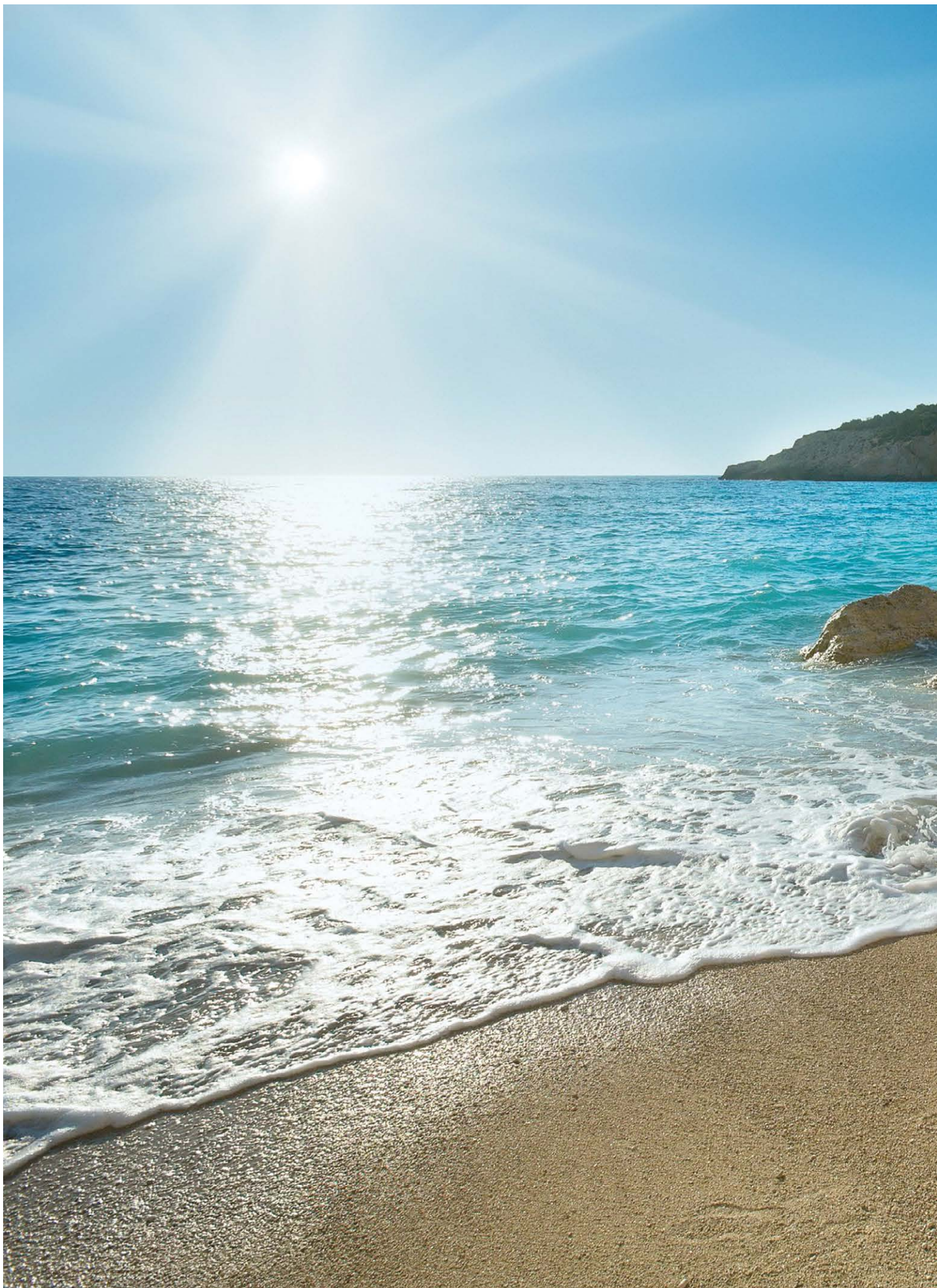
NGUYỄN THANH HÀ
Người lập biểu

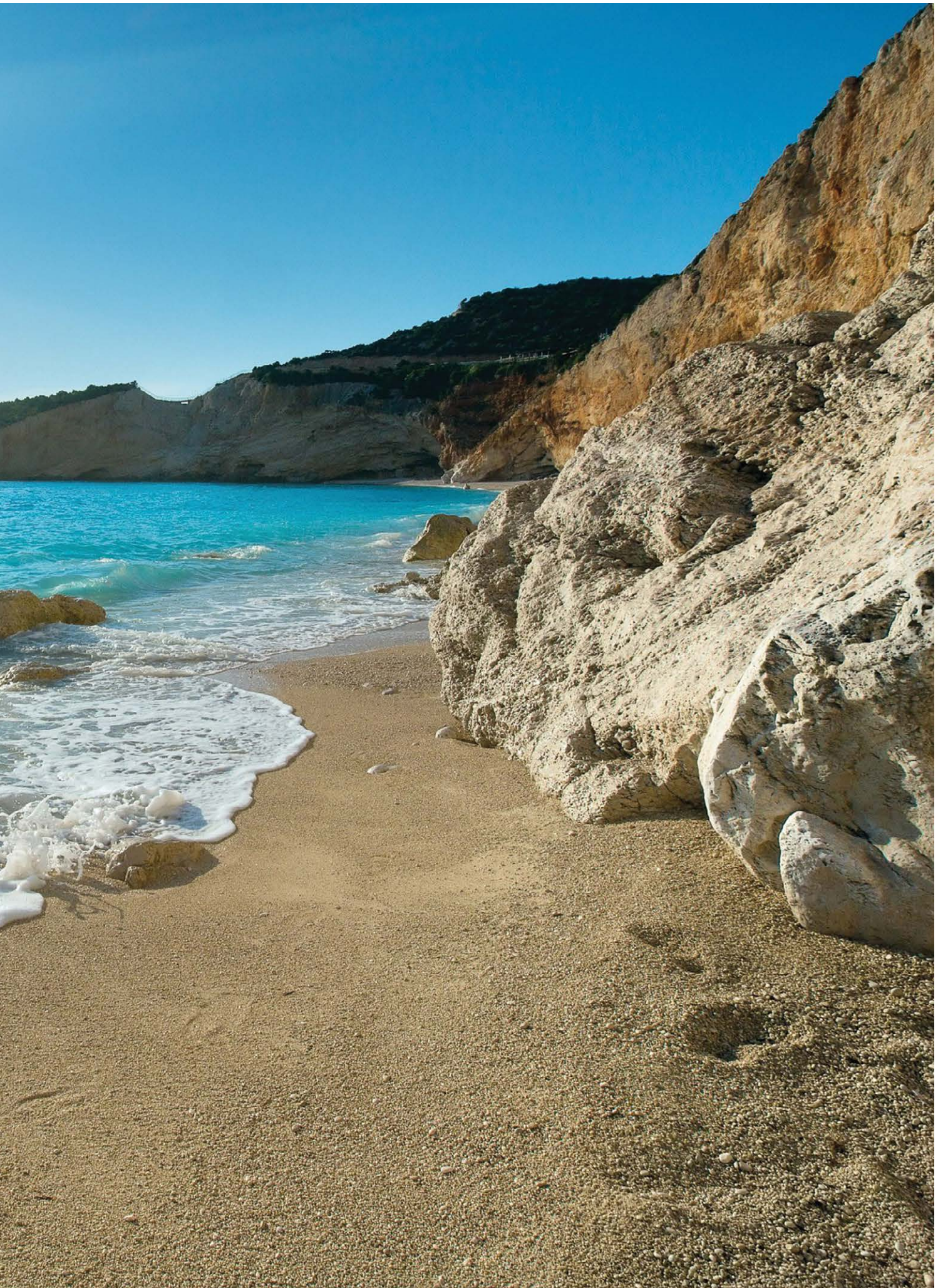


ĐỖ DOÃN THÀNH CÔNG
Kế toán trưởng



NGUYỄN NGỌC ANH
Tổng Giám Đốc
Ngày 03 tháng 3 năm 2017







NHÀ PHÂN PHỐI THÉP CHUYÊN NGHIỆP

Công ty Cổ phần Đầu Tư Thương Mại SMC

396 Ung Văn Khiêm, Phường 25, Quận Bình Thạnh, TPHCM

Điện thoại: (84 - 08) 38 99 22 99

Fax: (84 - 08) 38 98 09 09

Website: www.smc.vn